

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HOME TRADING

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
I. ĐĂNG NHẬP VÀ THAY ĐỔI MẬT KHẨU.....	4
1. Đăng nhập.....	4
2. Đăng xuất.....	4
3. Đổi mật khẩu.....	5
II. BẢNG GIÁ	6
1. Miếng index	6
2. Chức năng cài đặt hiển thị cột.....	8
3. Danh mục yêu thích.....	9
3.1 Tạo mới danh mục	9
3.2 Quản lý danh mục.....	10
3.3 Sửa tên danh mục yêu thích.....	12
3.4 Xóa danh mục yêu thích	12
3.5 Thêm mã Chứng khoán vào Danh mục yêu thích	13
4. Niêm yết.....	14
5. ETF	15
6. Thỏa thuận.....	15
7. Ngành.....	16
8. Chứng quyền.....	16
9. Trái Phiếu	16
10. Lô lẻ.....	17
11. Thông tin mã chứng khoán.....	17
III. THỊ TRƯỜNG	25
1. Tổng hợp thị trường	25
2. Phân tích kỹ thuật.....	37
3. Bộ lọc.....	39
IV. LỆNH CƠ SỞ.....	43
1. Lệnh cơ sở.....	43

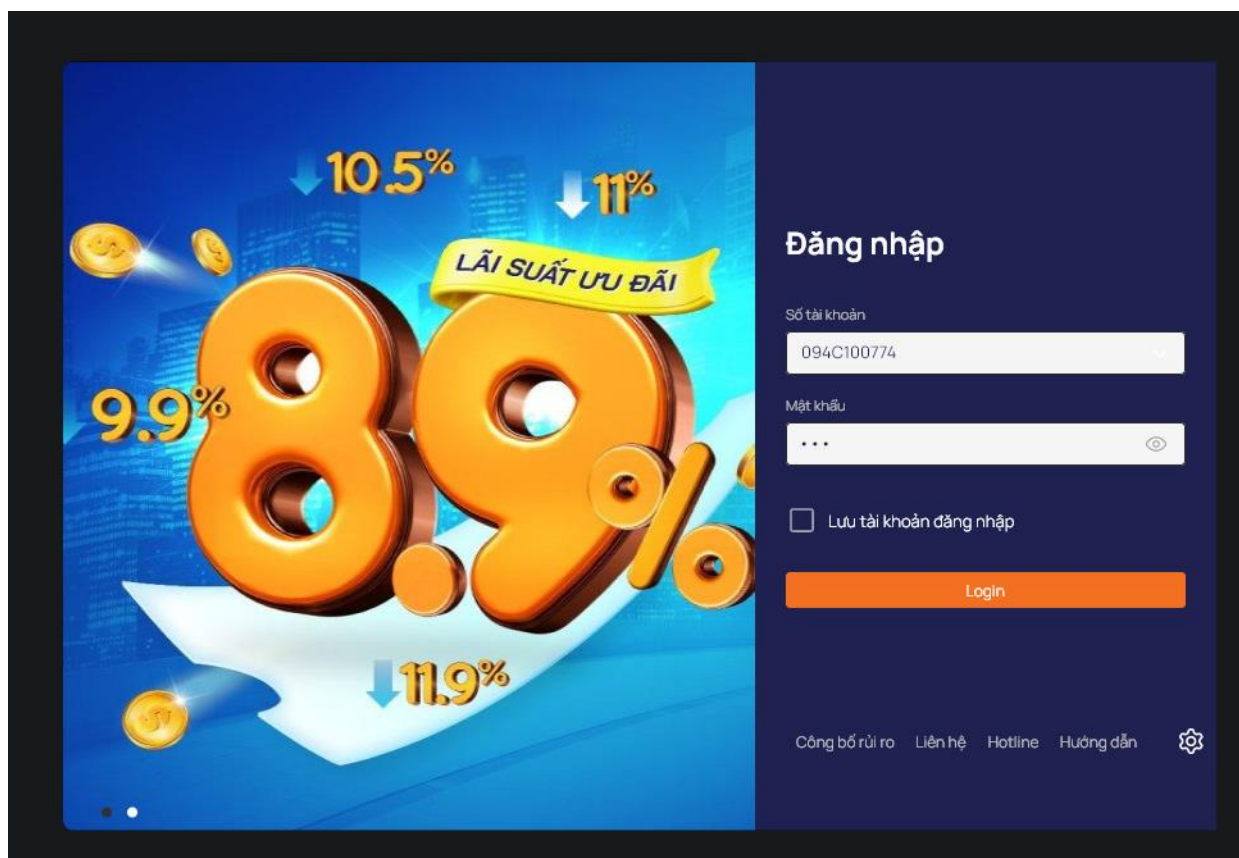
1.1.	Đặt lệnh cơ sở	43
1.2.	Sửa lệnh	49
1.3.	Hủy lệnh	50
1.4.	Danh mục đầu tư.....	51
2.	Lệnh điều kiện	52
2.1	Lệnh trước ngày.....	54
2.2	Lệnh xu hướng.....	55
2.3	Lệnh chốt lãi	57
2.4	Lệnh cắt lỗ	58
2.5	Lệnh tranh mua tranh bán.....	59
3.	Sổ lệnh trong ngày.....	60
4.	Lịch sử lệnh	62
5.	Yêu cầu thỏa thuận cùng công ty (1Firm)	63
5.1	Đặt lệnh thỏa thuận 1-Firm.....	64
5.3	Hủy lệnh thỏa thuận 1-Firm	66
6.	Yêu cầu thỏa thuận khác công ty (2Firm).....	66
6.1	Đặt lệnh thỏa thuận 2-Firm.....	67
6.3	Hủy giao dịch 2 firm	69
7.	Trả lời yêu cầu thỏa thuận	70
8.	Xác nhận lệnh online	71
V.	TÀI SẢN	72
1.	Sao kê tài khoản.....	72
2.	Lãi lỗ thực hiện.....	73
3.	Báo cáo tài sản.....	74
VI.	DỊCH VỤ CƠ BẢN.....	77
1.	Ứng trước.....	77
2.	Chuyển khoản tiền.....	79
2.1	Chuyển khoản nội bộ	79
2.2	Chuyển khoản ngân hàng	81
3.	Chuyển khoản chứng khoán.....	85
4.	Đăng ký mua phát hành thêm.....	89

5.	Smart QR	91
VII.	DỊCH VỤ TÀI CHÍNH	92
7.1.	Danh mục chứng khoán ký quỹ	92
7.2.	Công nợ Margin.....	93
7.3.	Lịch sử trả nợ.....	93
7.4.	Lịch sử gia hạn	94

I. ĐĂNG NHẬP VÀ THAY ĐỔI MẬT KHẨU

Khách hàng truy cập vào link: <https://hometrading.vfs.com.vn/> tải phần mềm Home Trading về máy tính cá nhân, sau đó thực hiện đăng nhập vào hệ thống phần mềm giao dịch.

1. Đăng nhập



(1) Nhập vào thông tin đăng nhập

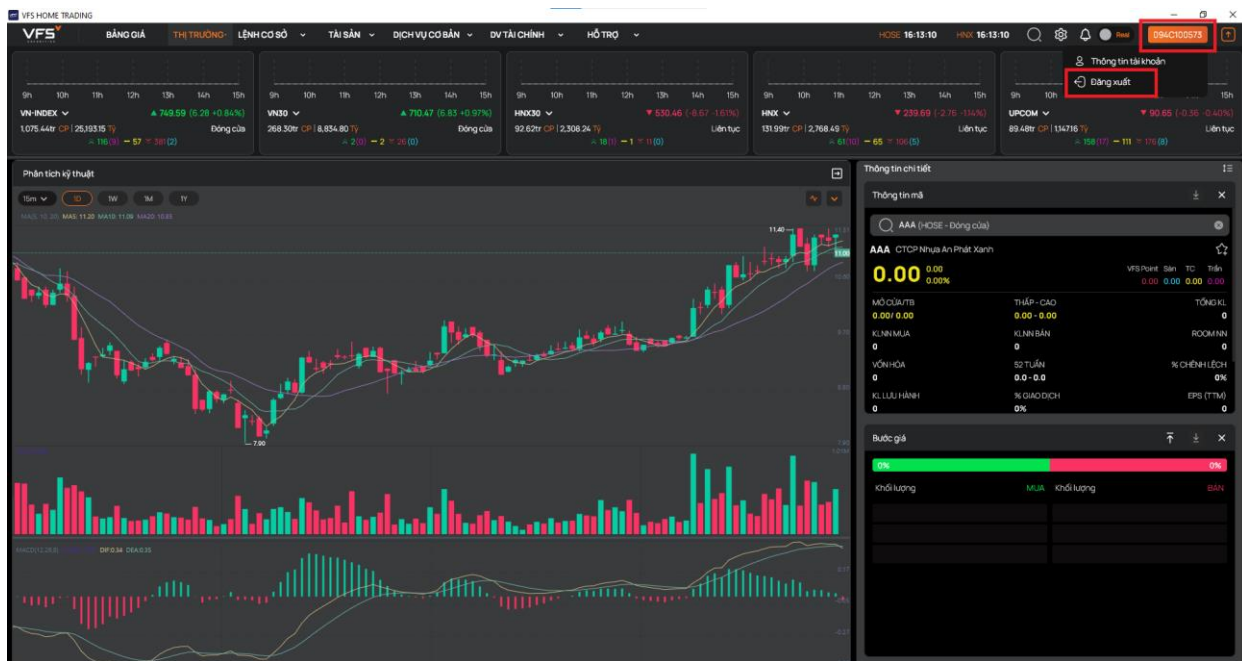
- Nhập tên đăng nhập
- Nhập mật khẩu đăng nhập

(2) Nhấn nút “Đăng Nhập” hoặc Nhấn Enter sau khi nhập mật khẩu

2. Đăng xuất

📌 Đường dẫn: 094Cxxxxxx/ Đăng xuất

📌 Mục đích: Chức năng cho phép người dùng thoát khỏi phần mềm



3. Đổi mật khẩu

- Đường dẫn: Cài đặt / Cài đặt mật khẩu
- Mục đích: Đổi mật khẩu đăng nhập cho tài khoản

The screenshot shows the 'Cài đặt' (Settings) screen. On the left, a sidebar lists various settings: Cài đặt chung, QL thiết bị sử dụng Smart OTP, Smart Otp, Dịch vụ ứng trước tự động, Cài đặt mật khẩu (highlighted), Tài khoản giao dịch, Dịch vụ Email/SMS, Xóa cache, Cảnh báo, and Điều kiện & Điều khoản. The main area displays the 'Cài đặt mật khẩu' (Change Password) section, which includes a 'Mật khẩu đăng nhập' (Login Password) field with a 'Đổi mật khẩu' (Change Password) button. Below this is the 'Mật khẩu giao dịch' (Trading Password) section, which has a 'Tạo mật khẩu đăng nhập mới' (Create new login password) button. A modal window titled 'Tạo mật khẩu đăng nhập mới' is open, showing three input fields: 'Mật khẩu hiện tại *' (Current Password), 'Mật khẩu mới *' (New Password), and 'Nhập lại mật khẩu mới *' (Repeat New Password). The first field is labeled '1', the second '2', and the third '3'. At the bottom of the modal are 'Hủy' (Cancel) and 'Cập nhật' (Update) buttons. The 'Cập nhật' button is labeled '4'.

(1) Nhập mật khẩu hiện tại

(2) Nhập mật khẩu mới

(3) Nhập lại mật khẩu mới

(4) Nhấn Hủy → đóng popup

Nhấn Cập nhật → hệ thống thông báo thay đổi mật khẩu thành công và thoát ra màn hình đăng nhập

II. BẢNG GIÁ

1. Miếng index

📌 *Đường dẫn:* Truy cập Home trading/ Bảng giá

📌 *Mục đích:* Hiện thị các thông tin về giá, thay đổi, % thay đổi về giá, khối lượng, Giá trị, thống kê số lượng mã theo tiêu chí giá của các index: VN- INDEX, VN30, mã phái sinh VN30F2302, HNX30, HNX, UPCOM, hỗ trợ người dùng đánh giá, phân tích sự biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam

VFS

HOME TRADING

BẢNG GIÁ

THỊ TRƯỜNG

LÊN/CÓ SỔ

TÀI SẢN

DỊCH VỤ CỐ BẢN

DV TẠI CHÍNH

HỖ TRỢ

HOSE 16:19:38

HNX 16:19:38

🔍

⚙️

🔔

👤

0841020573

VN-INDEX

1,075.44đ

CP

25.9315

▲ 749.59 (5.28 +0.84%)

Dòng giá

VN30

268.30đ

CP

8.834.80

▲ 710.47 (8.83 +0.97%)

Dòng giá

HNX30

92.62đ

CP

2,308.24

▼ 535.46 (-8.67 -1.61%)

Liên tục

HNX

131.99đ

CP

2,768.49

▼ 239.69 (-2.76 -1.14%)

Liên tục

UPCOM

89.48đ

CP

114,716

▼ 90.65 (-0.36 -0.40%)

Liên tục

🔍 Tìm mã CK

Danh mục ưu thích

Danh mục sở hữu

HOSE

Thoát phiên

Ngược

Chứng quyền

Tải phiếu

Lỗ >

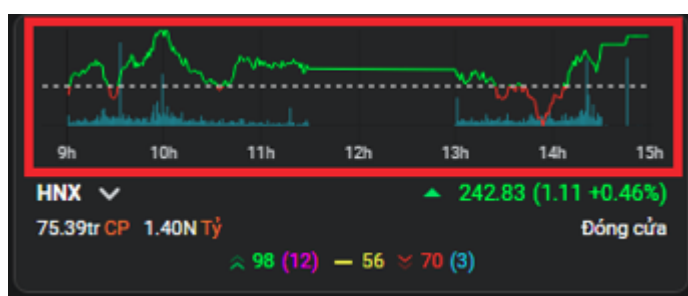
🔧

Mã CK	THỜI	SÀN	TC	GIÁ 3	KL 3	DU MUA	KL 2	GIÁ 1	KL 1	GIÁ	KL	%	TR	DU BÁN	KL 2	GIÁ 3	KL 3	TỔNG KL	CAO	THẤP	TB	MUA	BÁN	ROOM/MN	
AAA	12.25	10.65	11.45	10.30	100.20	10.35	47.00	11.00	112.20	11.00	520.70	-5.9%	11.10	29.70	11.15	10.20	11.20	76.40	13,305.10	11.75	10.80	11.33	819.30	1,615.55	353,393.51
AAH	9.41	8.19	8.80	8.61	10	8.62	50	8.70	60	8.87	20	+0.8%	8.87	30	8.88	4.30	8.89	15.60	6.50	8.89	8.70	8.82			5,941.86
AAT	5.02	4.78	4.70	4.59	1.60	4.60	20	4.65	10	4.65	22.10	-11%	4.66	3.00	4.67	50	4.68	50	243.40	4.75	4.52	4.62	2.20	1.70	34,762.51
ABH	13.70	12.00	12.85	13.10	13.30	13.30	5.60	13.60	1.00	13.60	1.60	-5.8%	13.65	30	13.70	5.00		23.20	13.60	12.45	12.84	30		119.90	
ABH	5.75	5.02	5.39	5.24	2.50	5.25	5.25	16.20	5.25	38.30	2.4%	5.28	12.80	5.31	10	5.32	20	469.20	5.39	5.26	5.33				
ABT	37.85	32.95	35.40	33.20	10	33.30	10	33.50	10	34.80	20	-1.7%	34.80	1.90	35.40	2.70	35.45	10	40	34.80	34.00	34.40	10		6,778.30
ACB	30.40	26.50	28.45	29.15	1.00	29.20	68.30	29.25	31.70	29.25	801.80	-2.8%	29.30	21.20	29.35	27.90	29.40	20.80	33,648.30	30.20	28.25	29.39	1,000.00	1,000.00	
ACC	15.90	13.90	14.90	14.10	10.00	14.40	2.20	14.50	50	14.90	1.00		14.90	6.50	14.95	1.00	15.00	18.90	12.30	15.00	14.40	14.70			
ACG	44.40	38.60	41.60	41.00	110	41.15	10	41.40	6.10	41.40	40	-0.2%	41.80	40	41.85	50	41.90	1.90	35.50	42.50	41.40	41.44	10		17,275.66
ACL	13.35	11.65	12.50	12.35	5.80	12.40	10	12.45	20	12.50	40		12.50	4.50	12.55	3.40	12.60	30.60	19.70	12.50	12.40	12.42			18,687.03
ADG	19.40	16.90	18.15	17.00	90	17.05	130	17.10	10	17.65	20	-1.7%	17.65	40	17.90	1.00	17.95	10	6.90	17.85	17.05	17.12	170		3,764.03
ADP	28.10	24.50	26.30	25.15	10	25.20	1.00	25.30	10	25.90	10	-1.0%	26.00	1.00	26.25	40	26.30	10	5.60	26.10	25.90	26.02			22,846.41
ADH	14.90	13.00	13.95	13.40	61.30	13.45	106.80	13.50	430	13.50	33.50	3.2%	13.50	2.40	13.65	20.00	13.70	80	1,642.60	14.40	13.10	13.80	128.30	78.90	36,219.93
ADJ	27.60	24.00	25.80	24.75	1.50	24.80	10.40	24.85	10	24.90	104.30	3.5%	24.90	11.70	25.00	25.05	1.00	2,769.80	25.70	24.20	25.08	3.60	411.20	55,003.23	
AGM	5.12	4.45	4.79	4.77	5.00	4.78	2.50	4.79	17.90	4.79	15.50		4.82	5.90	4.84	13.00	4.85	2.00	241.00	4.90	4.79	4.82			
AGR	21.95	19.15	20.55	19.50	24.10	19.60	33.30	19.65	248.00	19.65	89.80	-4.4%	19.70	2.90	19.75	20	19.80	3.40	3,616.00	20.45	19.20	19.89	4.80	73.20	214,605.44
ANV	34.55	30.05	32.30	31.35	130	31.40	26.40	31.45	6.70	31.50	33.60	-2.9%	31.50	70	31.60	4.00	31.70	2.50	2,060.90	32.60	30.75	31.72	7.30	123.90	63,965.47
APG	15.40	13.40	14.40	13.85	1.80	13.90	9.80	13.95	5.50	13.95	3.40	3.1%	14.00	1.30	14.15	70	14.25	7.40	285.40	14.50	13.80	14.31	90	22.00	202,855.92
APH	10.70	9.30	10.00	9.62	10.00	9.64	201.30	9.65	105.90	9.65	175.00	-3.5%	9.66	2.90	9.67	50	9.70	30.00	3,224.70	10.20	9.50	9.87	245.60	271.50	172,953.12
ASG	21.30	18.60	19.55	19.30	30	19.35	10	19.55	10	19.90	10	-0.3%	19.95	2.90	20.00	80	20.40	30	10	19.50	19.30	19.90			26,568.52
ASM	12.80	11.20	12.00	11.45	85.80	11.50	247.20	11.55	170	11.55	225.50	5.6%	11.65	14.30	11.70	105.60	11.75	35.70	5,047.60	12.15	11.40	11.78	114.60	242.40	121,504.76

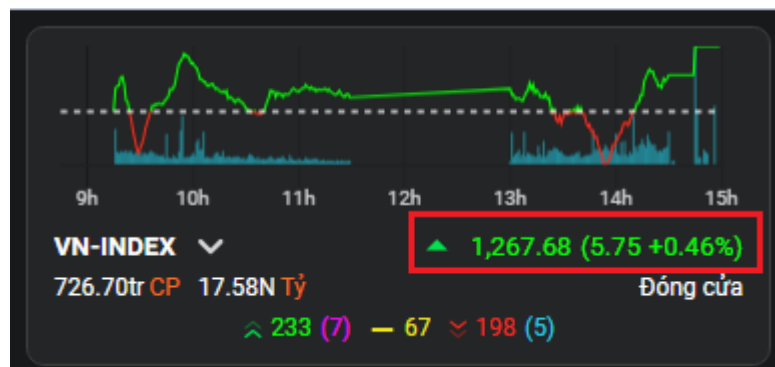
Giá 1 x 100 VNĐ, Giá 1 Lũy 10, Giá 1 Lũy 1,000 VNĐ

📌 *Thông tin trên miếng index:*

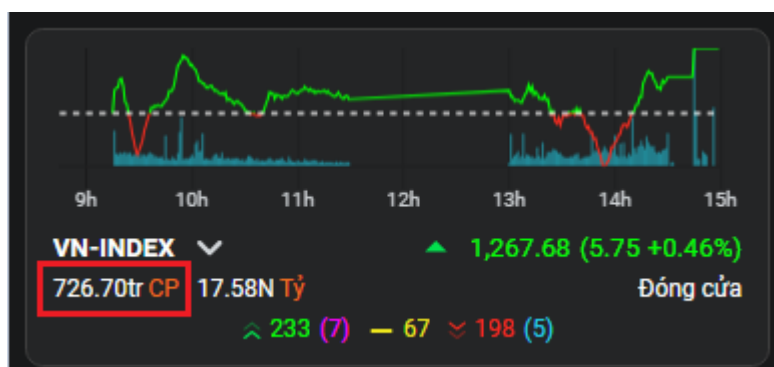
+ Chart hiển thị biến động về giá và khối lượng của chỉ số index trong ngày



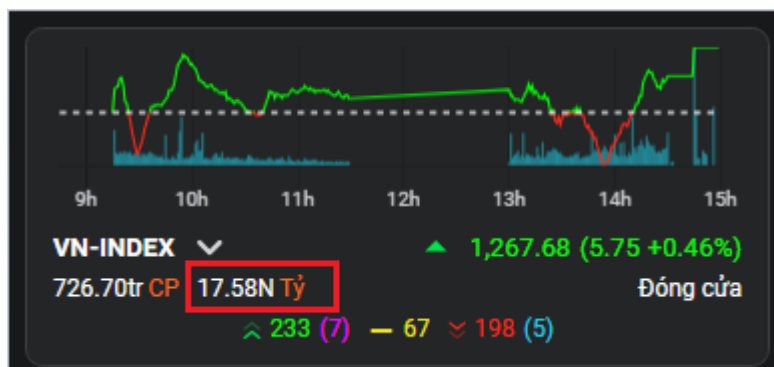
+ Giá chỉ số index: Giá cổ phiếu trung bình của các công ty lớn nhất trong từng nhóm cổ phiếu, hiển thị thay đổi về giá và % thay đổi



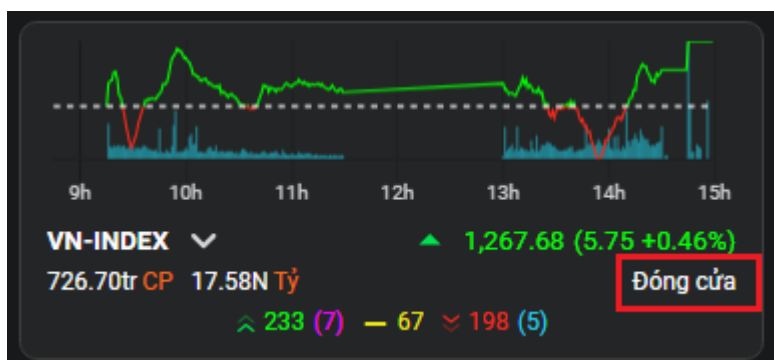
+ Tổng khối lượng giao dịch của chỉ số index



+ Tổng giá trị giao dịch của chỉ số index



+ Phiên hiện tại của từng sàn



+ Số lượng mã CK có giá khớp > Giá tham chiếu: hiển thị màu xanh lá

+ Số lượng mã CK có giá khớp = giá trần hiển thị màu tím

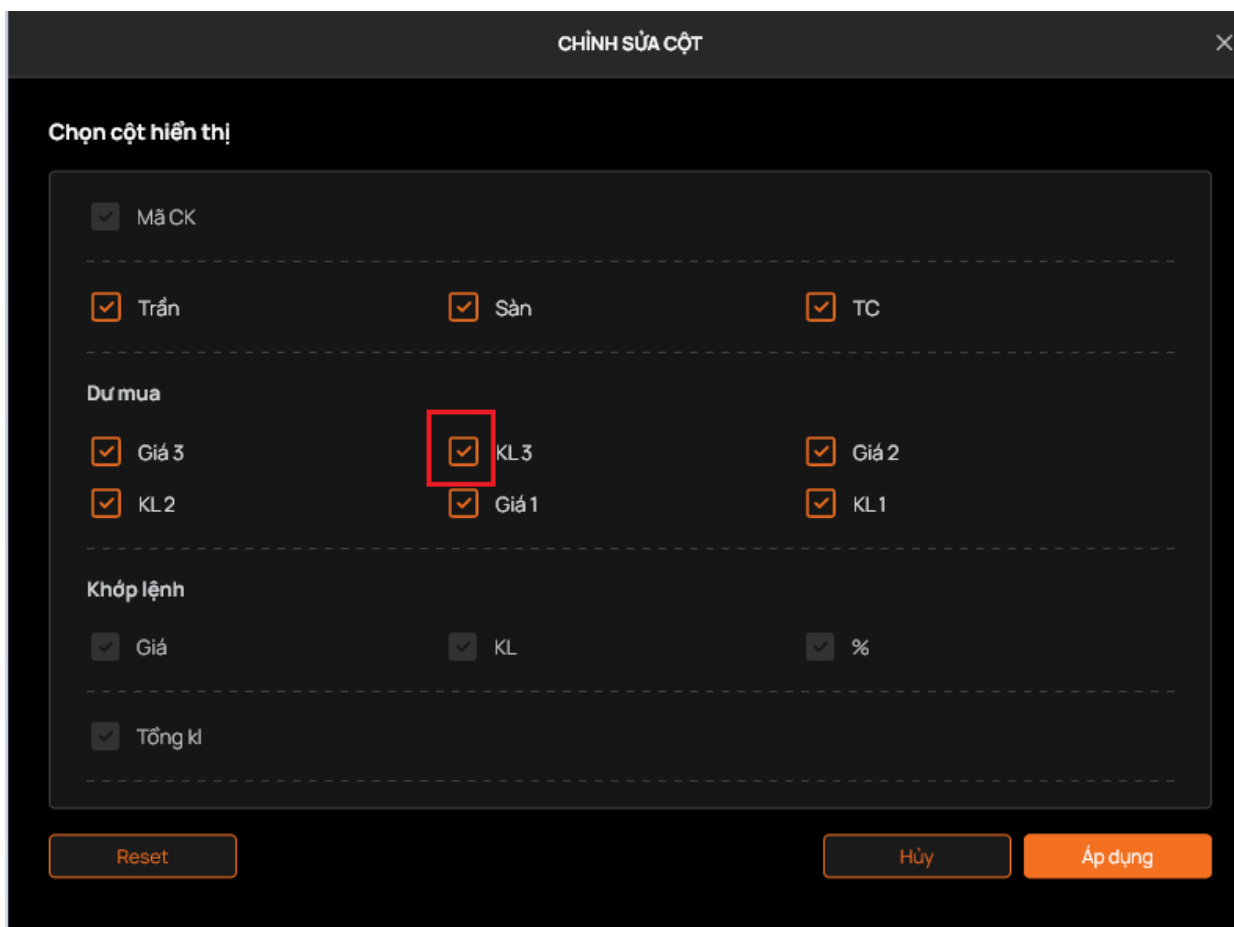
- 
- VN-INDEX** ▼ ▲ 1,267.68 (5.75 +0.46%)
 726.70tr CP 17.58N Tỷ Đóng cửa
- ▲ 233 (7) — 67 ▼ 198 (5)

- **Mục đích:** Cài đặt ẩn hiện cột, áp dụng với tất cả các bảng giá trừ bảng giá thỏa thuận, chọn ẩn hiện cột thì tất cả các bảng giá đều sẽ thực hiện rule ẩn hiện cột chung, bảng giá lô lẻ không có chọn ẩn hiện cột ĐTNN mua/bán

[illegible]

- + Các cột bị ẩn mờ đi bao gồm: mã CK, Khớp lệnh Giá, Khớp lệnh KL, khớp lệnh %, Tổng kl mặc định luôn luôn hiển thị và không ẩn đi được
- + Các cột hiển thị dấu tích xanh bao gồm: Giá trần, sàn, tham chiếu, dư mua, giá cao thấp TB, ĐTNN mua bán sẽ có thể ẩn hiện cột

(2) Nhấn áp dụng



CHỈNH SỬA CỘT

Chọn cột hiển thị

☒ Mã CK

☒ Trần ☒ Sàn ☒ TC

Dư mua

☒ Giá 3 ☒ KL 3 ☒ Giá 2

☒ KL 2 ☒ Giá 1 ☒ KL 1

Khớp lệnh

☒ Giá ☒ KL ☐ %

☒ Tổng kl

Reset Hủy Áp dụng

- Chức năng reset
 - + Mục đích: Nhấn chọn bỏ tích để ẩn hiện cột nhưng người dùng đổi ý, khi nhấn reset thì tất cả các mục đều được tích, đồng nghĩa với việc sẽ không ẩn bất kỳ cột nào
- Nhấn Hủy để tắt popup cài đặt cột

3. Danh mục yêu thích

 Đường dẫn: Bảng giá/ Danh mục yêu thích

 Mục đích: Theo dõi biến động giá trên danh mục các mã yêu thích của người dùng

3.1 Tạo mới danh mục

➤ Các bước thực hiện:

VFS HOME TRADING

BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG LỆNH CƠ SỞ TÀI SẢN DỊCH VỤ CƠ BẢN DV TÀI CHÍNH HỖ TRỢ

HOSE: 16.43.44 HNX: 16.43.44

VN-INDEX: 749.59 (6.28 +0.84%) 749.59 (6.28 +0.84%) 749.59 (6.28 +0.84%) 749.59 (6.28 +0.84%) 749.59 (6.28 +0.84%)
1075.44đ CP | 25,193.5đ TĐ
Đóng cửa: 268.30đ CP | 8,834.80đ TĐ
2.00 - 2 = 26 (0)

VN30: 710.47 (6.83 +0.97%) 710.47 (6.83 +0.97%) 710.47 (6.83 +0.97%) 710.47 (6.83 +0.97%) 710.47 (6.83 +0.97%)
92.82đ CP | 2,308.24đ TĐ
18 (1) - 1 = 1 (0)

HNX30: 530.46 (6.67 +1.19%) 530.46 (6.67 +1.19%) 530.46 (6.67 +1.19%) 530.46 (6.67 +1.19%) 530.46 (6.67 +1.19%)
Liên tục: 131.99đ CP | 2,768.48đ TĐ
61 (0) - 65 = 106 (5)

HRE: 239.69 (2.76 +1.14%) 239.69 (2.76 +1.14%) 239.69 (2.76 +1.14%) 239.69 (2.76 +1.14%) 239.69 (2.76 +1.14%)
Liên tục: 69.48đ CP | 1,417.16đ TĐ
158 (1) - 111 = 171 (8)

UPCOM: 90.65 (0.30 -0.40%) 90.65 (0.30 -0.40%) 90.65 (0.30 -0.40%) 90.65 (0.30 -0.40%) 90.65 (0.30 -0.40%)
Liên tục: 69.48đ CP | 1,417.16đ TĐ
158 (1) - 111 = 171 (8)

Tìm mã CK

Danh mục yêu thích Danh mục sở hữu HOSE Thoát thuận Ngành Chứng quyền Tài phiếu Lô lẻ

Mã CK	Tên	Sản	Tạo danh mục mới	GA.3	KL.3	GA.2	KL.2	GA.1	KL.1	GA	KL	%	GA.1	KL.1	GA.2	KL.2	GA.3	KL.3	TỔNG KL	GA	THẤP	TĐ	MUA	BÁN	ROOM/NN
AAA	12.25	10.65	11.45	10.90	100.20	10.95	47.00	11.00	192.20	11.00	320.70	-5.9%	10.10	29.70	11.15	10.20	11.20	76.40	13,309.10	11.75	10.80	11.53	819.30	1,615.55	353,393.51
AAM	9.41	8.19	8.80	8.61	10	8.62	50	8.70	60	8.87	20	+0.8%	8.87	30	8.88	4.30	8.89	19.60	6.90	8.89	8.70	8.82			5,941.86
AAT	5.02	4.38	4.70	4.59	1.60	4.60	20	4.65	10	4.65	22.30	-11%	4.66	1.00	4.67	50	4.68	50	243.40	4.75	4.52	4.62	2.20	1.70	34,762.81
ABR	13.70	12.00	12.85	13.10	1.50	13.30	5.60	13.60	1.00	13.60	1.60	+5.6%	13.65	30	13.70	5.60			23.20	13.60	12.45	12.84	30	10	119.90
ABS	5.76	5.02	5.39	5.24	2.50	5.25	5.20	5.26	16.20	5.26	38.30	-2.4%	5.28	12.80	5.31	10	5.32	20	469.20	5.39	5.26	5.33			
ABT	37.85	32.95	35.40	33.20	10	33.30	10	33.50	10	34.80	20	-1.7%	34.80	1.90	35.40	2.70	35.45	10	40	34.80	34.00	34.40	10		6,778.30
ACB	30.40	26.50	28.45	29.15	1.00	29.20	68.30	29.25	31.70	29.25	601.80	+2.8%	29.30	21.20	29.35	27.80	29.40	20.80	33,848.20	30.20	29.25	29.39	1,000.00	1,000.00	
ACC	15.90	13.90	14.90	14.10	10.00	14.40	2.20	14.50	90	14.90	1.00		14.90	6.50	14.95	1.00	15.00	18.90	12.10	15.00	14.40	14.70			
ACD	44.40	38.60	41.50	41.00	1.00	41.15	19	41.40	6.10	41.40	40	-0.2%	41.80	40	41.85	50	41.90	1.90	35.50	42.50	41.40	41.64		10	17,273.66
ACL	13.35	11.65	12.50	12.35	5.80	12.40	10	12.45	20	12.50	60		12.50	4.50	12.55	3.40	12.60	31.60	19.70	12.50	12.40	12.42			18,687.03
ADG	19.40	16.90	18.15	17.00	10	17.05	1.90	17.10	10	17.25	20	-1.7%	17.45	40	17.50	1.00	17.55	10	6.90	17.45	17.05	17.12	1.70		3,754.03
ADP	28.90	24.50	26.30	25.15	10	25.20	1.00	25.30	10	25.90	10	-1.5%	26.00	1.00	26.25	40	26.30	10	5.60	26.10	25.90	26.02			22,846.41
ADH	14.90	13.00	13.95	13.40	61.30	13.45	106.80	13.50	4.10	13.50	33.50	-3.2%	13.60	2.40	13.65	20.00	13.70	80	1,642.60	14.40	13.10	13.80	129.30	79.90	36,219.93
ADJ	27.60	24.00	25.80	24.75	1.50	24.80	10.40	24.85	10	24.90	124.30	-1.5%	24.90	11.70	25.00	25.00	25.05	1.00	2,769.80	25.70	24.20	25.08	3.60	411.20	55,031.23
AGM	5.12	4.45	4.79	4.77	5.00	4.78	2.30	4.79	17.90	4.79	15.90		4.82	5.90	4.84	13.00	4.85	2.00	241.00	4.90	4.79	4.82			
AGR	21.95	19.15	20.55	19.50	24.10	19.60	33.30	19.65	248.00	19.65	89.80	-4.4%	19.70	2.90	19.75	20	19.80	3.40	3,616.00	20.45	19.20	19.89	4.50	73.20	214,605.44
ANV	34.35	30.05	32.30	31.35	1.30	31.40	26.40	31.45	6.70	31.50	33.60	-2.5%	31.50	70	31.60	4.80	31.70	2.50	2,060.90	32.60	30.75	31.72	7.20	123.90	63,965.47
APG	15.40	13.40	14.40	13.85	1.80	13.90	9.80	13.95	5.50	13.95	3.40	-3.1%	14.00	1.30	14.15	70	14.25	7.40	285.40	14.50	13.80	14.11	90	22.00	202,855.92
APH	10.70	9.30	10.00	9.62	10.00	9.64	201.30	9.65	105.90	9.65	175.00	-5.5%	9.66	2.90	9.67	50	9.70	30.00	3,224.70	10.20	9.50	9.87	248.60	271.50	172,953.12
ASD	21.30	18.60	19.95	19.30	10	19.35	10	19.35	10	19.90	10	-0.3%	19.95	2.90	20.00	80	20.40	30	10	19.90	19.90	19.90			26,568.52
ASM	12.80	11.20	12.00	11.45	85.80	11.50	247.20	11.55	1.70	11.55	226.30	-5.6%	11.65	14.30	11.70	105.60	11.75	35.70	5,647.60	12.15	11.40	11.78	114.60	242.40	121,504.76

Giá x 1,000 VNĐ khối lượng x 10 Giá trị x 1,000,000 VNĐ

(1) Thêm mới danh mục

VFS

HOME TRADING

BẢNG GIÁ

THỊ TRƯỜNG

LỆNH CƠ SỞ

TÀI SẢN

DỊCH VỤ CƠ BẢN

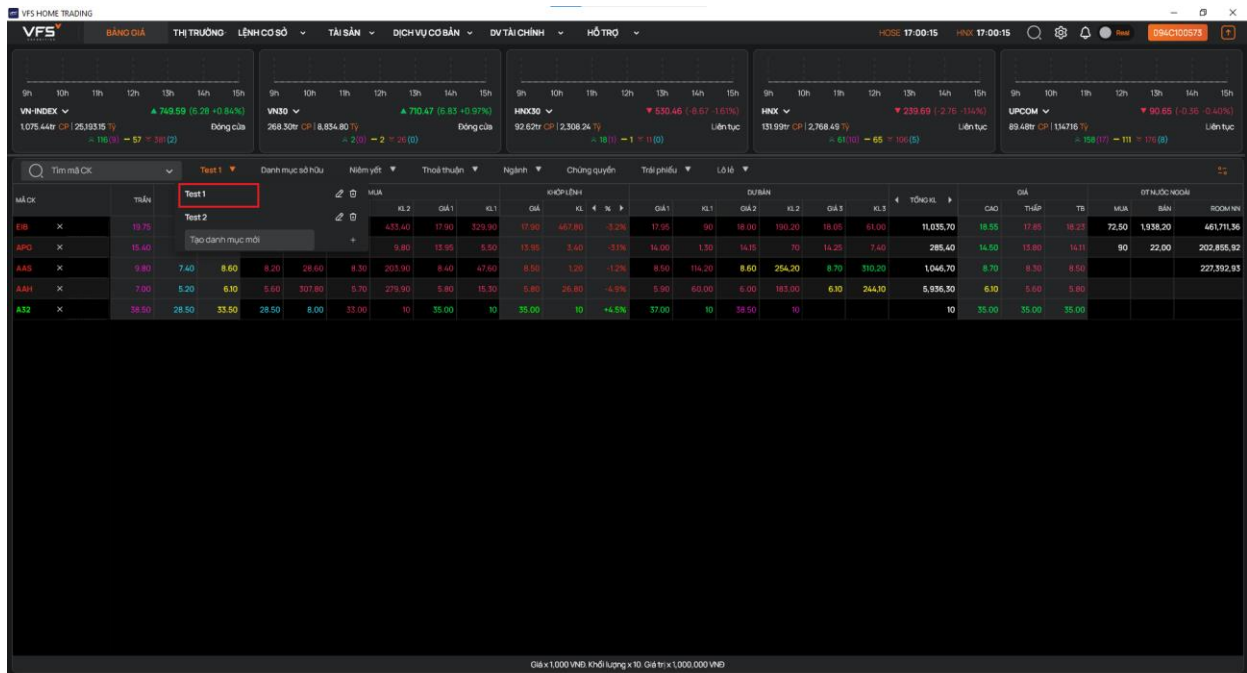
DV TÀI CHÍNH

HỖ TRỢ

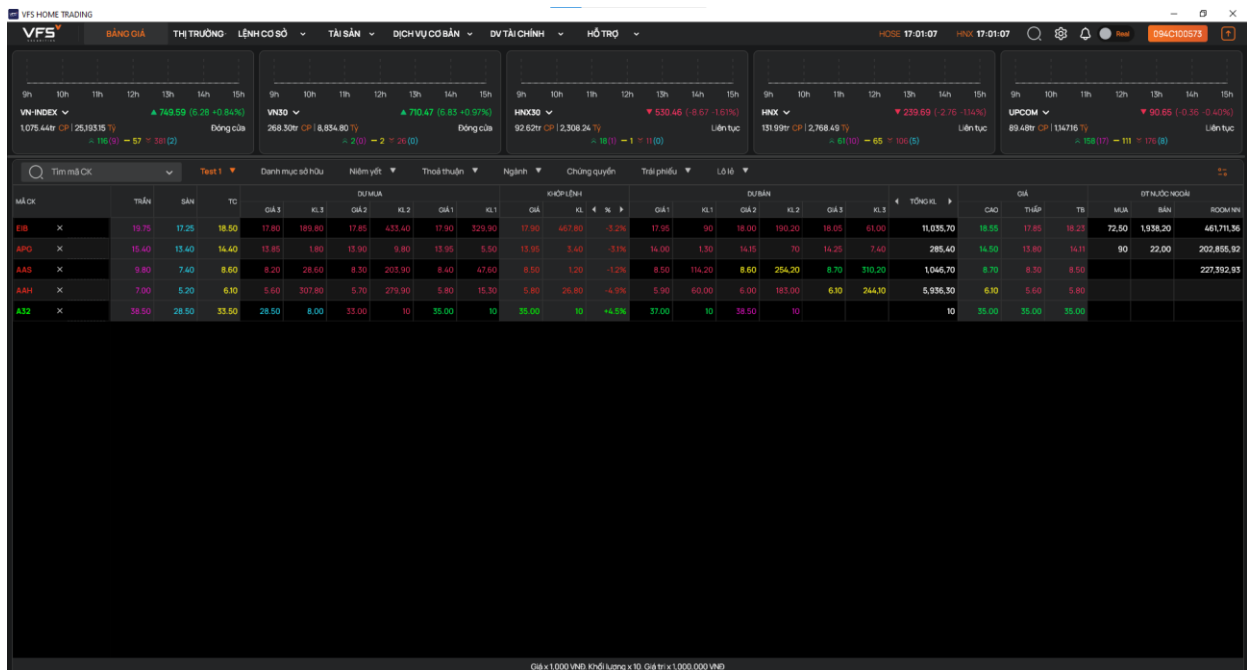
HOSE: 16:47:08

HNX: 16:47:08

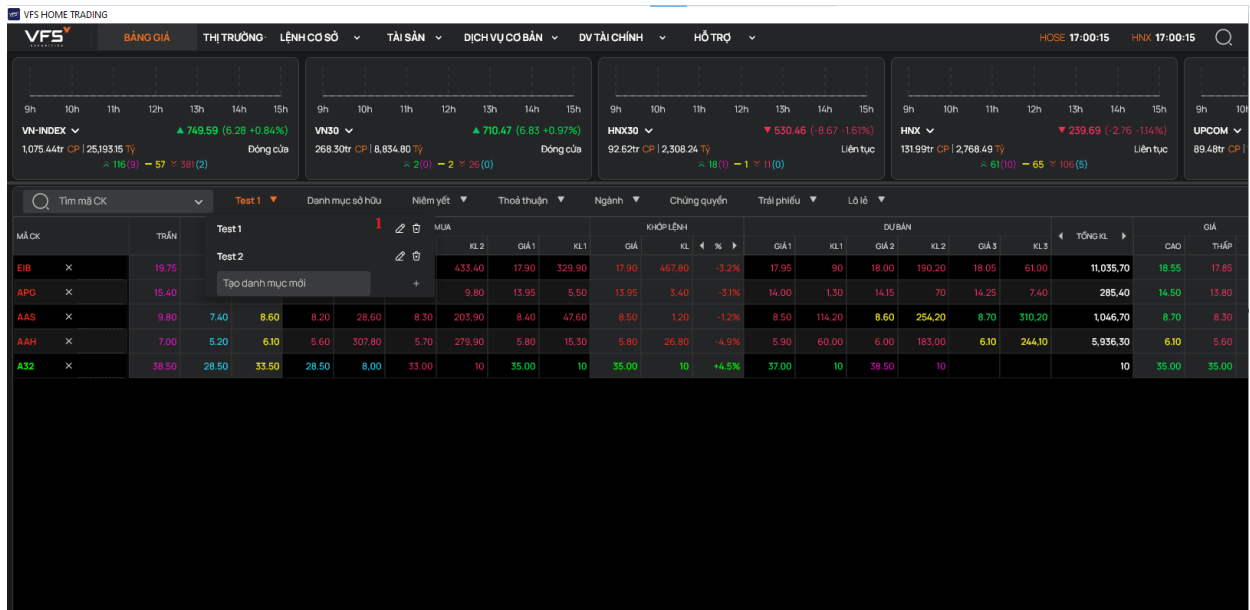
<



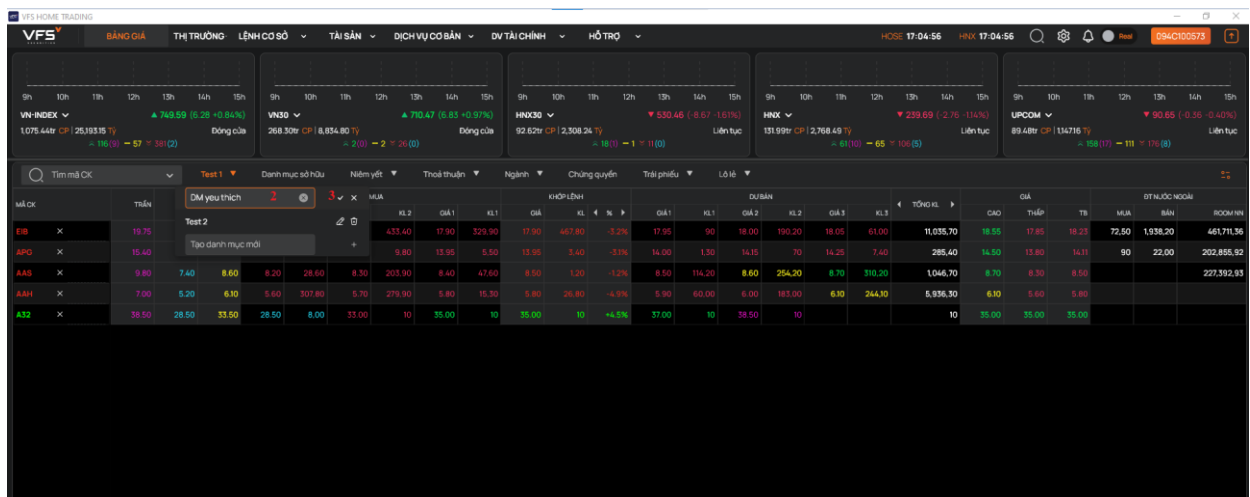
- Kích xem chi tiết danh mục hiển thị bảng giá các mã chứng khoán đã được add trong danh mục



3.3 Sửa tên danh mục yêu thích



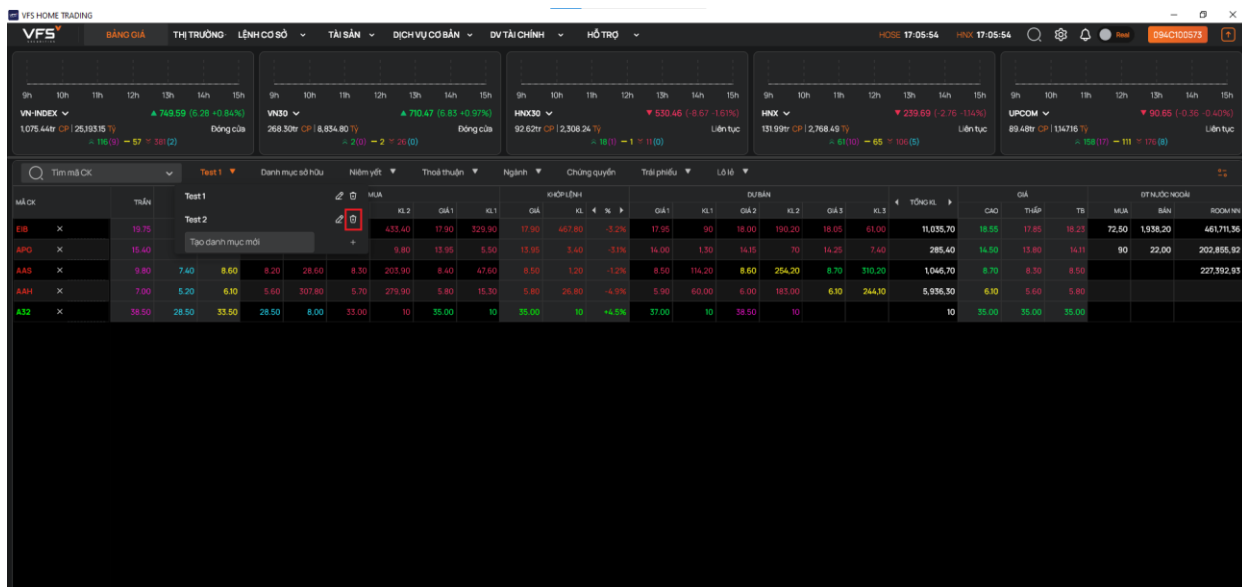
- (1) Focus chuột vào tên danh mục yêu thích muốn sửa và click vào biểu tượng cây bút



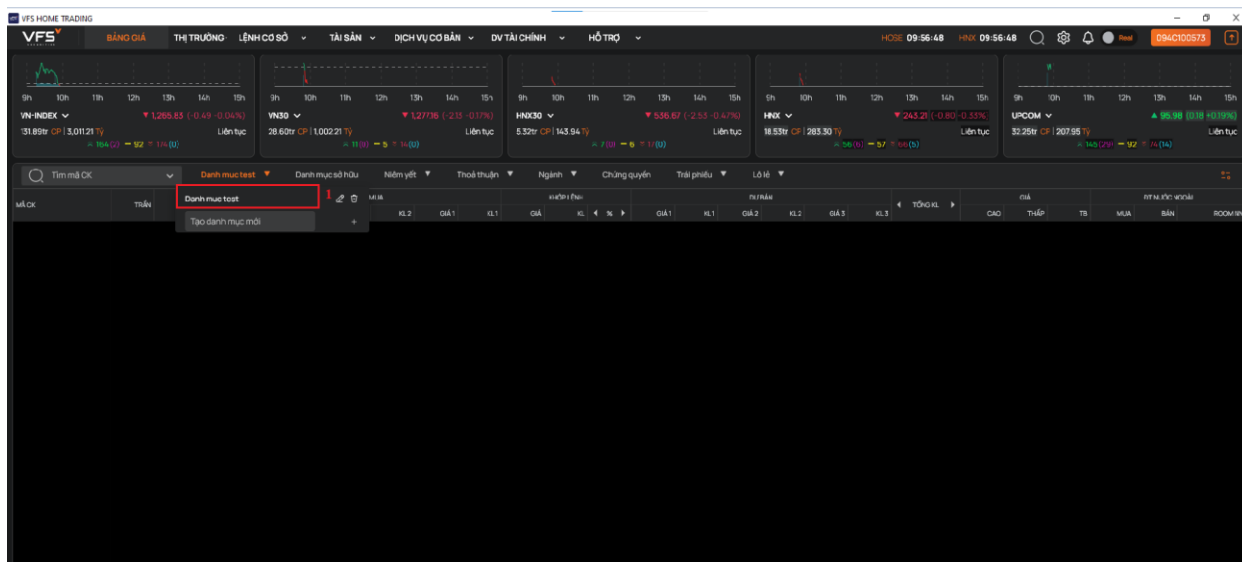
- (2) Nhập tên mới muốn sửa, lưu ý ko sửa tên trùng với danh mục đã trùng nếu ko hệ thống sẽ báo “Tên danh mục đã tồn tại”
- (3) Nhấn vào dấu tích=> Sửa tên danh mục thành công
- ⇒ Nhấn dấu nhân => Danh mục vẫn giữ nguyên tên cũ

3.4 Xóa danh mục yêu thích

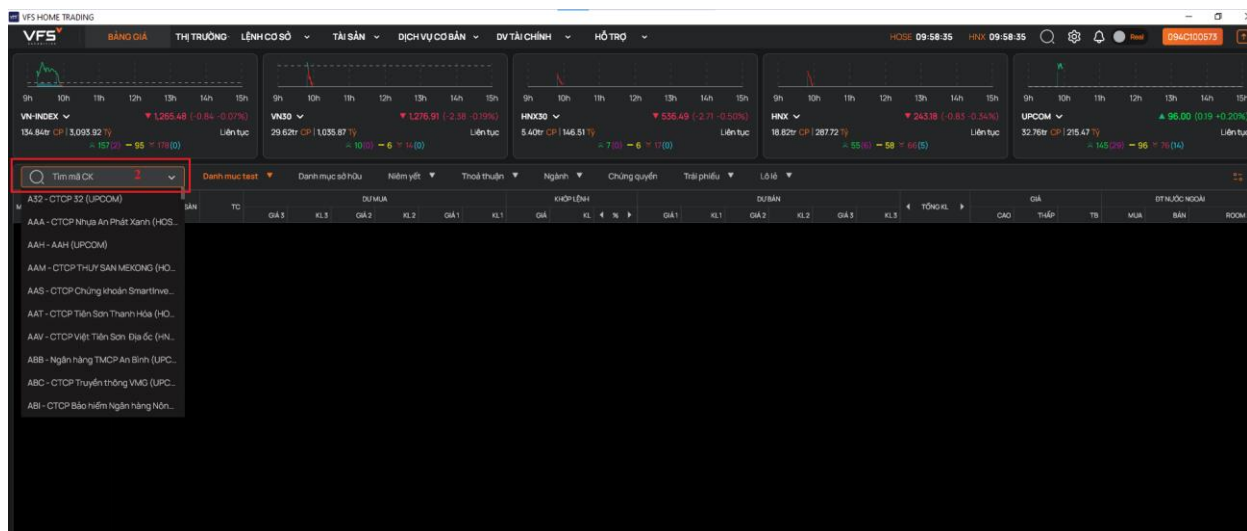
- (1) Focus chuột vào tên danh mục muốn xóa
- (2) Nhấn vào biểu tượng thùng rác=> Xóa danh mục yêu thích thành công



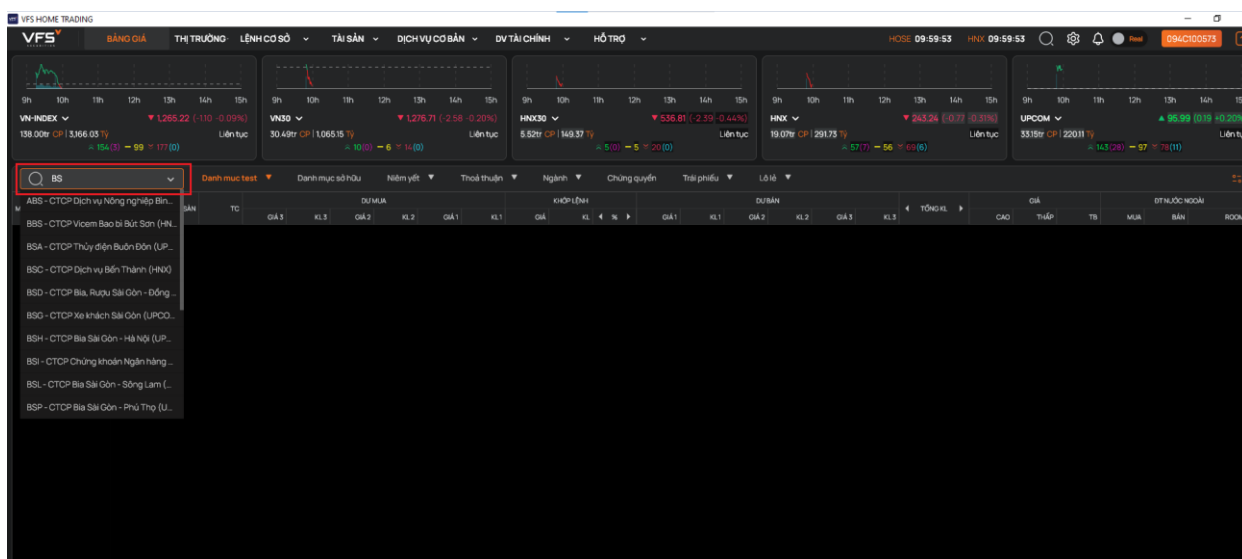
3.5 Thêm mã Chứng khoán vào Danh mục yêu thích



(1) Click vào danh mục=> Hiện thị danh sách mã CK của danh mục đã chọn



(2) Click vào ô “Thêm mã CK vào danh mục”



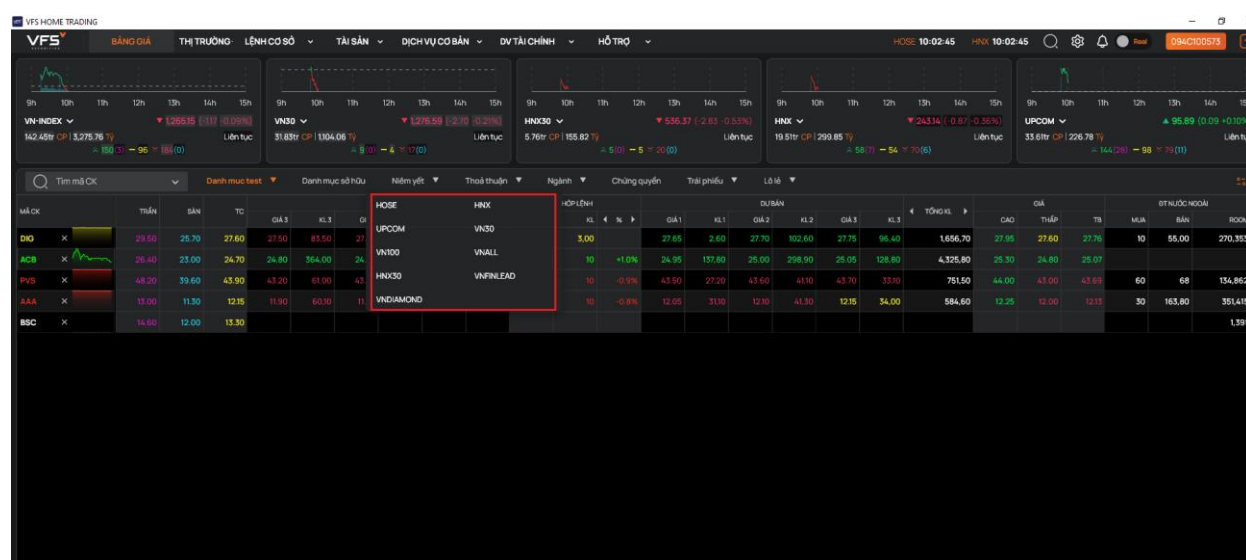
(3) Nhập mã CK muốn thêm và Nhấn Enter

Lưu ý: Không hạn chế số lượng mã CK thêm vào danh mục, người dùng có thể thêm tùy ý mã CK quan tâm

4. Niêm yết

 **Đường dẫn:** Bảng giá/ Niêm yết

 **Mục đích:** hiển thị bảng giá các mã cổ phiếu được niêm yết theo sàn hoặc Index (HNX, HOSE, UPCOM, VN30...)



 Click đúp vào ô giá tương ứng của mã chứng khoán để đặt lệnh (Chức năng chung áp dụng cho tất cả các bảng giá trừ bảng giá thỏa thuận)

VFS HOME TRADING

VFS

BẢNG GIÁ

THỊ TRƯỜNG

LỆNH CỐ SỔ

TÀI SẢN

DỊCH VỤ CỐ BẢN

DV TÀI CHÍNH

HỖ TRỢ

HOSE 10:03:51

HNX 10:03:51

<

5. ETF

Đường dẫn: Bảng giá/ ETF

Mục đích: Hiện thị bảng giá chứng chỉ quỹ

VFS HOME TRADING

VFS

BẢNG GIÁ

THỊ TRƯỜNG

LỆNH CỐ SỔ

TÀI SẢN

DỊCH VỤ CỐ BẢN

DV TÀI CHÍNH

HỖ TRỢ

LẤY SMART OTP

HOSE 10:08:13

HNX 10:08:13

9h

10h

11h

12h

13h

14h

15h

VN-INDEX

200.79tr CP | 5,456.31

▲ 1,284.65 (0.24 +0.02%)

Liên tục

9h

10h

11h

12h

13h

14h

15h

HNX30

18.89tr CP | 479.18

▲ 549.54 (1.02 +0.19%)

Liên tục

9h

10h

11h

12h

13h

14h

15h

HNX

30.94tr CP | 655.54

▲ 246.85 (0.45 +0.18%)

Liên tục

9h

10h

11h

12h

13h

14h

15h

UPCOM

31.94tr CP | 284.08

▼ 98.66 (-0.29 -0.29%)

Liên tục

9h

10h

11h

12h

13h

14h

15h

VN30

55.61tr CP | 2,220.66

▲ 1,311.63 (3.11 +0.24%)

Liên tục

Tìm mã CK

Danh mục yêu thích

Danh mục sở hữu

Năm yết

ETF

Thoát thuận

Ngành

Phái sinh

Chứng quyền

Trái phiếu

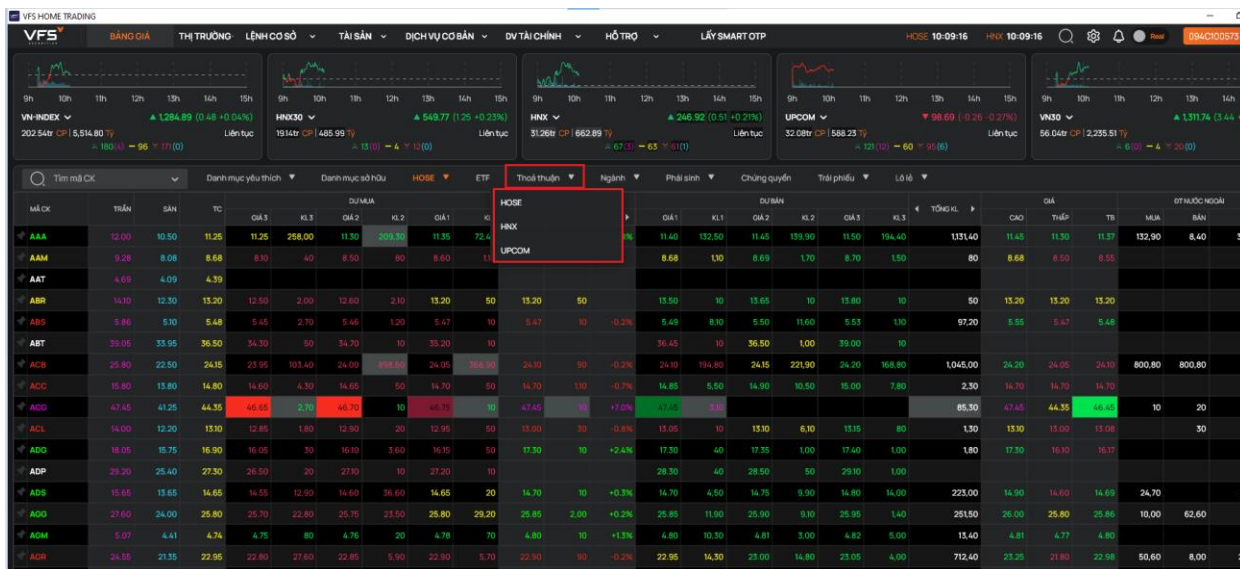
Lô là

Mã CK	THỜI	SÀN	TC	ĐIỂM	KL.3	ĐIỂM	KL.2	ĐIỂM	KL.1	ĐIỂM	KL.1	ĐIỂM	KL.2	ĐIỂM	KL.3	TỔNG KL	CAO	THẤP	TB	MUA	BÁN	ĐIỂM	ĐIỂM	
EIVPVN30	26.39	21.21	22.80	22.80	202.40	22.81	186.70	22.82	175.50	22.82	5.10	+0.1%	22.87	100.90	22.88	184.90	22.89	180.20	68.40	22.88	22.75	22.81		20
FUEPVND	12.38	11.64	12.51																					
FUECDMD	13.20	11.48	12.34	12.33	25.50	12.34	27.30	12.35	40	12.40	20	+0.5%	12.40	40.20	12.41	30.20	12.42	50.20	5.30	12.40	11.88	11.91	2.00	30
FUEFCV50	12.87	11.19	12.03	12.00	50	12.03	1.90	12.04	40	12.04	10	+0.1%	12.48	4.70	12.49	1.60	12.50	90	1.00	12.24	12.03	12.17		
FUEFV90	9.30	8.10	8.70	8.70	20	8.70	1.00	9.25	50	9.25	10	+6.3%	9.29	8.00	9.30	2.30			3.40	9.25	8.70	8.84		50
FUEKVN30	9.26	8.06	8.66	8.69	28.90	8.70	28.80	8.71	29.70	8.67	20	+0.1%	8.75	24.50	8.76	29.70	8.77	26.70	20	8.67	8.67	8.67	20	
FUEKVF5	13.27	11.55	12.41	12.33	50.00	12.34	50.00	12.35	50.00				12.45	50.00	12.46	50.00	12.47	50.00						
FUEKVN50	13.13	11.43	12.28	12.08	17.40	12.09	15.20	12.10	30				12.22	4.00	12.25	18.90	12.27	18.90						
FUEMAV30	16.72	14.54	15.63	15.60	30.10	15.61	30.00	15.65	10	15.75	20.00		15.75	20.00	15.74	20.00	15.75	10						
FUEMAVND	14.74	12.82	13.78	13.54	30.00	13.65	30.00	13.66	30				13.81	20.00	13.82	20.00								
FUESSV30	17.33	15.07	16.20	16.19	29.40	16.20	25.80	16.21	27.60	16.27	10	+0.4%	16.30	23.60	16.31	26.30	16.32	27.20	1.30	16.32	16.27	16.32	1.00	1.20
FUESSV50	21.02	18.28	19.65	19.67	20.00	19.69	10	19.74	10	19.74	5.00	+0.5%	19.79	20.00	19.80	20.00	19.81	20.00	5.30	20.00	19.74	19.75		5.10
FUESSVPL	22.55	19.61	21.08	21.01	130.90	21.02	95.30	21.04	20	21.06	10	-0.1%	21.07	40	21.01	80.20	21.03	79.80	12.10	21.23	20.96	21.20	1.00	7.80
FUEVNV30	34.87	30.31	32.59	32.76	142.60	32.77	42.20	32.78	66.40	32.78	10	+0.6%	32.80	30	32.81	50.00	32.82	150.00	1,279.90	32.81	32.45	32.75	10.30	847.50
FUEVND50	18.98	16.50	17.74	17.67	51.00	17.70	5.60	17.73	5.90	17.77	20	+0.2%	17.77	50.00	17.78	50.00	17.79	50.10	13.20	18.00	17.70	17.79	10	5.80

6. Thỏa thuận

Đường dẫn: Bảng giá/ Thỏa thuận

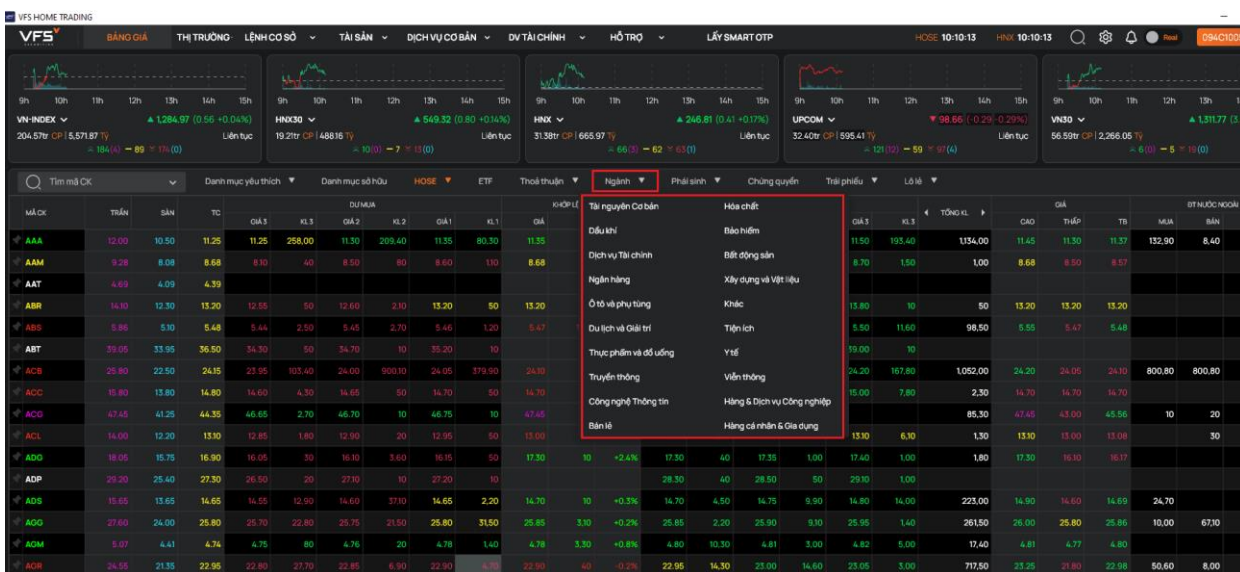
Mục đích: Hiện thị các giao dịch thỏa thuận giữa các nhà đầu tư trong ngày của 3 sàn HOSE, HNX, UPCOM, tổng hợp khối lượng và giá trị của các giao dịch thỏa thuận



7. Ngành

📌 Đường dẫn: Bảng giá/ Ngành

📌 Mục đích: hiển thị mã chứng khoán tại thời điểm hiện tại theo từng ngành khai báo



8. Chứng quyền

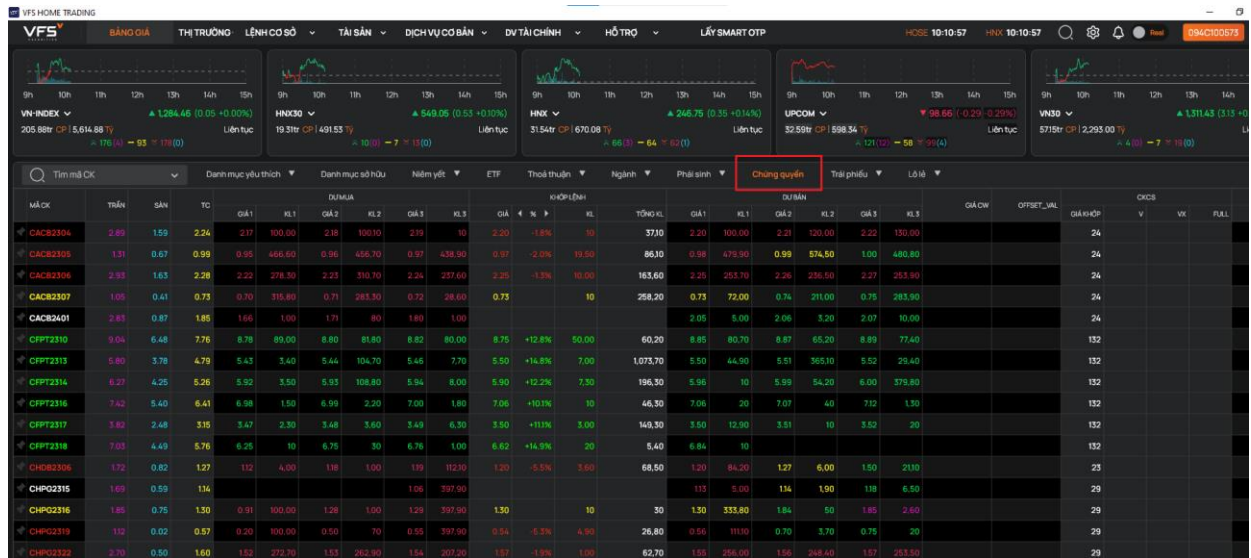
📌 Đường dẫn: Bảng giá/ Chứng quyền

📌 Mục đích: hiển thị giá tại thời điểm hiện tại của các mã chứng quyền

9. Trái Phiếu

📌 Đường dẫn: Bảng giá/ Trái phiếu

Mục đích : Hiển thị bảng giá của mã trái phiếu sàn HNX

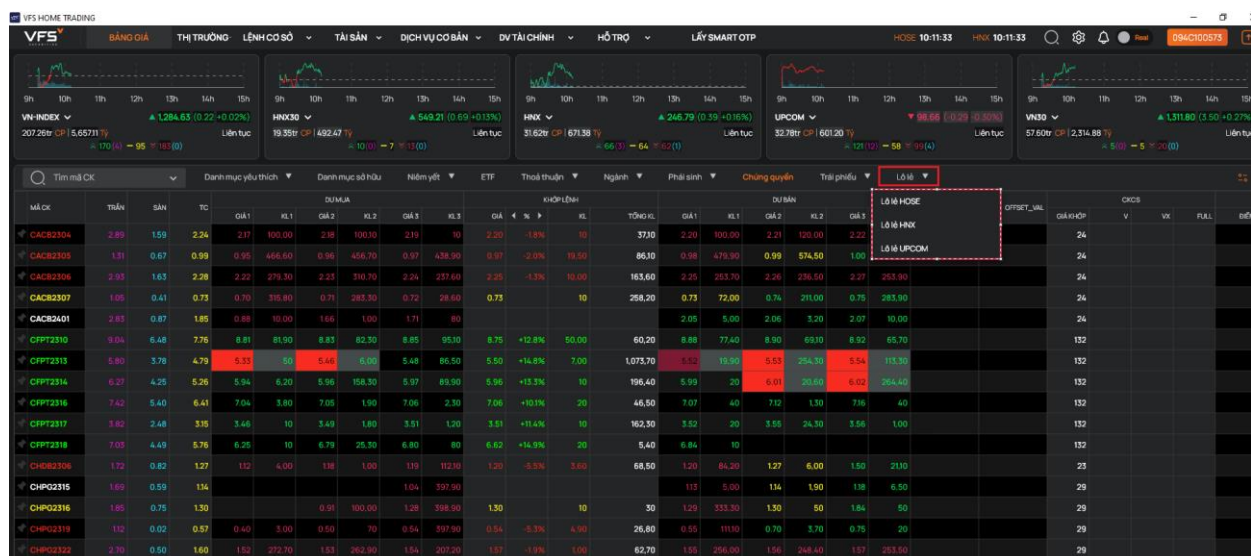


Mã CK	Trên	Sản	TC	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3	Giá 4	KL 4	Tổng KL	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3	Giá 4	KL 4	Giá CW	OFFSET_VAL	Giá HOP	V	VX	FULL
CACB2304	2.89	1.59	2.24	2.17	100.00	2.18	100.10	2.19	10	2.20	-1.8%	10	37.10	2.20	100.00	2.21	120.00	2.22	130.00					24		
CACB2305	1.31	0.67	0.99	0.95	466.60	0.96	456.70	0.97	438.90	0.97	-2.0%	19.50	86.10	0.98	479.90	0.99	574.50	1.00	480.80					24		
CACB2306	2.93	1.63	2.28	2.22	278.30	2.23	310.70	2.24	237.60	2.25	-1.3%	10.00	163.60	2.25	253.70	2.26	236.50	2.27	263.90					24		
CACB2307	1.05	0.41	0.73	0.70	315.80	0.71	283.30	0.72	28.60	0.73		10	258.20	0.73	72.00	0.74	211.00	0.75	283.90					24		
CACB2401	2.83	0.87	1.85	1.66	1.00	1.71	80	1.60	1.00					2.05	5.00	2.06	3.20	2.07	10.00					24		
CFPT2310	9.04	6.48	7.76	8.78	89.00	8.80	81.80	8.82	80.00	8.75	+12.8%	50.00	60.20	8.85	80.70	8.87	65.20	8.89	77.40					132		
CFPT2313	5.80	3.78	4.79	5.43	5.40	5.44	104.70	5.45	7.70	5.50	+14.8%	7.00	1,073.70	5.50	44.90	5.51	365.10	5.52	26.40					132		
CFPT2314	6.27	4.25	5.26	5.92	5.90	5.93	108.80	5.94	8.00	5.90	+12.2%	7.30	196.30	5.96	10	5.99	54.20	6.00	579.80					132		
CFPT2316	7.42	5.40	6.41	6.98	1.50	6.99	2.30	7.00	1.80	7.06	+10.1%	10	46.30	7.06	20	7.07	40	7.12	1.30					132		
CFPT2317	3.62	2.48	3.15	3.46	10	3.49	1.80	3.51	1.20	3.51	+11.4%	10	162.30	3.52	20	3.55	24.30	3.56	1.00					132		
CFPT2318	7.05	4.49	5.76	6.25	10	6.79	25.30	6.80	80	6.82	+14.9%	20	5.40	6.84	10									132		
CHQB2308	1.72	0.82	1.27	1.12	4.00	1.18	1.00	1.19	112.10	1.20	-5.3%	3.60	68.50	1.20	84.20	1.27	6.00	1.50	21.10					23		
CHPO2315	1.69	0.59	1.14			1.04	397.90							113	5.00	1.14	1.90	1.18	6.50					29		
CHPO2316	1.85	0.75	1.30	0.91	100.00	1.28	1.00	1.29	597.90	1.30		10	30	1.30	333.80	1.84	50	1.85	2.60					29		
CHPO2319	1.12	0.02	0.57	0.30	100.00	0.50	70	0.55	397.90	0.54	-5.3%	4.90	26.80	0.55	111.00	0.70	3.70	0.75	20					29		
CHPO2322	2.70	0.50	1.60	1.52	272.70	1.53	264.30	1.54	207.30	1.51	-1.8%	1.00	62.70	1.55	296.00	1.56	248.40	1.57	253.50					29		

10. Lô lẻ

Đường dẫn: Bảng giá/ Lô lẻ

Mục đích : Hiển thị giá của mã chứng khoán lô lẻ theo 3 sàn HSX /HNX/ UPCOM

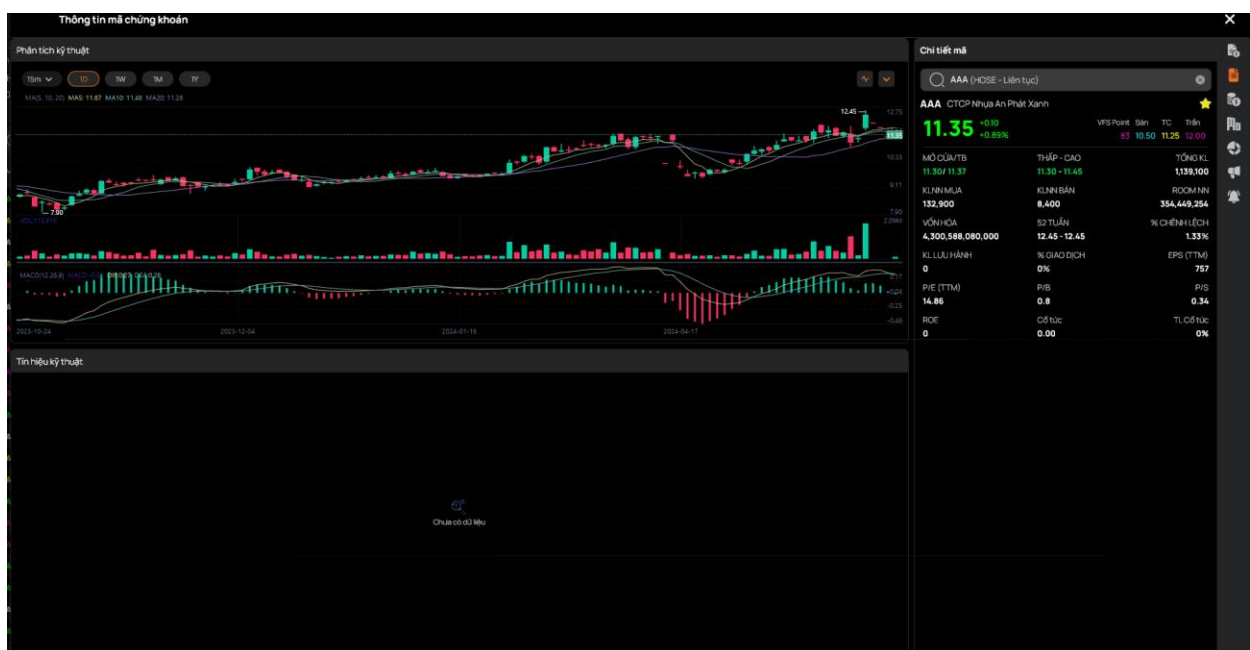
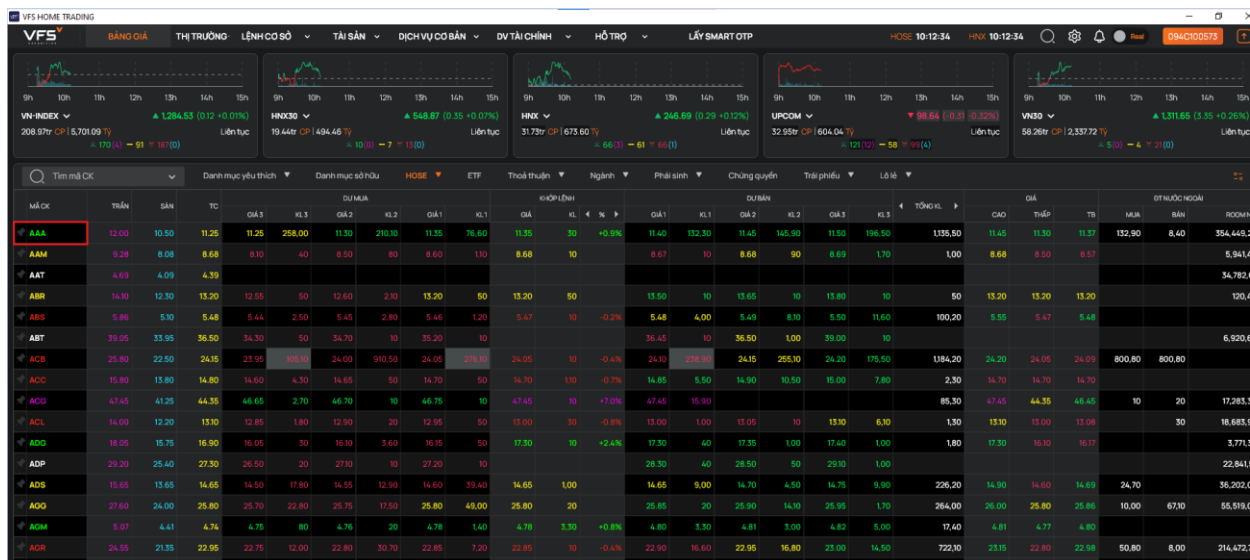


Mã CK	Trên	Sản	TC	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3	Giá 4	KL 4	Tổng KL	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3	Giá 4	KL 4	Giá CW	OFFSET_VAL	Giá HOP	V	VX	FULL
CACB2304	2.89	1.59	2.24	2.17	100.00	2.18	100.10	2.19	10	2.20	-1.8%	10	37.10	2.20	100.00	2.21	120.00	2.22	130.00					24		
CACB2305	1.31	0.67	0.99	0.95	466.60	0.96	456.70	0.97	438.90	0.97	-2.0%	19.50	86.10	0.98	479.90	0.99	574.50	1.00	480.80					24		
CACB2306	2.93	1.63	2.28	2.22	278.30	2.23	310.70	2.24	237.60	2.25	-1.3%	10.00	163.60	2.25	253.70	2.26	236.50	2.27	263.90					24		
CACB2307	1.05	0.41	0.73	0.70	315.80	0.71	283.30	0.72	28.60	0.73		10	258.20	0.73	72.00	0.74	211.00	0.75	283.90					24		
CACB2401	2.83	0.87	1.85	0.88	10.00	1.66	1.00	1.71	80					2.05	5.00	2.06	3.20	2.07	10.00					24		
CFPT2310	9.04	6.48	7.76	8.81	81.90	8.83	82.30	8.85	95.10	8.75	+12.8%	50.00	60.20	8.88	77.40	8.90	69.10	8.92	65.70					132		
CFPT2313	5.80	3.78	4.79	5.33	50	5.40	5.00	5.48	86.50	5.50	+14.8%	7.00	1,073.70	5.52	19.50	5.53	254.30	5.54	113.30					132		
CFPT2314	6.27	4.25	5.26	5.94	6.20	5.96	158.30	5.97	69.90	5.96	+13.3%	10	196.40	5.99	20	6.01	20.60	6.02	264.40					132		
CFPT2316	7.42	5.40	6.41	7.04	3.80	7.05	1.50	7.06	2.30	7.06	+10.1%	20	46.50	7.07	40	7.10	1.30	7.16	40					132		
CFPT2317	3.62	2.48	3.15	3.46	10	3.49	1.80	3.51	1.20	3.51	+11.4%	10	162.30	3.52	20	3.55	24.30	3.56	1.00					132		
CFPT2318	7.05	4.49	5.76	6.25	10	6.79	25.30	6.80	80	6.82	+14.9%	20	5.40	6.84	10									132		
CHQB2308	1.72	0.82	1.27	1.12	4.00	1.18	1.00	1.19	112.10	1.20	-5.3%	3.60	68.50	1.20	84.20	1.27	6.00	1.50	21.10					23		
CHPO2315	1.69	0.59	1.14			1.04	397.90							113	5.00	1.14	1.90	1.18	6.50					29		
CHPO2316	1.85	0.75	1.30	0.91	100.00	1.28	598.90	1.30				10	30	1.29	333.30	1.30	80	1.84	50					29		
CHPO2319	1.12	0.02	0.57	0.40	5.00	0.50	70	0.54	597.90	0.54	-5.3%	4.90	26.80	0.55	111.00	0.70	3.70	0.75	20					29		
CHPO2322	2.70	0.50	1.60	1.52	272.70	1.53	264.30	1.54	207.30	1.51	-1.8%	1.00	62.70	1.55	296.00	1.56	248.40	1.57	253.50					29		

11. Thông tin mã chứng khoán

Đường dẫn: Click vào mã CK => Xem chi tiết mã bao gồm: Thông tin chi tiết, Chart PTKT,...

Mục đích: Xem chi tiết mã bao gồm: Thông tin chi tiết, Chart PTKT, khối lượng NN mua bán ròng, Bước giá, Khối lượng và thời gian, thông tin doanh nghiệp, Tài chính, Khuyến nghị.



- Chi tiết mã:

+ Mục đích: Hiển thị thông tin của mã bao gồm: giá hiện tại, Giá trần, sàn, TC, giá mở cửa, TB, giá thấp- cao, Tổng khối lượng,... giúp khách hàng có cái nhìn tổng quát hơn về mã CK

Chi tiết mã			
Q AAA (HOSE - Liên tục) X			
AAA CTCP Nhựa An Phát Xanh ★			
11.35 +0.10 +0.89%		VFS Point Sàn TC Trần	
		83 10.50 11.25 12.00	
MỞ CỬA/TB	THẤP - CAO	TỔNG KL	
11.30 / 11.37	11.30 - 11.45	1,139,100	
KLNN MUA	KLNN BÁN	ROOM NN	
132,900	8,400	354,449,254	
VỐN HÓA	52 TUẦN	% CHÊNH LỆCH	
4,300,588,080,000	12.45 - 12.45	1.33%	
KL LƯU HÀNH	% GIAO DỊCH	EPS (TTM)	
0	0%	757	
P/E (TTM)	P/B	P/S	
14.86	0.8	0.34	
ROE	Cổ tức	TL Cổ tức	
0	0.00	0%	

- Chức năng tìm kiếm mã CK

+ Mục đích: Tìm kiếm mã chứng khoán muốn xem thông tin

+ Các bước thực hiện

(1) Click vào ô search mã CK

(2) Gõ mã CK cần tìm kiếm

(3) Nhấn enter

Chi tiết mã

Q AAA (HOSE - Liên tục)

AAA CTCP Nhựa An Phát Xanh

11.35 +0.10
+0.89%

VFS Point: 83 Sàn: 10.50 TC: 11.25 Trán: 12.00

MỞ CỬA/TB	THẤP - CAO	TỔNG KL
11.30/ 11.37	11.30 - 11.45	1,139,100
KLNN MUA	KLNN BÁN	ROOM NN
132,900	8,400	354,449,254
VỐN HÓA	52 TUẦN	% CHÊNH LỆCH
4,300,588,080,000	12.45 - 12.45	1.33%
KL LƯU HÀNH	% GIAO DỊCH	EPS (TTM)
0	0%	757
P/E (TTM)	P/B	P/S
14.86	0.8	0.34
ROE	Cổ tức	TLCổ tức
0	0.00	0%

Chi tiết mã

Q AA

AAA CTCP Nhựa An Phát Xanh

11.35 +0.10
+0.89%

VFS Point: 83 Sàn: 10.50 TC: 11.25 Trán: 12.00

MỞ CỬA/TB	THẤP - CAO	TỔNG KL
11.30/ 11.37	11.30 - 11.45	1,139,100
KLNN MUA	KLNN BÁN	ROOM NN
132,900	8,400	354,449,254
VỐN HÓA	52 TUẦN	% CHÊNH LỆCH
4,300,588,080,000	12.45 - 12.45	1.33%
KL LƯU HÀNH	% GIAO DỊCH	EPS (TTM)
0	0%	757
P/E (TTM)	P/B	P/S
14.86	0.8	0.34
ROE	Cổ tức	TLCổ tức
0	0.00	0%

- *Bước giá*

+ Mục đích: Hiện thị 3 mức giá tốt nhất để người dùng có thể dễ dàng đặt lệnh

Bước giá

Thông tin mã chứng khoán

47.48% 52.52%

Khối lượng	MUA	Khối lượng	BÁN
14,400	11.35	11.40	132,800
158,500	11.30	11.45	142,200
253,800	11.25	11.50	196,900

- *Khối lượng và thời gian*

+ Mục đích: Hiện thị (số lượng tùy chọn) bản ghi lịch sử khớp lệnh mua bán so với thời điểm hiện tại, chart phân tích KL giao dịch mua bán ở từng bước giá ở các thời điểm hiện tại, 1 ngày trước và 5 ngày trước

Khối lượng và thời gian X							
Lịch sử khớp				Phân tích KL			
11:29:47	12.05	1,000	M	12.00		39.98%	
11:29:44	12.05	100	M	11.95		33.42%	
11:29:44	12.05	1,000	M	12.05		25.29%	
11:29:44	12.05	18,300	M	11.90		0.68%	
11:29:44	12.05	10,600	M	12.10		0.64%	

- Phân tích kỹ thuật:

+ Mục đích: Cung cấp thông tin chi tiết của một mã chứng khoán: Giá trần/sàn/tham chiếu, giá mở/đóng cửa, giá khớp hiện tại, % thay đổi giá, khối lượng khớp, giá cao nhất, thấp nhất, lịch sử khớp lệnh, biểu đồ phân tích kỹ thuật, bảng giá, Phân bổ khớp lệnh, Tin tức, Tài chính, Thông tin doanh nghiệp



- Tài chính

Tài chính

Xem theo

Năm



Chỉ số chính

ROE

ROA

EPS

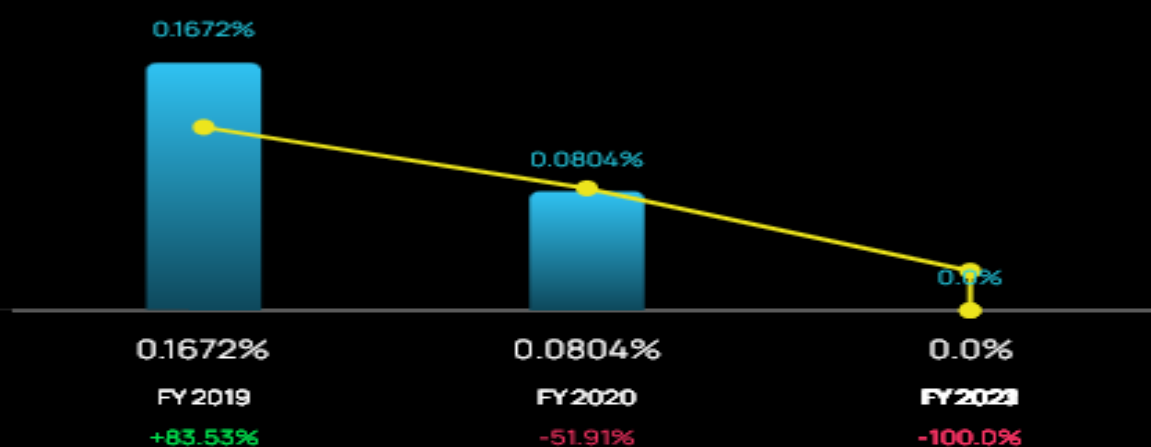
EVPS



ROE (%)



YOY (%)



Báo cáo doanh thu

Lợi nhuận

Tổng doanh thu

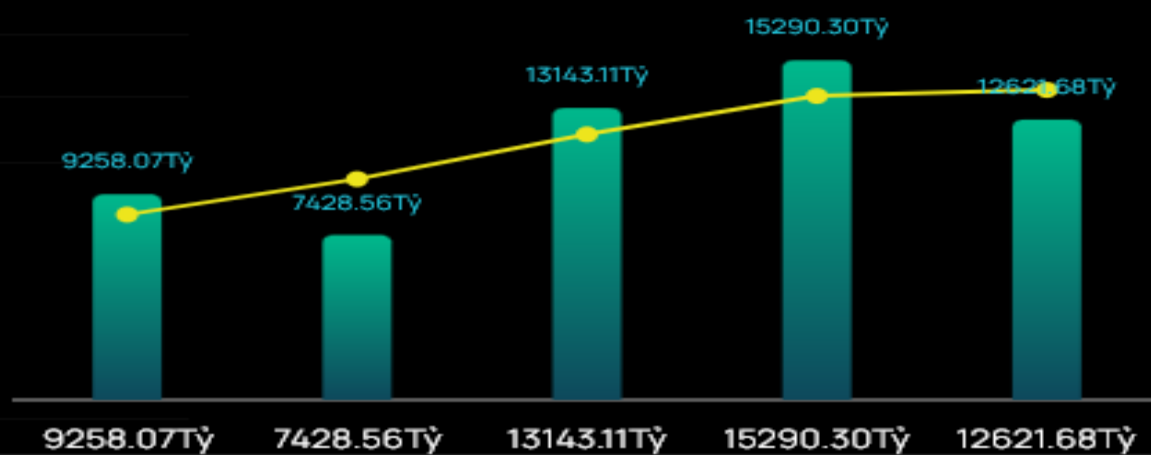
Lợi nhuận sau thuế



Lợi nhuận (%)



YOY (%)



+ Cung cấp thông tin tài chính của mã CK theo năm hoặc theo quý

Các loại chỉ số chính: ROE, ROA, EPS, EVPS

Các biểu đồ: ROS, YOY; Báo cáo doanh thu, Bảng cân đối kế toán

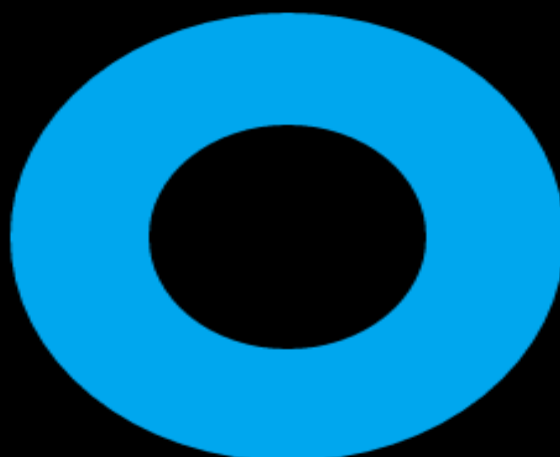
- *Thông tin doanh nghiệp*

+ Mục đích: Hiện thị thông tin giới thiệu về doanh nghiệp phát hành mã CK, chart hiện thị cổ đông của công ty phát hành mã CK và chart cơ cấu nhà đầu tư trong và ngoài nước

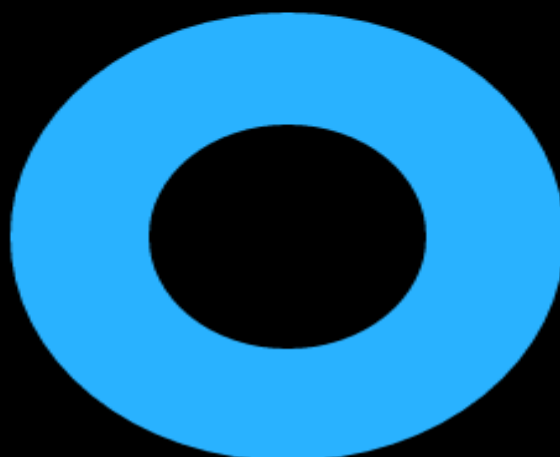


AAA - CTCP Nhựa An Phát Xanh

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (AAA) có tiền thân là Công ty TNHH Anh Hai Duy được thành lập vào năm 2002. Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất các loại bao bì nhựa. Công ty là doanh nghiệp có quy mô lớn nhất trong ngành với 07 nhà máy sản xuất bao bì có tổng công suất 108.000 tấn/năm và 01 nhà máy sản xuất phụ gia CaCO₃ An Phát - Yên Bái có công suất 222.000 tấn/năm. So với các doanh nghiệp cùng ngành trong nước khác như Công ty Cổ phần Nhựa Hưng Yên (công suất khoảng 1.000 tấn/tháng), Công ty Cổ phần Nhựa Tú Phương (công suất khoảng 800 tấn/tháng) và một số doanh nghiệp liên doanh khác ở Phía Nam (công suất dao động từ 500 – 700 tấn/tháng). AAA được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ cuối năm 2016.

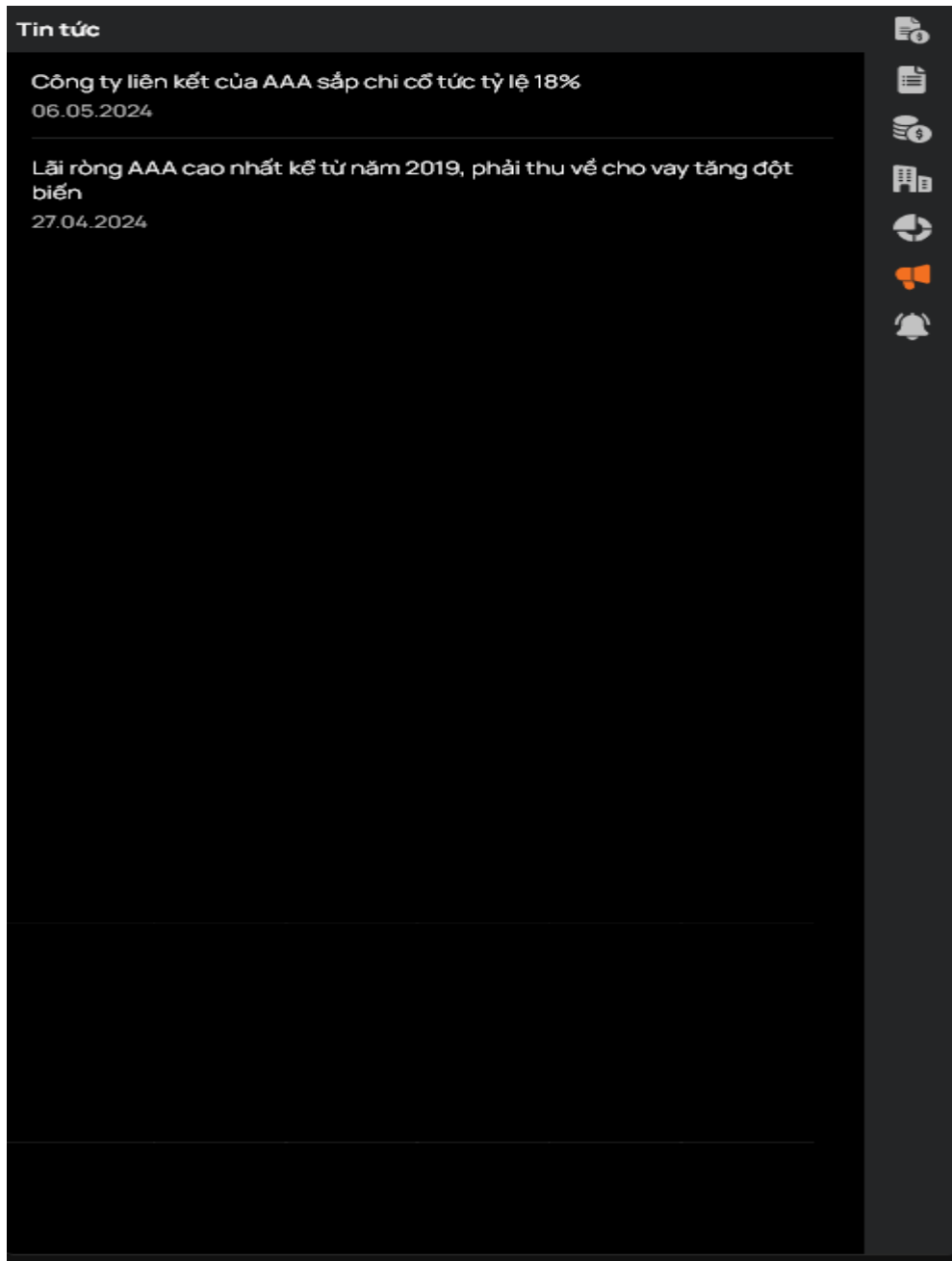


■ Cổ đông thường 100%



- *Tin tức*

- + Mục đích: Hiển thị tin tức của công ty phát hành mã CK, giúp người dùng có thể nắm được các thay đổi và tình hình chung của công ty chứng khoán
- + Click vào dòng thông tin để hiển thị thông tin chi tiết của tin tức



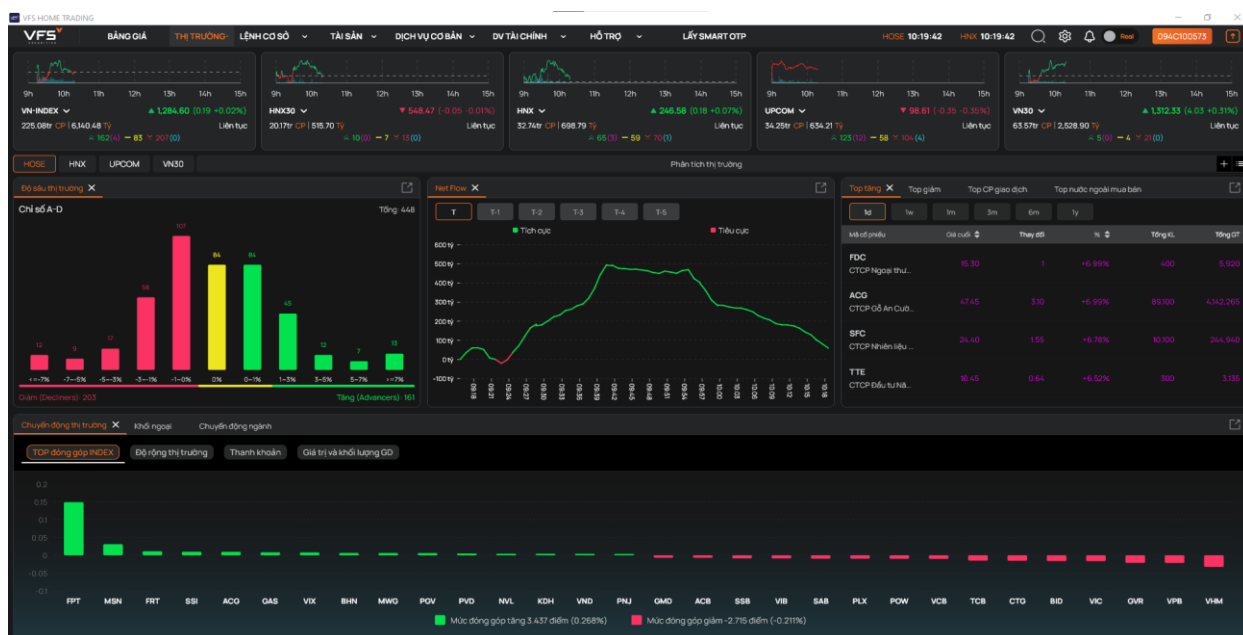
III. THỊ TRƯỜNG

1. Tổng hợp thị trường

 Đường dẫn: *Thị trường / Thị trường*

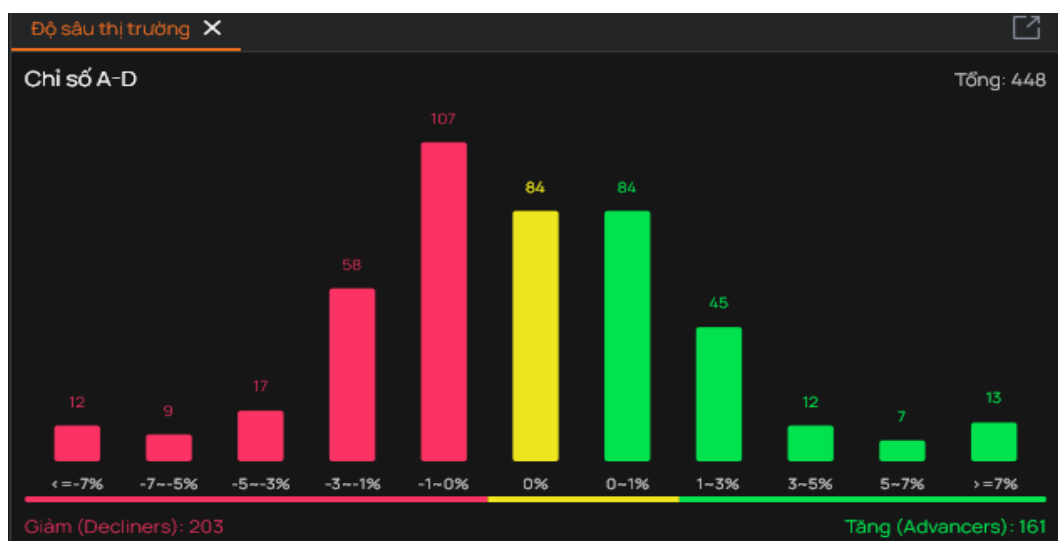
 Mục đích: Cung cấp một số thông tin tổng quan về thị trường như: Đồ thị chỉ số A-D, Giá trị NN mua bán ròng, Tự doanh, Khuyến nghị, Netflow, Top Tăng, Top

giảm, CP giao dịch hàng đầu, Top nước ngoài, Chuyển động thị trường, Khối ngoại, Chuyển động ngành của 4 sàn HSX, HNX, UPCOM và VN30



- Chỉ số A-D

+ Mục đích: Đồ thị thống kê số lượng cổ phiếu tăng giảm tham chiếu và cập nhật thay đổi 1 phút/ lần của 4 sàn HOSE/HNX/UPCOM/VN30



- Top tăng

Top tăng

Top giảm

Top CP giao dịch

Top nước ngoài mua bán

1d

1w

1m

3m

6m

1y

Mã cổ phiếu	Giá cuối	Thay đổi	%	Tổng KL	Tổng GT
FDC CTCP Ngoại thu...	15.30	1	+6.99%	400	5,920
ACG CTCP Gỗ An Cườ...	47.40	3.05	+6.88%	89,100	4,142,265
SFC CTCP Nhiên liệu ...	24.40	1.55	+6.78%	10,700	259,580
TTE CTCP Đầu tư Nă...	10.45	0.64	+6.52%	300	3,135

- Top giảm

Top tăng

Top giảm X

Top CP giao dịch

Top nước ngoài mua bán

1d

1w

1m

3m

6m

1y

Mã cổ phiếu	Giá cuối	Thay đổi	%	Tổng KL	Tổng GT
PSH CTCP Thương m...	6.18	-0.42	-6.36%	1,848,200	11,762,252
TDW CTCP Cấp nước ...	46.60	-3.30	-6.61%	100	4,660
TCR CTCP Công nghi...	3.55	-0.25	-6.58%	1,000	3,801
CMV CTCP Thương n...	10.00	-0.70	-6.54%	12,100	121,362

- Top CP giao dịch

Top tăng	Top giảm	Top CP giao dịch X	Top nước ngoài mua bán	
Khối lượng	Giá trị	% Biến động		
Mã cổ phiếu	Khối lượng	Giá khớp	Thay đổi	%
VIX CTCP Chứng khoán ...	33,470,600	18.95	0.60	+3.27%
SSI CTCP Chứng khoán ...	6,746,900	36.05	0.25	+0.70%
FPT CTCP FPT	5,343,600	132.40	5.90	+4.66%
SHB Ngân hàng TMCP Sà...	4,835,800	11.60	-0.05	-0.43%

- Top nước ngoài mua/ bán

Top tăng

Top giảm

Top CP giao dịch

Top nước ngoài mua bán

X

Mua ròng

Bán ròng

KL mua

KL bán

Giá trị mua

Giá trị bán

Mã cổ phiếu	Giá trị (Triệu)	Giá cuối	Thay đổi	%
MSN CTCP Tập đoàn Mas...	22,363.16	76.90	1.10	+1.45%
PNJ CTCP Vàng bạc Đá q...	19,001.45	95.00	0.70	+0.74%
MBB NHTM cổ phần Quân...	18,308.19	22.55	0	0%
VIX CTCP Chứng khoán ...	15,587.05	19.00	0.65	+3.54%

- Netflow

+ Mục đích: Hiện thị dữ liệu về tín hiệu tích cực và tiêu cực dòng tiền của các sàn HOSE / HNX / UPCOM/ VN30 theo thời gian từ T trong ngày đến T-5 (xem lại 5 ngày trước) tùy theo lựa chọn của người dùng

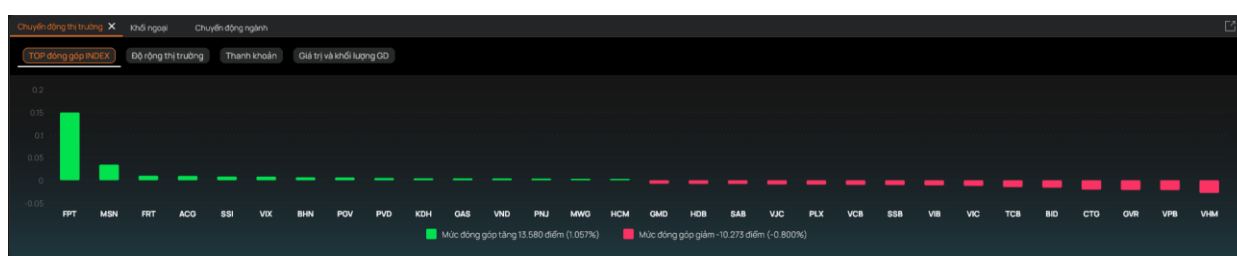
+ Tín hiệu tích cực sẽ có $\text{netflow} > 0$ hiển thị màu xanh lá, Tín hiệu tiêu cực có $\text{netflow} < 0$ Hiển thị màu đỏ



➤ Biểu đồ chuyển động thị trường

(1) Biểu đồ: Top đóng góp INDEX

Biểu đồ thể hiện thông tin điểm ảnh hưởng và % ảnh hưởng của 30 cổ phiếu tác động nhất tới tăng giảm điểm của Bộ chỉ số, trong đó 15 mã ảnh hưởng chiều tăng và 15 mã ảnh hưởng chiều giảm.



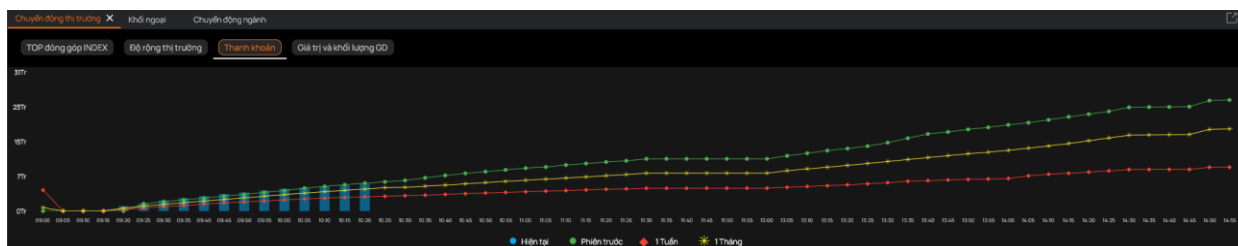
(2) Biểu đồ: Độ rộng thị trường

Trực ngang thể hiện tỷ lệ KLGD với trung bình KLGD 5 phiên. Trục đứng cho thấy đóng góp của từng mã vào điểm số của index theo tỷ lệ % tại phiên hiện tại.



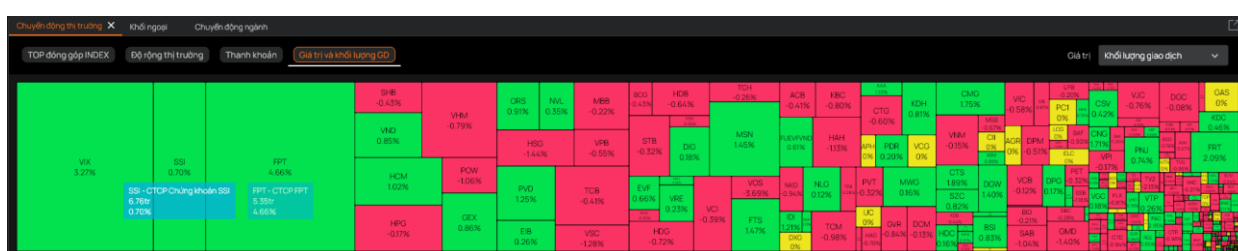
(3) Biểu đồ: Thanh khoản

Biểu đồ so sánh dòng tiền tại cùng thời điểm với phiên trước, trung bình 1 tuần, trung bình 1 tháng.



(4) Biểu đồ: Giá trị và khối lượng GD

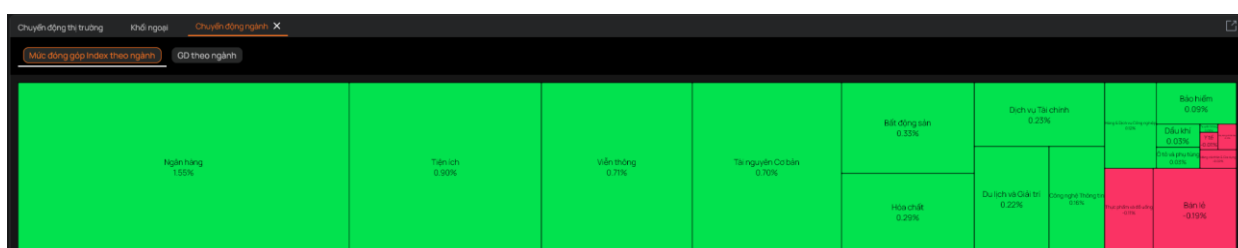
Chọn hiển thị dữ liệu Khối lượng giao dịch và Giá trị giao dịch của từng sàn



➤ Chuyển động ngành

(1) Top đóng góp INDEX

Biểu đồ thể hiện đóng góp của ngành vào INDEX. Màu xanh trên biểu đồ thể hiện ngành đóng góp dương (kéo INDEX lên), màu đỏ thể hiện đóng góp âm (kéo INDEX xuống).



(2) GD theo ngành

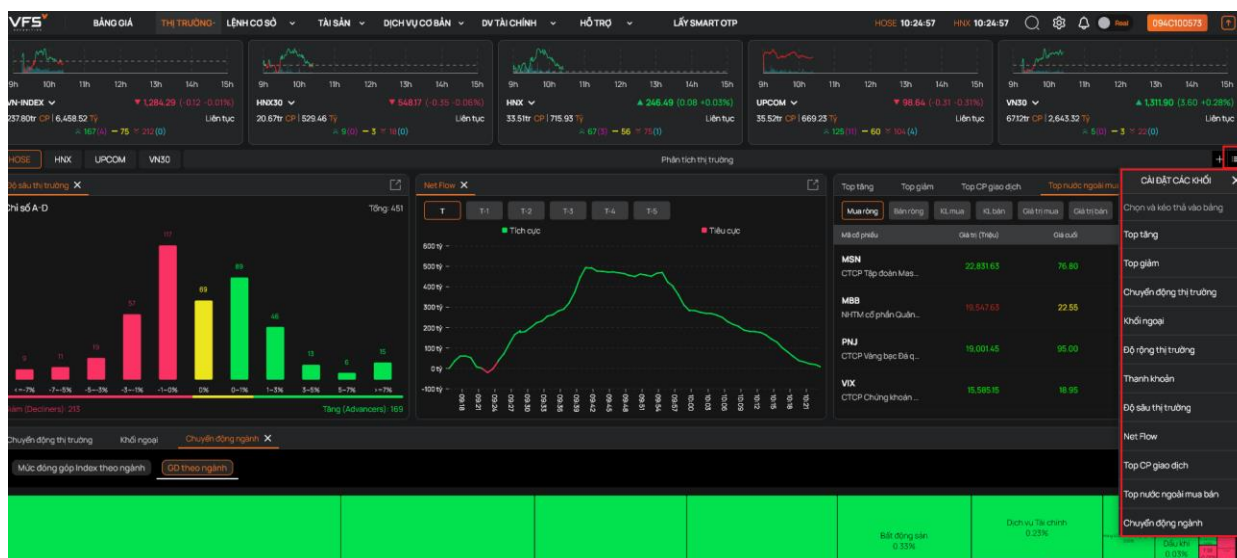
Biểu đồ thể hiện giá trị giao dịch ngành (đơn vị Triệu VND). Màu xanh trên biểu đồ thể hiện ngành đóng góp dương (kéo INDEX lên), màu đỏ thể hiện đóng góp âm (kéo INDEX xuống).



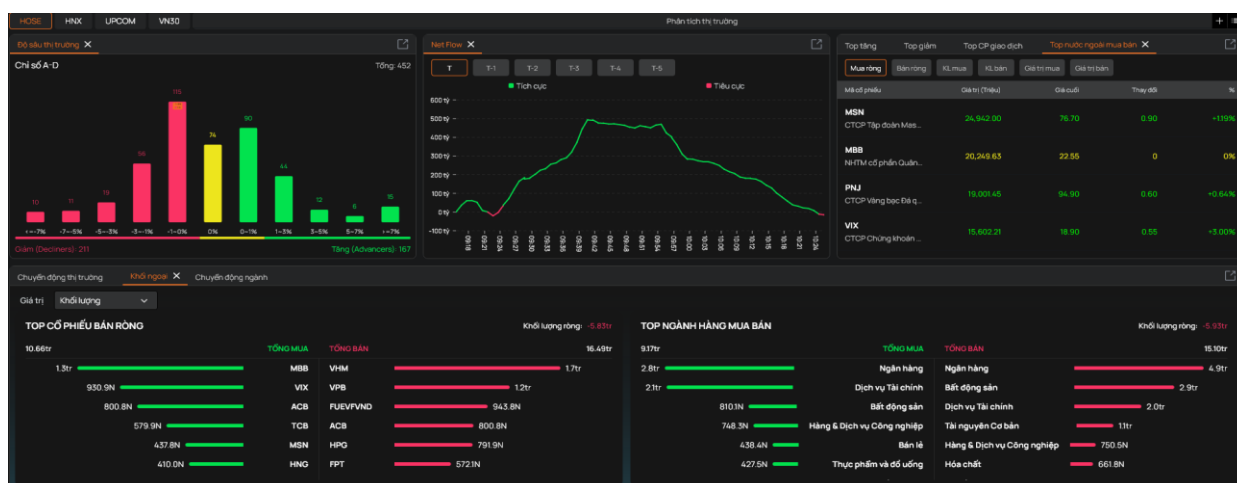
🔗 Chức năng kéo thả cài đặt miếng block

- Mục đích: Giúp người dùng có thể sắp xếp cách hiển thị các block quan tâm theo các vị trí mà người dùng mong muốn
- Các bước thực hiện

(1) Vào dấu 3 gạch => Hiện thị menu các block



(2) Click vào block muốn hiển thị và kéo thả đến vị trí muốn đặt



(3) Đặt block vào vị trí mong muốn

🔧 Chức năng điều chỉnh kích thước của block

- Mục đích: Điều chỉnh kích thước của block theo mong muốn
- Các bước thực hiện:

(1) Di chuột đến viền của block để hiển thị biểu tượng kéo

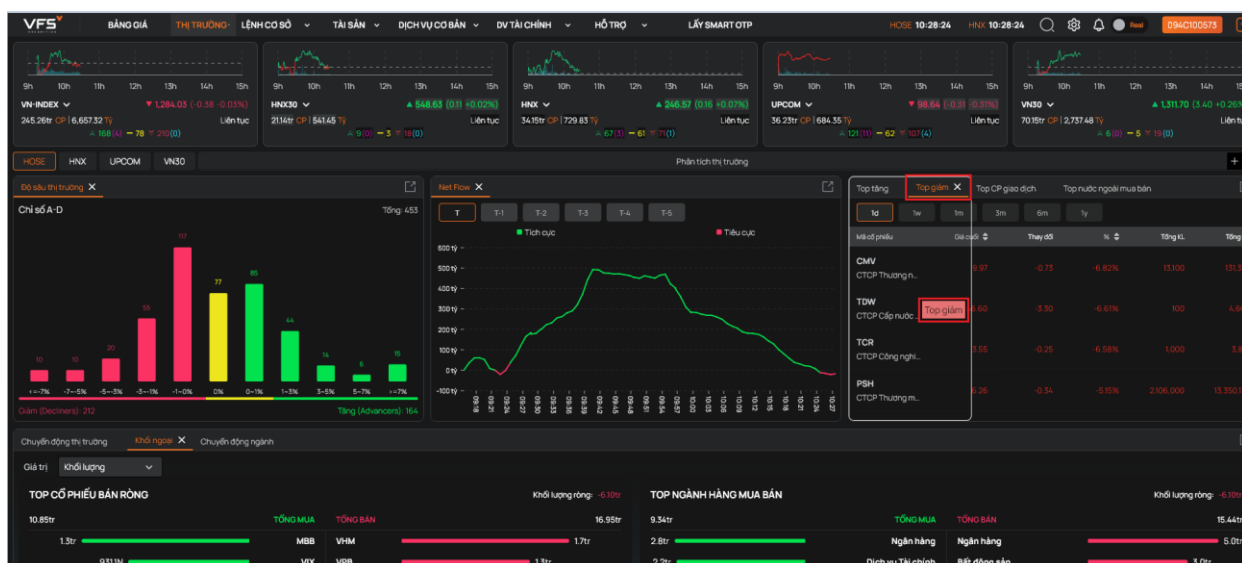
(2) Giữ và kéo chuột để điều chỉnh độ rộng, chiều cao của block

🔧 Chức năng di chuyển vị trí của block

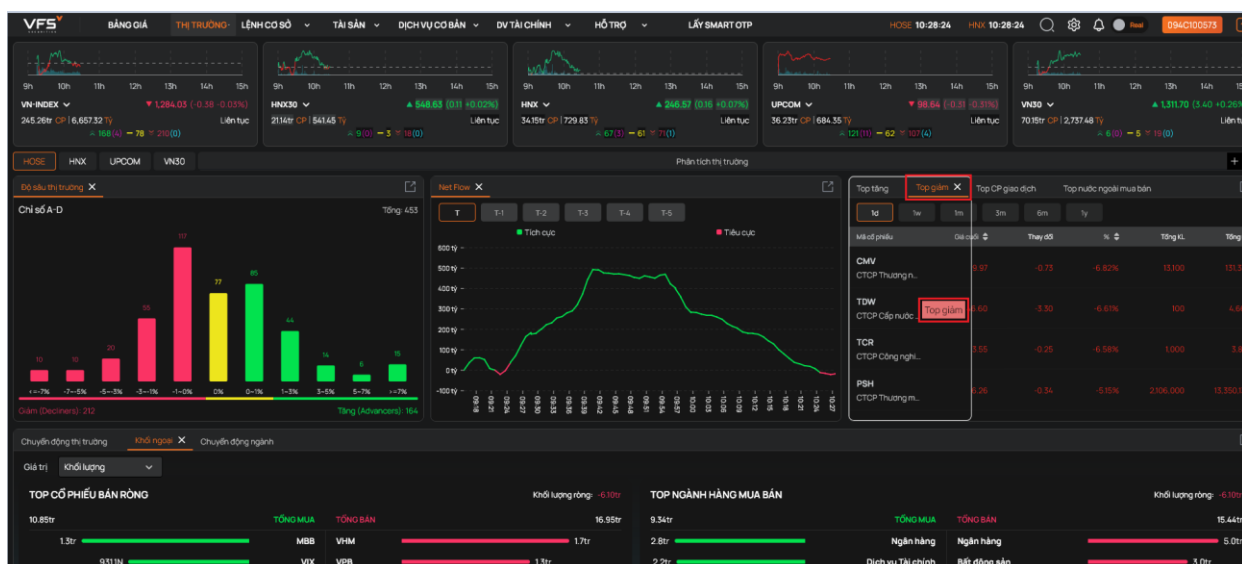
Mục tiêu: Sắp xếp block ở các vị trí mong muốn

- Các bước thực hiện:

(1) Nhấp và giữ chuột ở vị trí header của block



(2) Giữ chuột và kéo thả để vị trí mong muốn



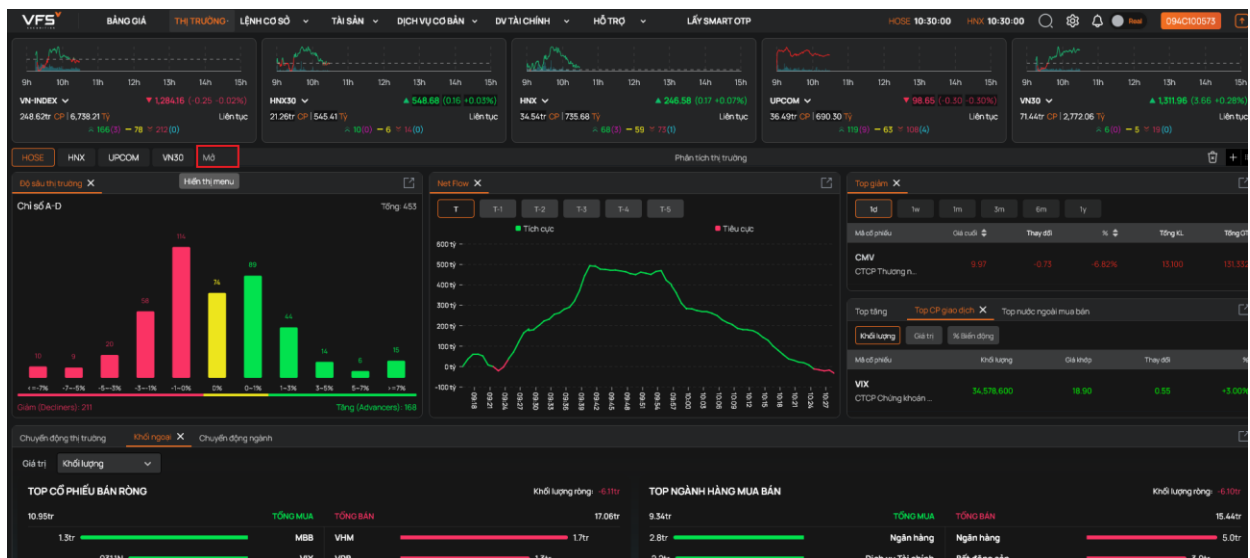
Top giảm X					
1d 1w 1m 3m 6m 1y					
Mã cổ phiếu	Giá cuối	Thay đổi	%	Tổng KL	Tổng GT
CMV CTCP Thương n...	9.97	-0.73	-6.82%	13,100	131,332

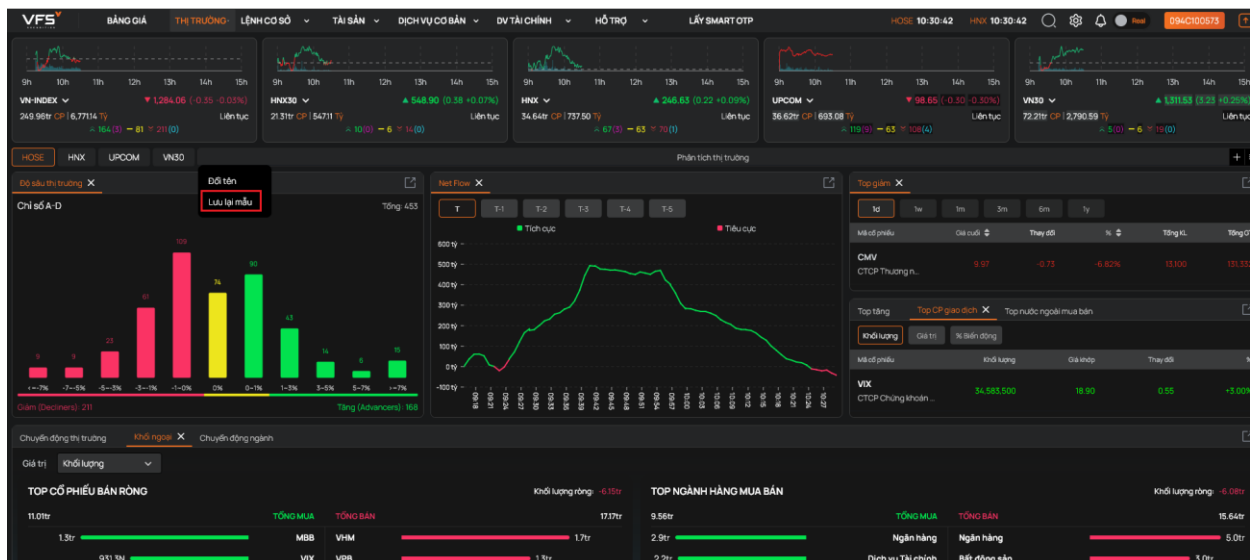
Top tăng Top CP giao dịch X Top nước ngoài mua bán					
Khối lượng Giá trị % Biến động					
Mã cổ phiếu	Khối lượng	Giá khớp	Thay đổi	%	
VIX CTCP Chứng khoán ...	34,575,800	18.90	0.55	+3.00%	

Chức năng lưu bảng

- Mục đích: Lưu lại bảng có bố cục mong muốn như người dùng đã sắp xếp đối với các lần đăng nhập sau
- Các bước thực hiện

(1) Click vào Mở và chọn lưu lại mẫu

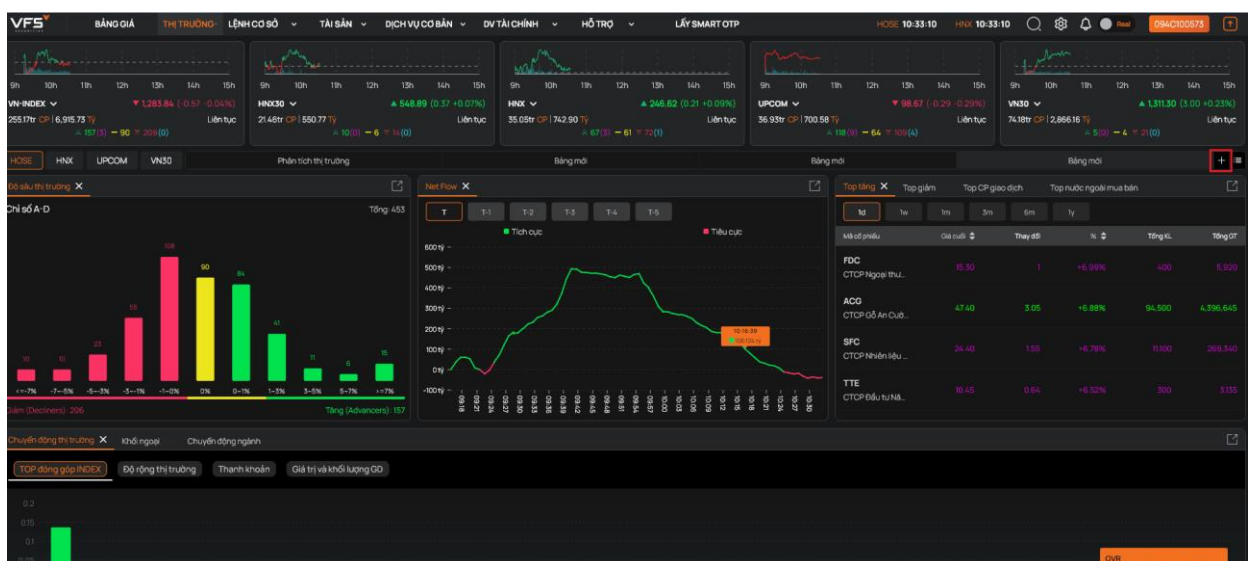




(2) Điền tên bảng, mô tả và nhấn lưu

The screenshot shows a dialog box titled 'LƯU LẠI BẢNG'. It has two input fields: 'Tên bảng' (Table Name) and 'Mô tả' (Description). Below these fields are two buttons: 'Lưu' (Save) and 'Hủy' (Cancel).

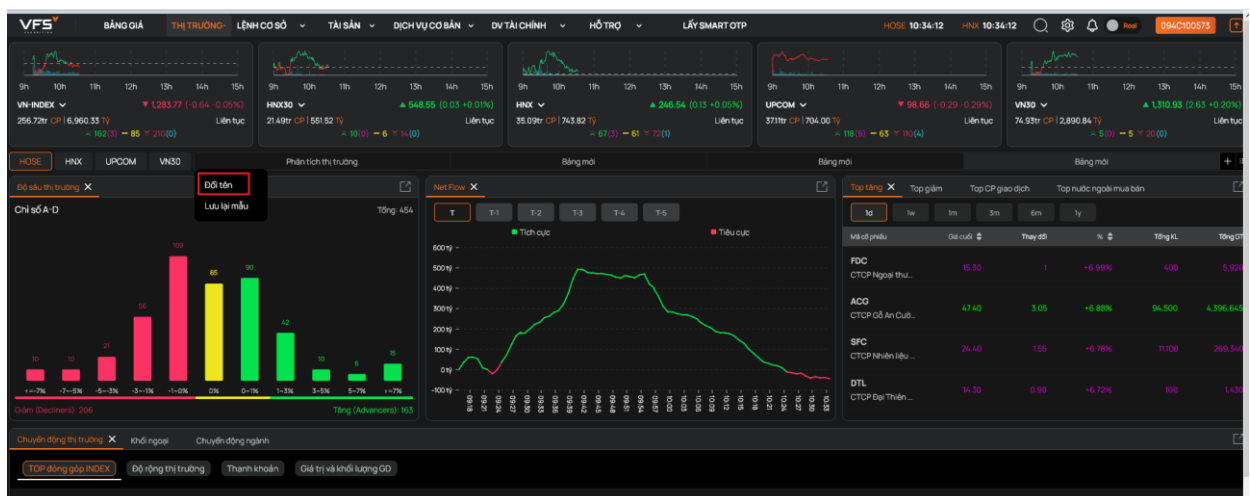
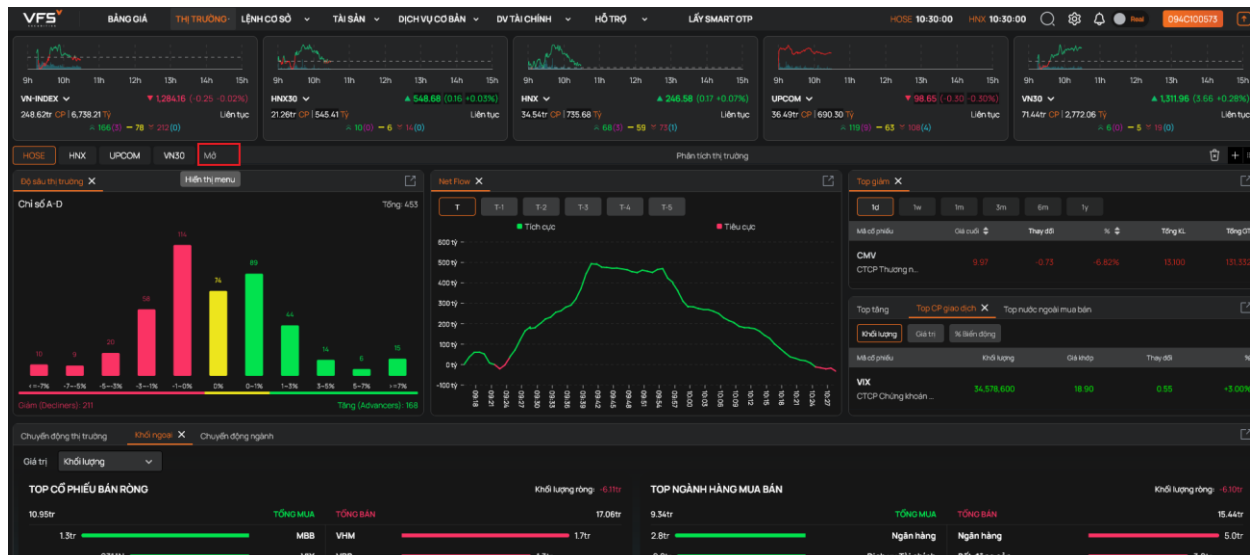
(3) Click vào dấu cộng để xem bảng mình đã lưu



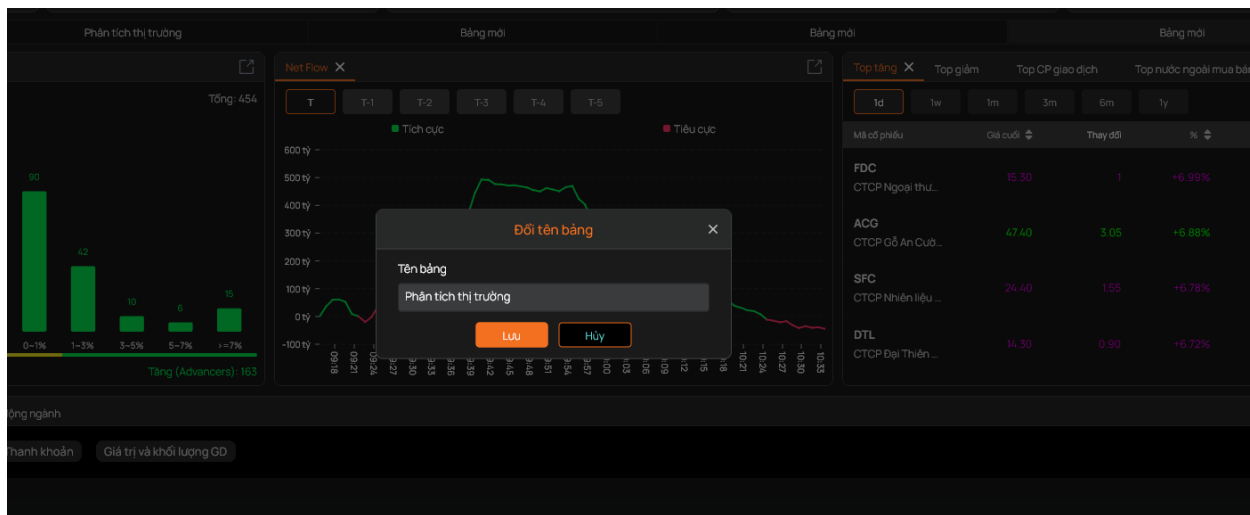
Chức năng đổi tên bảng

- Mục đích: Người dùng có thể lưu tên bảng để dễ dàng sử dụng bố cục theo các mục đích khác nhau
- Các bước thực hiện

(1) Click vào mở chọn đổi tên



(2) Điền tên bảng muốn lưu và nhấn OK

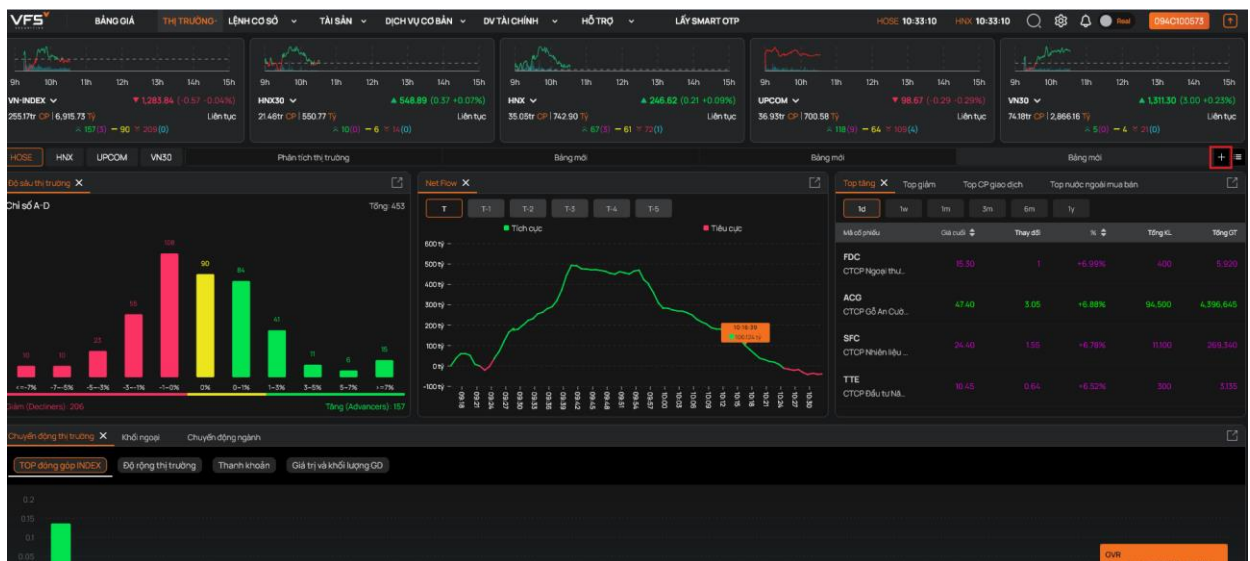


Nhấn hủy để đóng popup và không đổi tên nữa

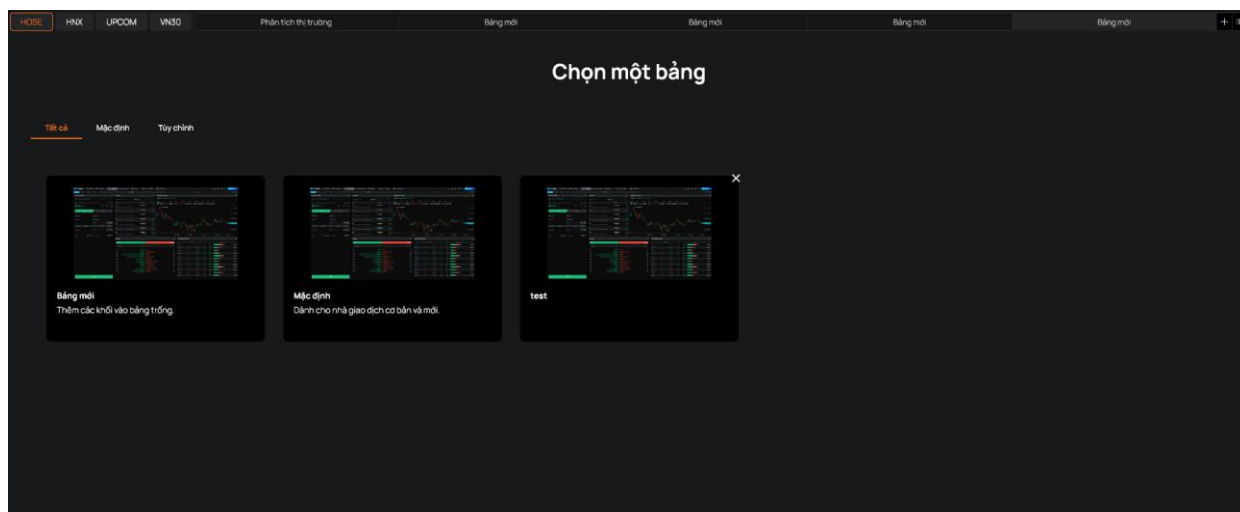
🔑 Chức năng mở bảng bố cục đã có

- Mục đích: Người dùng mở những bảng bố cục đã lưu hoặc mặc định
- Các bước thực hiện

(1) Click vào biểu tượng dấu cộng

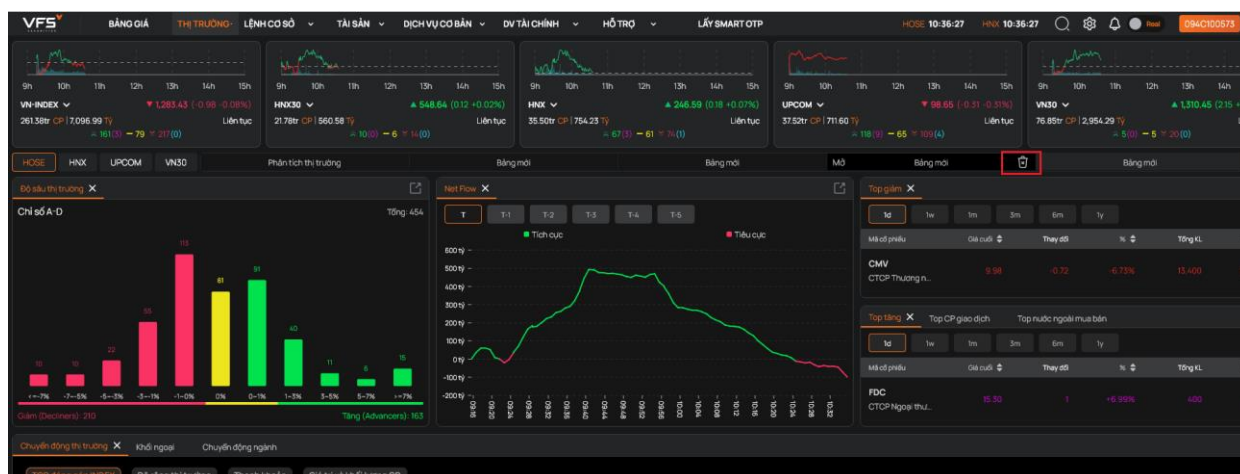


(2) Click vào bố cục bảng muốn hiển thị



Chức năng xóa bảng

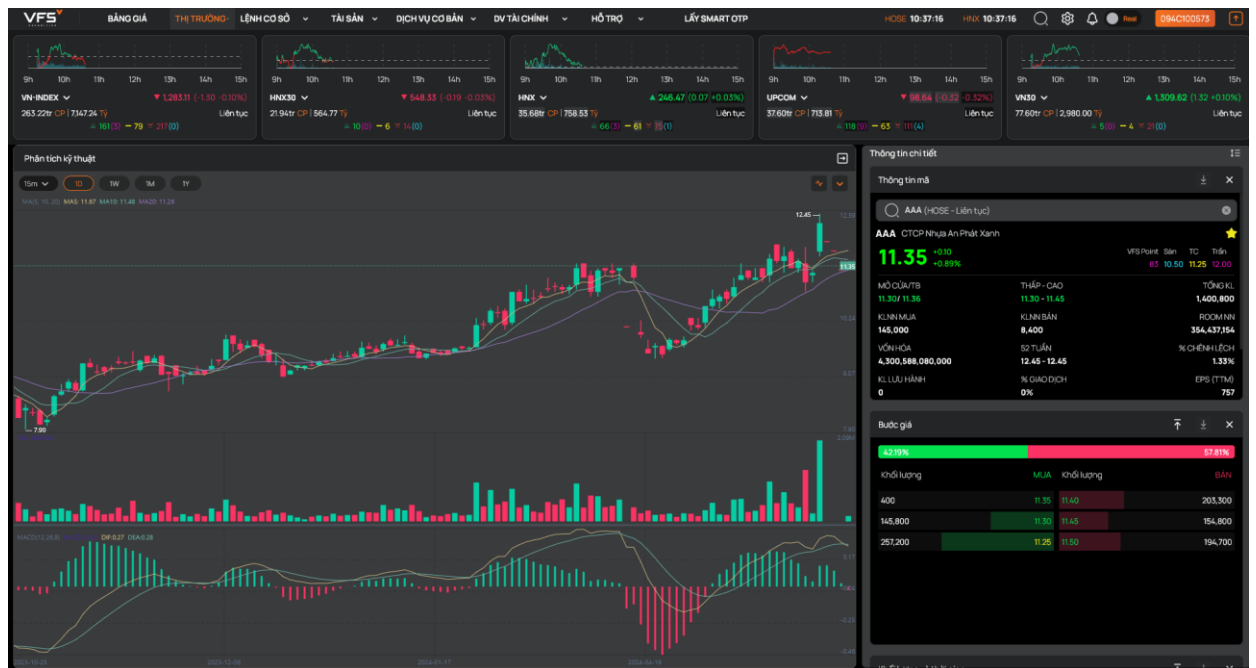
- Mục đích: Tắt hiển thị những bố cục bảng giá không sử dụng đến ở thanh bảng giá
- Thực hiện: Chọn bảng bố cục muốn xóa và nhấn vào biểu tượng thùng rác



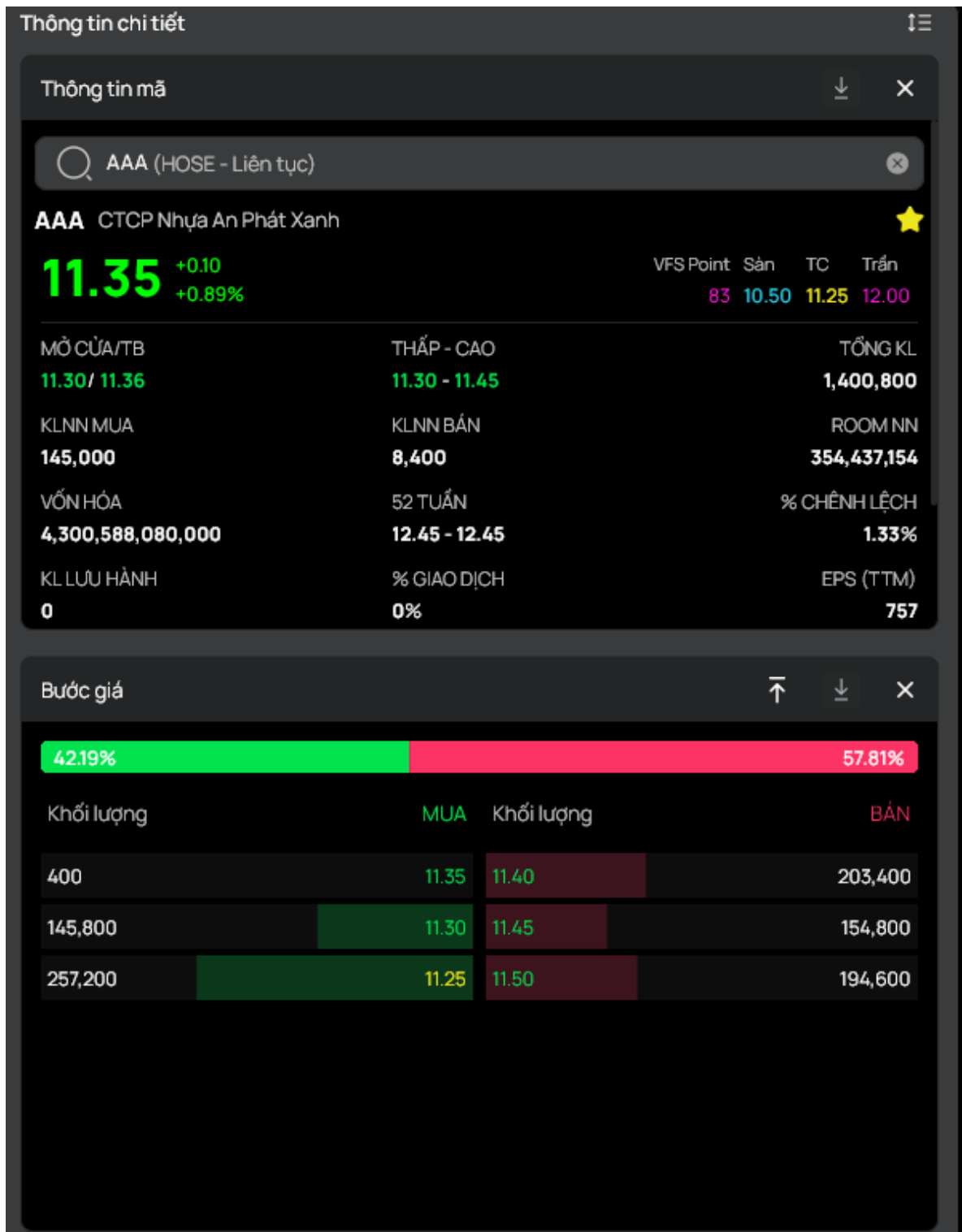
2. Phân tích kỹ thuật

 Đường dẫn: Thị trường / Phân tích kỹ thuật

 Mục đích: Cung cấp thông tin chi tiết của một mã chứng khoán: Giá trần/sàn/tham chiếu, giá mở/đóng cửa, giá khớp hiện tại, % thay đổi giá, khối lượng khớp, giá cao nhất, thấp nhất, lịch sử khớp lệnh, biểu đồ phân tích kỹ thuật, bảng giá, Phân bổ khớp lệnh



➤ **Hiện thị thông tin chi tiết của mã chứng khoán**



3. Bộ lọc

🚦 Đường dẫn: Thị trường/ Bộ lọc

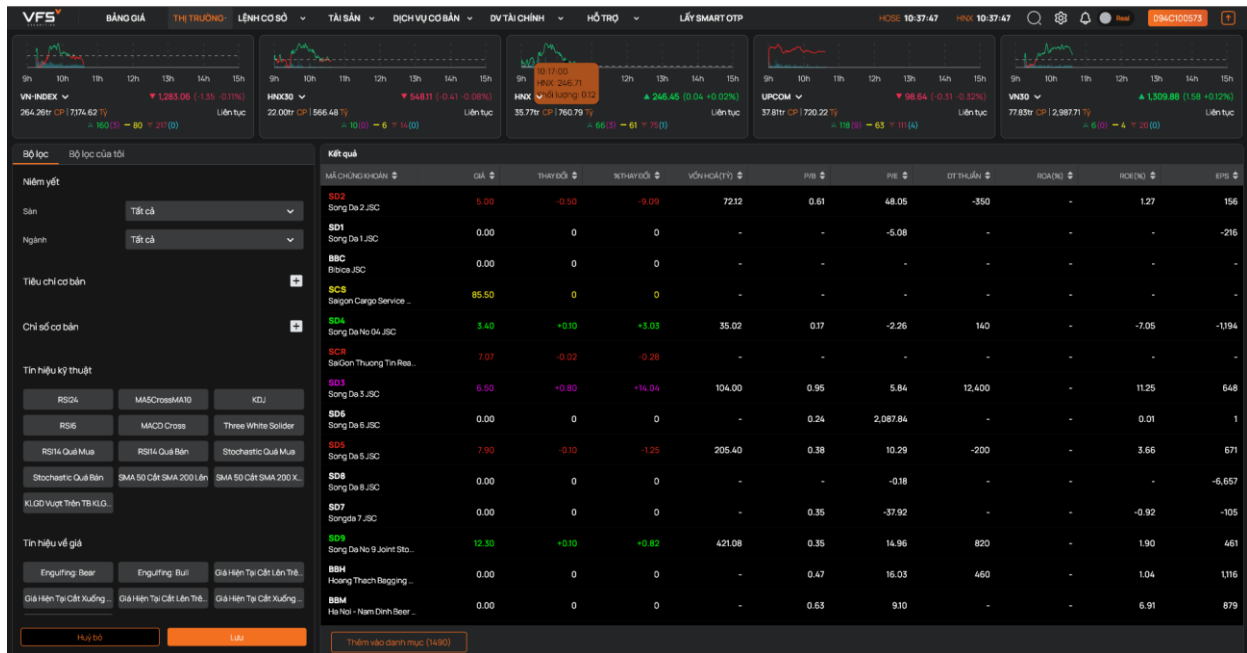
🚦 Mục đích: Lọc ra các mã cổ phiếu theo tiêu chí:

- Sàn
- Ngành

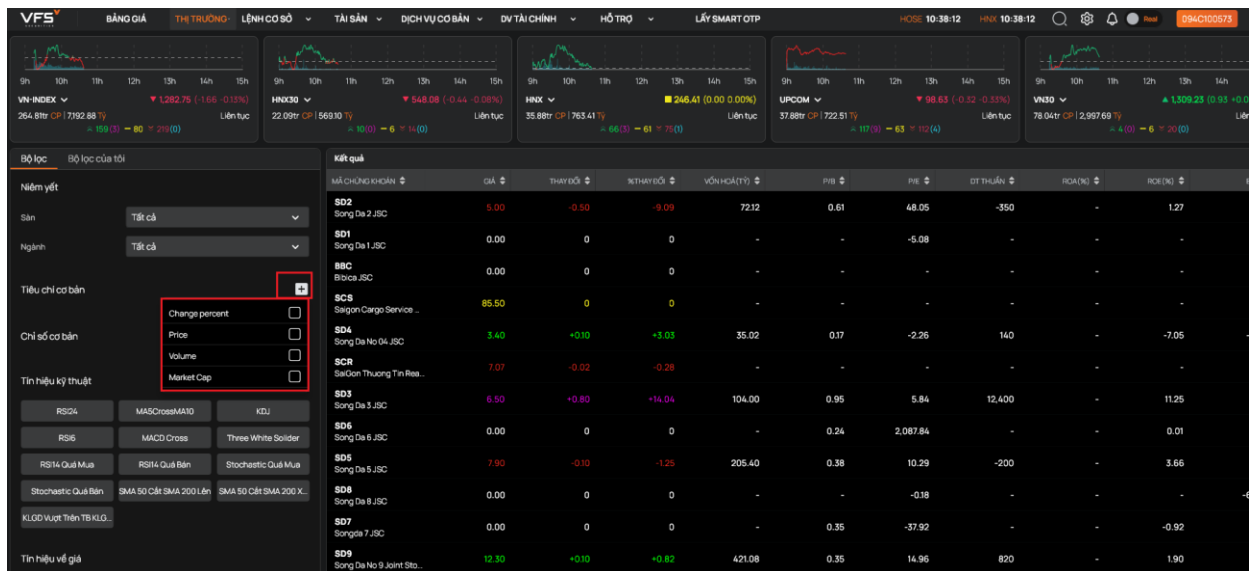
- Tiêu chí cơ bản
- Phân tích cơ bản
- Phân tích kỹ thuật
- Tín hiệu về giá

⇒ Rút ngắn thời gian phân tích cổ phiếu, nâng cao hiệu quả đầu tư

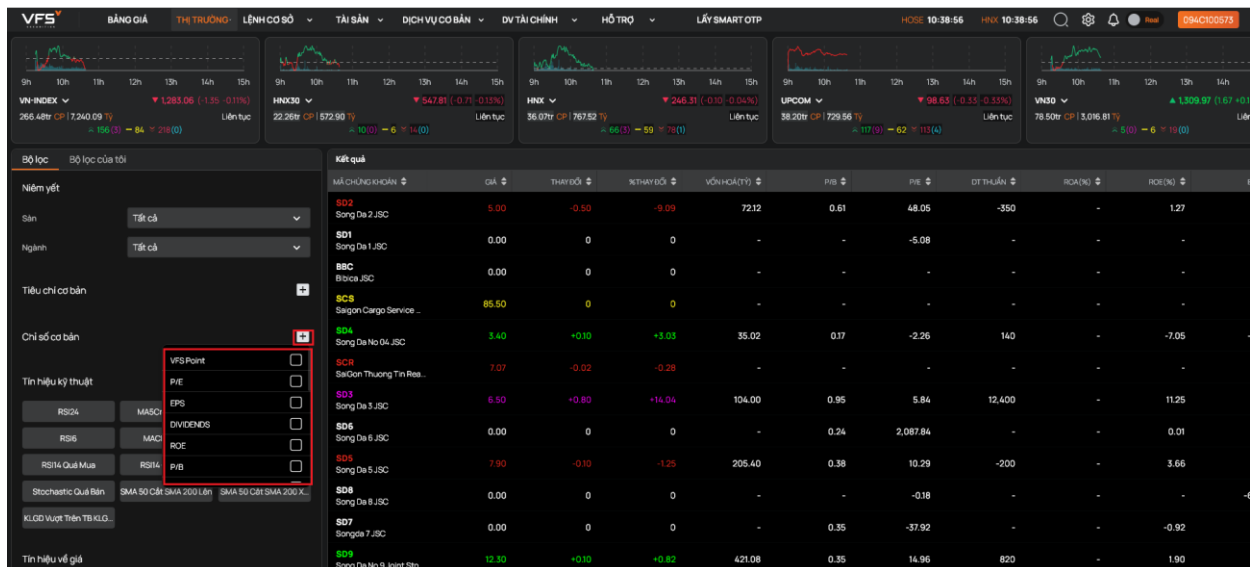
❖ Lọc cổ phiếu



- Người dùng chọn lựa các tiêu chí phù hợp => Hệ thống tự động hiển thị kết quả là danh sách mã chứng khoán đúng với tiêu chí tìm kiếm mà NGĐT lựa chọn. Trên danh sách kết quả hệ thống hiển thị đúng các thông tin của mã chứng khoán (Giá, Thay đổi, Vốn hóa...)
- Lựa chọn tiêu chí cơ bản



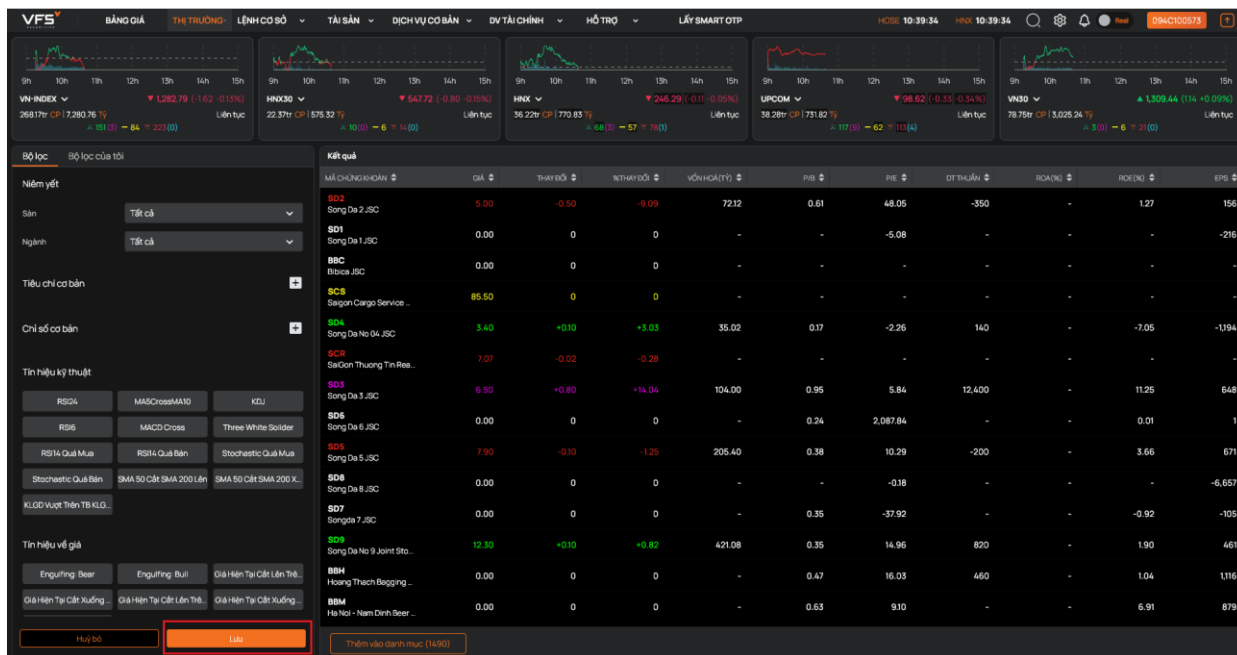
➤ Lựa chọn chỉ số cơ bản



❖ Lưu bộ lọc

-Sau khi lọc ra danh sách phù hợp với tiêu chí của người dùng, hệ thống cho phép lưu lại bộ lọc để dùng cho lần sau.

Các bước thực hiện:



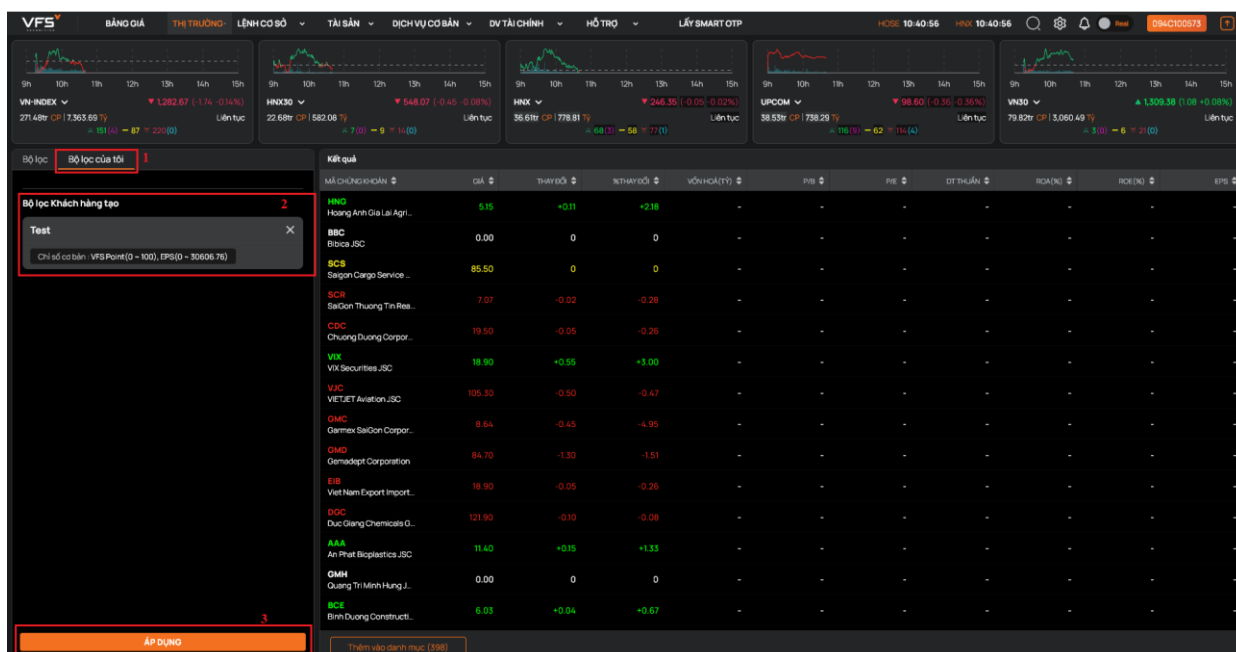
- (1) Nhấn nút Lưu lại, hệ thống hiển thị màn hình nhập tên bộ lọc
- (2) KH nhập và tên bộ lọc tùy ý sao cho dễ nhớ và không trùng tên với bộ lọc đã lưu trước đây
- (3) Nhấn nút Lưu để hệ thống lưu lại

❖ Xem lại các bộ lọc đã lưu

Bước 1: Chọn tab Bộ lọc của tôi

Bước 2: Chọn bộ lọc muốn xem

Bước 3: Nhấn Áp dụng



❖ Xóa bộ lọc đã lưu

Click vào dấu x ở bộ lọc muốn xóa=> Hiện thị thông báo xóa bộ lọc thành công

IV. LỆNH CƠ SỞ

1. Lệnh cơ sở

1.1. Đặt lệnh cơ sở

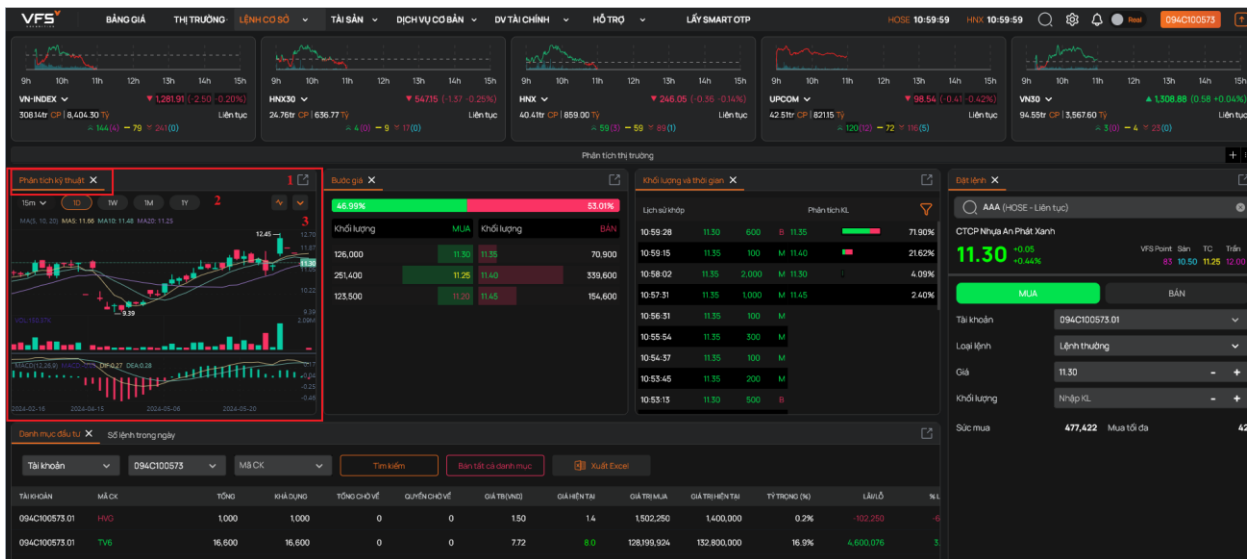
📊 Đường dẫn: *Lệnh cơ sở/Đặt lệnh cơ sở*

📊 Mục đích: *Lệnh mua/bán thông thường của NĐT được thực hiện nhập lệnh vào sàn thông qua màn hình đặt lệnh*

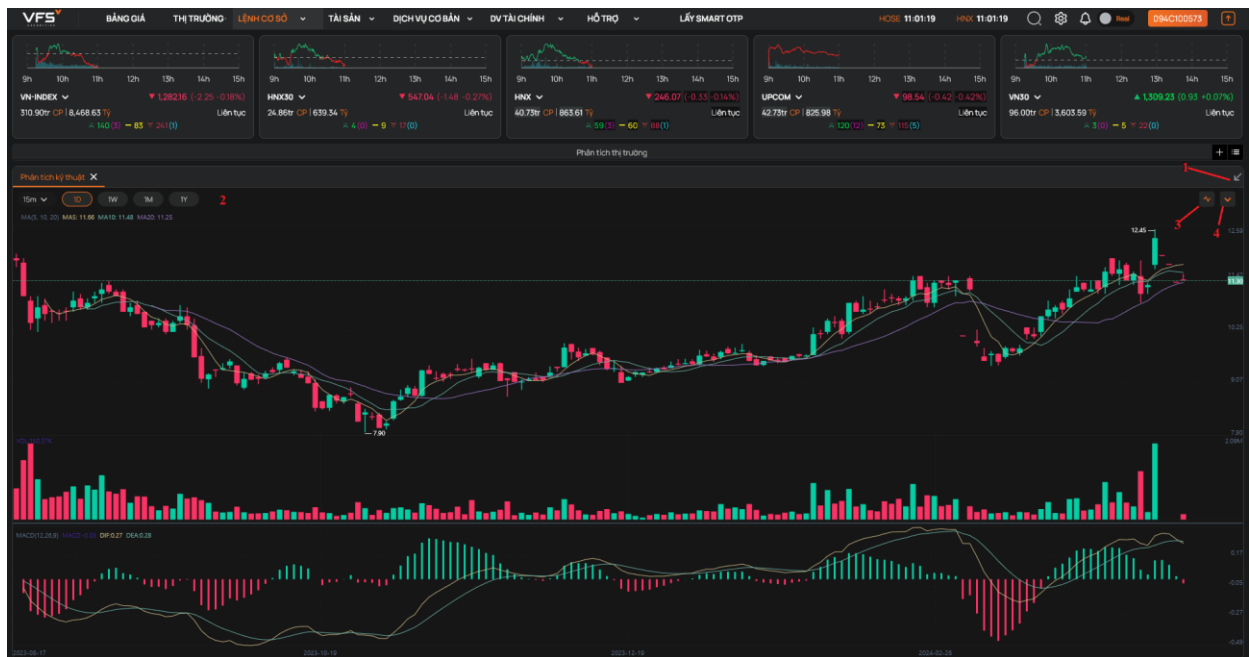
📊 Các vùng trên form đặt lệnh

Các thông tin mã chứng khoán, danh mục đầu tư,... hỗ trợ cho giao dịch

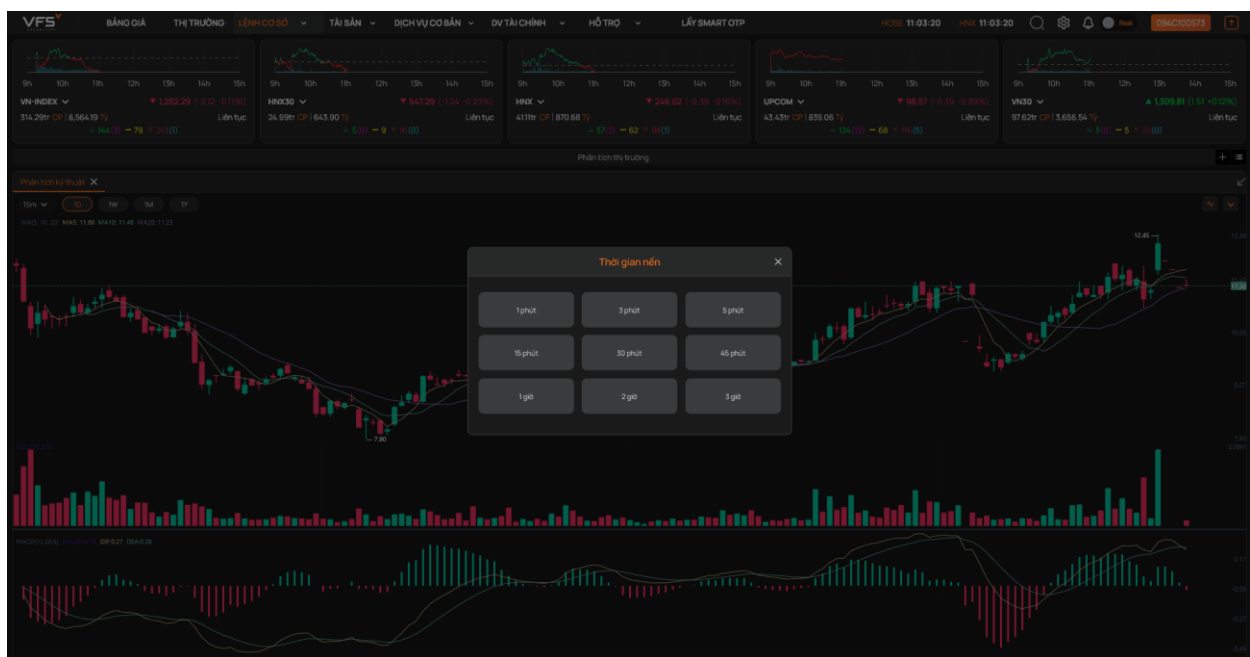
a. Phân tích kỹ thuật



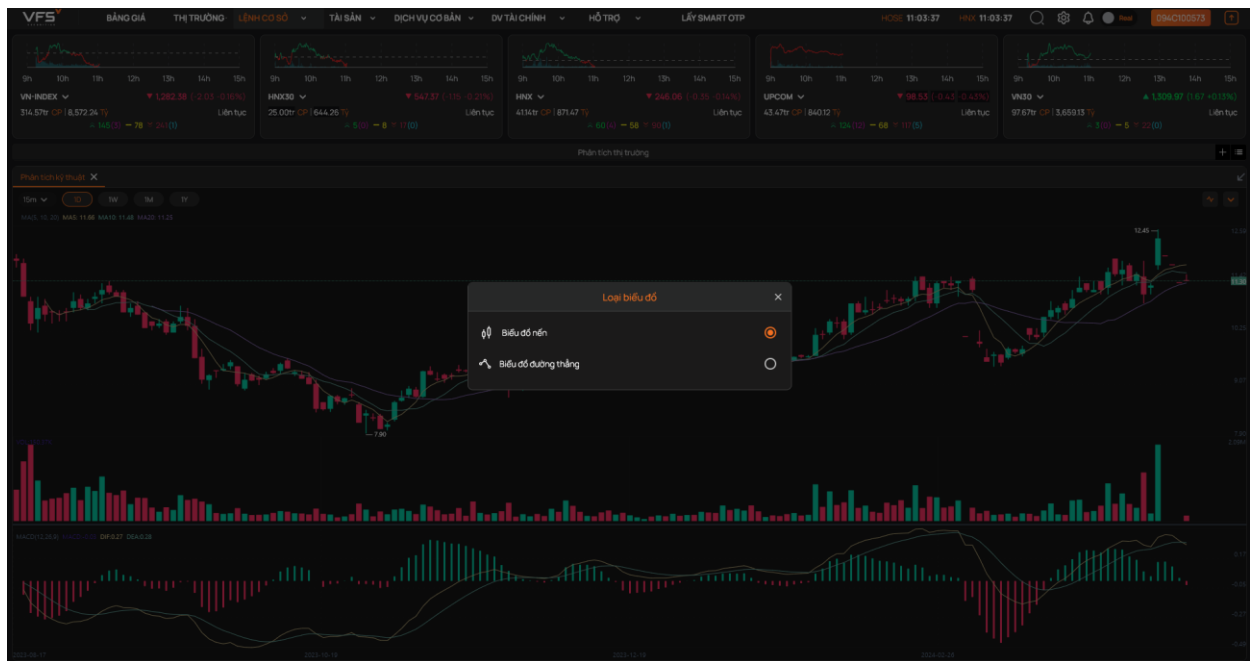
(1) Nhấn vào icon mở rộng để xem biểu đồ phân tích kỹ thuật toàn màn hình; nhấn icon góc phải màn hình để thu nhỏ lại về màn hình mặc định ban đầu



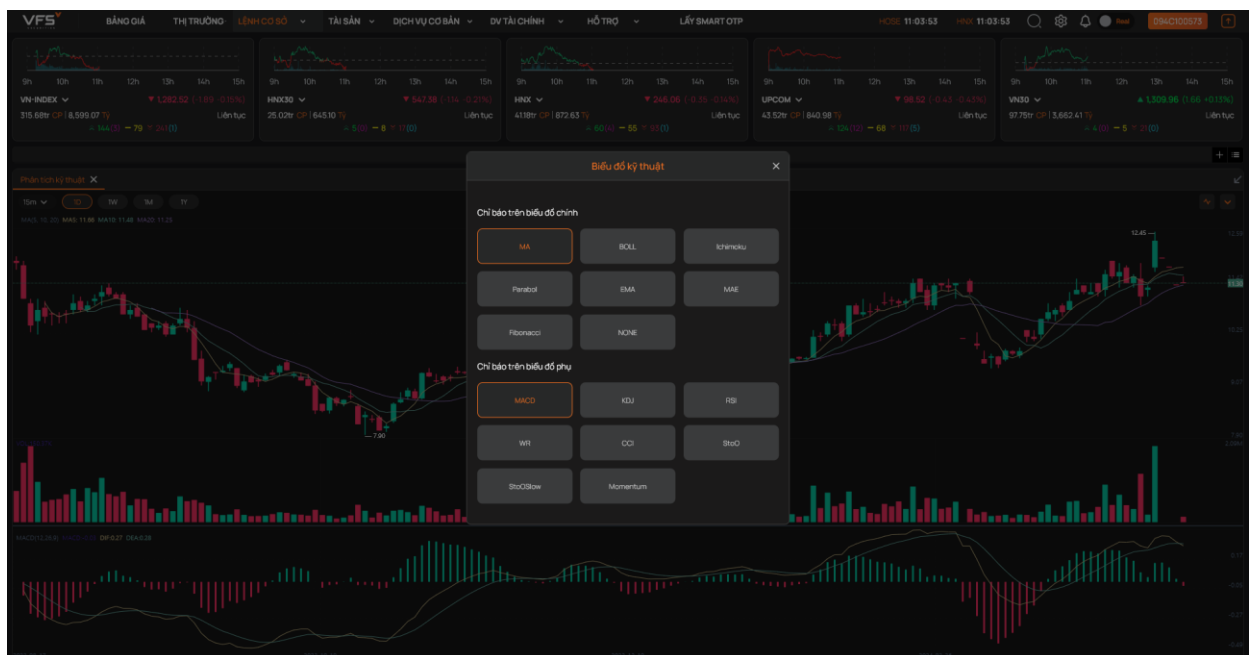
(2) Lựa chọn bộ lọc khoảng thời gian để theo dõi biểu đồ phân tích kỹ thuật: gồm theo phút, ngày, tuần, tháng, năm



(3) Lựa chọn loại biểu đồ hiển thị: gồm biểu đồ nến và biểu đồ đường thẳng

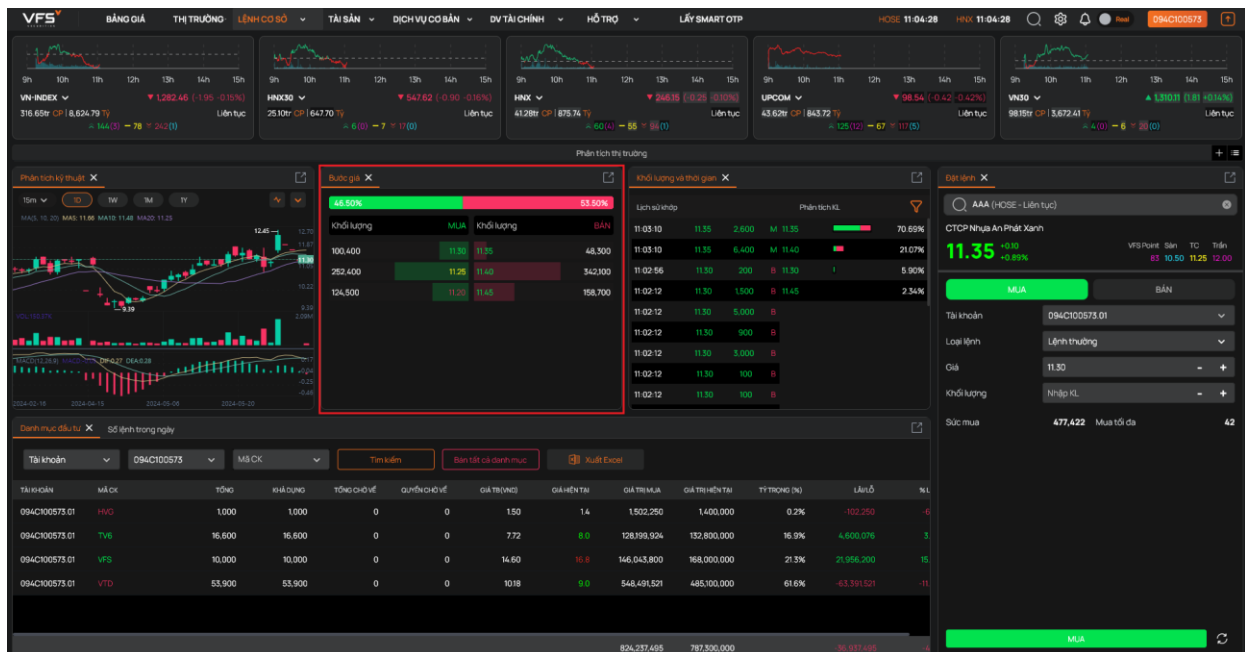


(4) Lựa chọn Chỉ báo trên biểu đồ



b. Bước giá

Thể hiện 3 giá và khối lượng dư mua/dư bán của mã CK

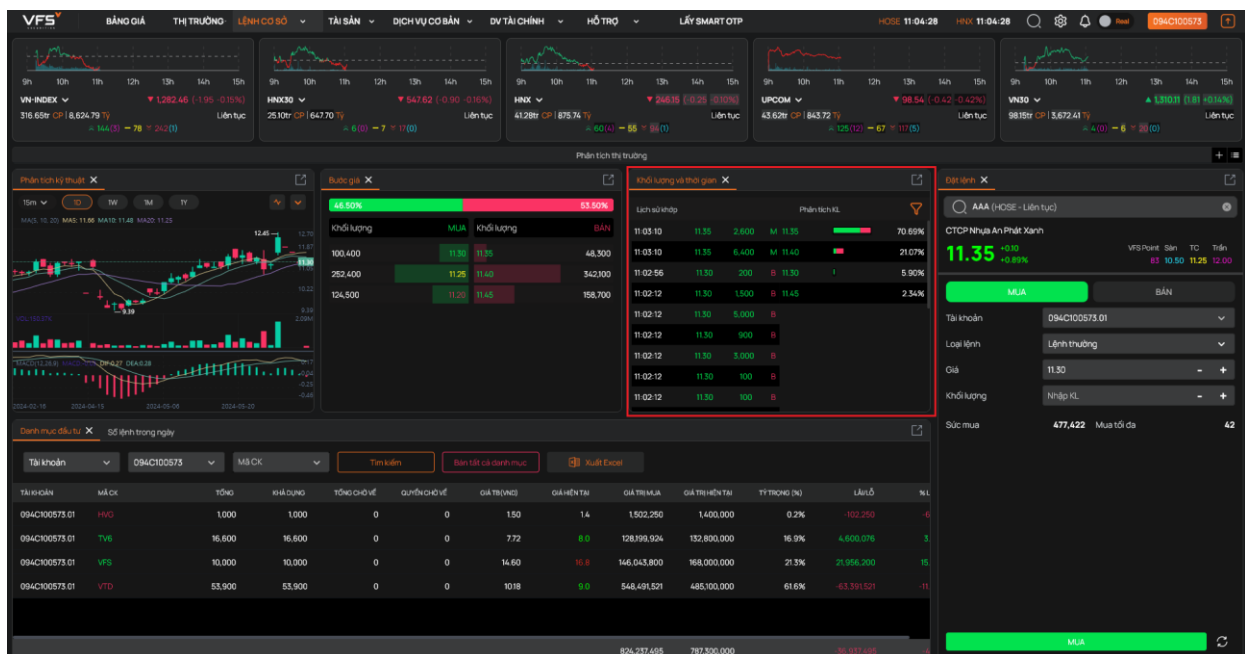


c. Khối lượng và thời gian

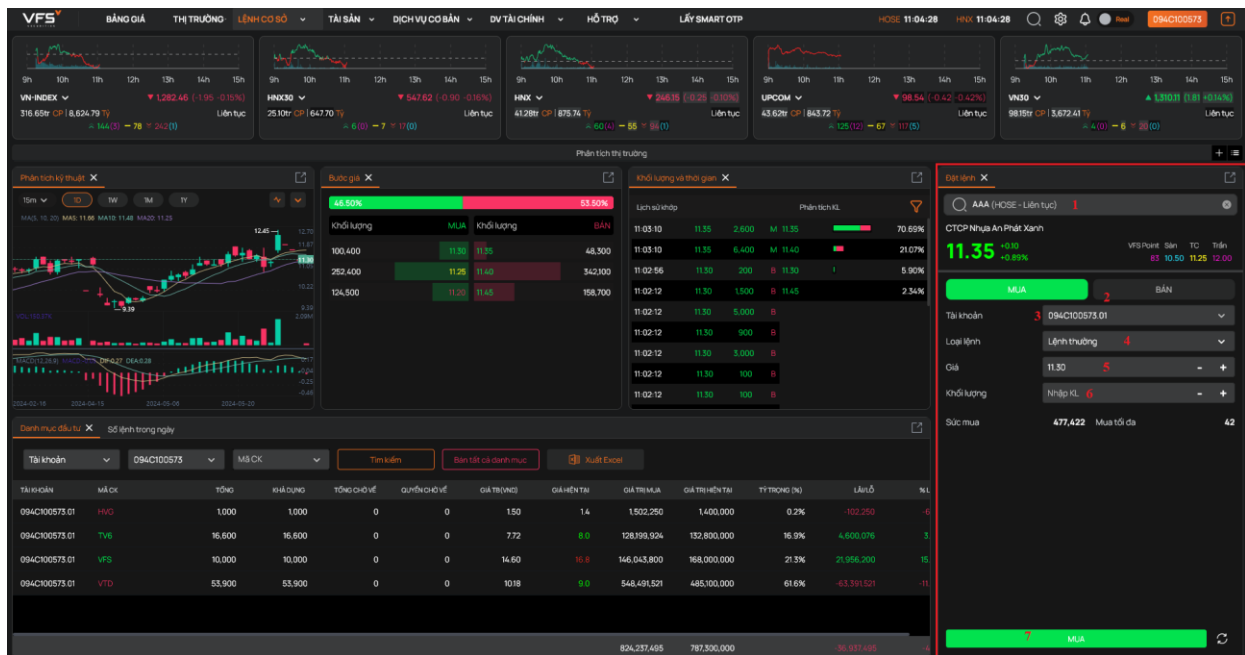
Thể hiện lịch sử khớp và phân tích kỹ thuật:

(1) Lựa chọn số lượng bản ghi hiển thị: 1, 3, 5, 10, 20, 30, 50

(2) Lựa chọn thời gian: T; T-1; T-5

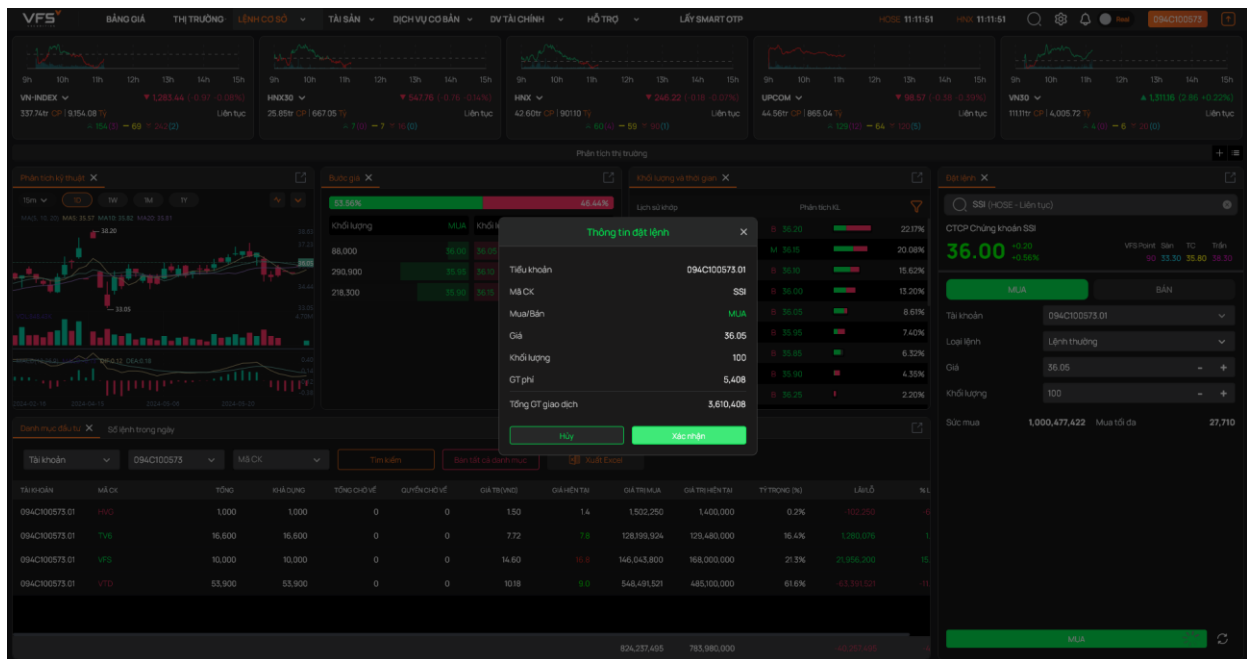


d. Đặt lệnh



Các bước thực hiện và giải thích:

- (1) Nhập mã chứng khoán thực hiện mua/bán → hiển thị thông tin giá của mã chứng khoán trần/tham chiếu/sàn.
- (2) Chọn lệnh MUA hoặc BÁN
- (3) Nhập Tài khoản: Nếu chỉ nhập tài khoản thì hệ thống sẽ tự động hiện số tiểu khoản đầu tiên và có hiệu lực của tài khoản. Hoặc KH có thể nhập đầy đủ tiểu khoản của KH (đặt lệnh thường/Margin theo tính chất tiểu khoản).
 - Sau khi nhập xong tiểu khoản, nhấn tab hoặc Enter Các thông tin tài khoản được hiển thị lệnh mua: Sức mua, Mua tối đa; lệnh bán: Bán tối đa
- (4) Chọn loại lệnh:
 - Chọn lệnh cần đặt: LO, ATO, ATC, MP, MTL.... – Hiển thị tương ứng các lệnh hợp lệ theo sàn, phiên
- (5) Nhập giá:
- (6) Nhập khối lượng
- (7) Nhấn nút MUA/BÁN → hiển thị màn xác nhận thông tin đặt lệnh:



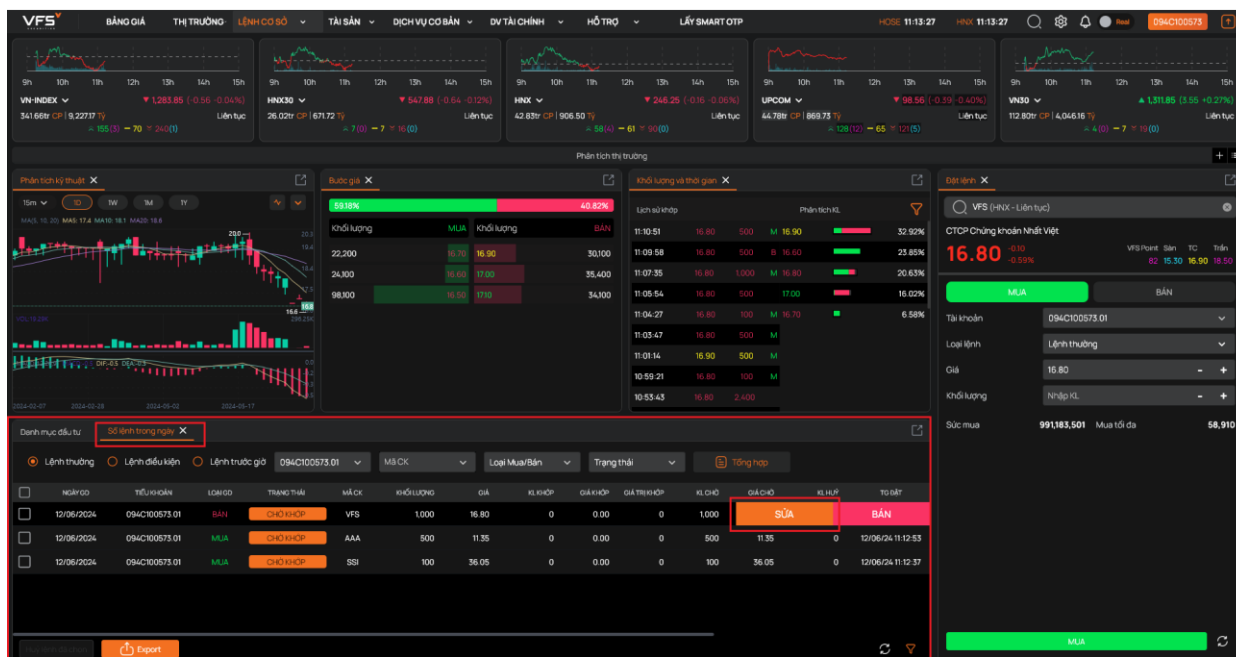
- Các thông tin hiển thị tại màn xác nhận gồm: Tiểu khoản, Mã CK, loại lệnh Mua/Bán, Giá, Khối lượng, Giá trị phí, Tổng giá trị giao dịch
- Nhấn Hủy → đóng màn xác nhận
- Nhấn Xác nhận → thực hiện tạo lệnh
 - Chia lệnh:
 - ✓ Tự động chia lệnh với lệnh đặt vào với KL quá lớn, vượt quá quy định của mỗi sàn. Lệnh lô lớn sẽ được chia mặc định thành các lô 500.000 cổ phiếu đối với sàn HOSE, và 1 tỷ cổ phiếu đối với sàn HNX.

Lưu ý các trạng thái lệnh:

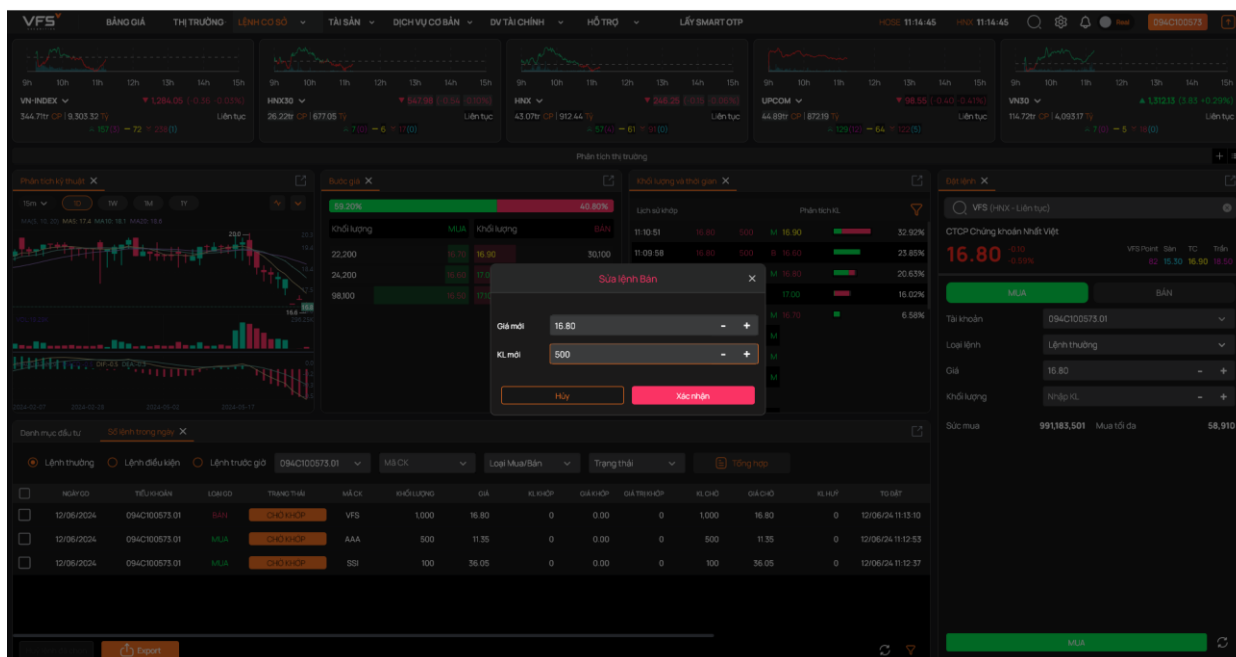
- 1: Từ chối
- 2: Chờ gửi
- 3: Chờ khớp
- 4: Khớp một phần
- 5: Khớp toàn bộ
- 6: Hủy một phần
- 7: Hủy toàn bộ
- 8: Sở từ chối

1.2. Sửa lệnh

 **Mục đích:** Cho phép người dùng sửa Giá, Khối lượng của lệnh Chờ khớp hoặc Khớp 1 phần. Đối với sàn HNX, cập nhật luôn trên lệnh gốc KL chờ khớp mới, giá chờ khớp mới. Đối với sàn HOSE, hệ thống hủy lệnh cũ và tạo lệnh mới với KL chờ và giá chờ mới



(1) Chọn lệnh/bản ghi cần sửa, ấn nút sửa lệnh



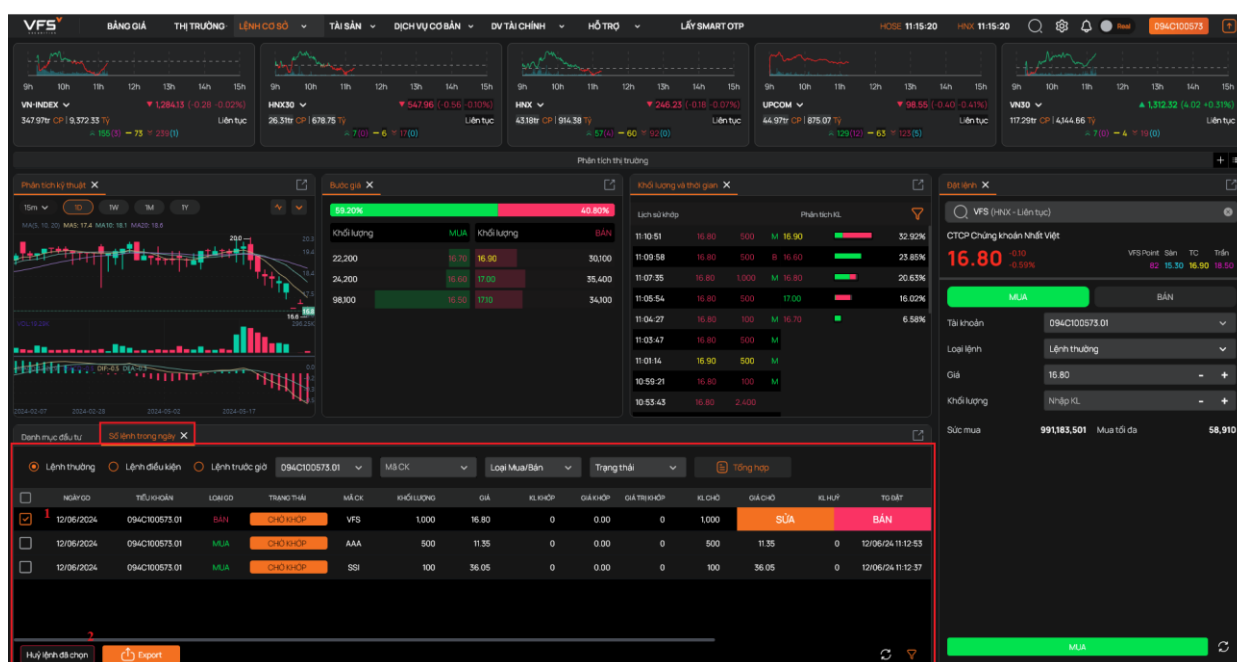
(2) Hiện thị popup cho sửa thông tin Giá và Khối lượng

- Nhấn Hủy → đóng popup sửa lệnh

- Nhấn xác nhận lệnh để lưu lại thông tin sửa
 - o HNX: Sau khi sửa, lệnh vẫn ở trạng thái O/M.
 - o HOSE: sửa lệnh HOSE là hình thức hủy lệnh cũ và tạo lệnh mới → Lệnh cũ trạng thái C – Đã hủy, và lệnh mới ở trạng thái O/M.

1.3. Hủy lệnh

 **Mục đích:** Khi lệnh chưa khớp, cho phép hủy phần còn lại chờ khớp của lệnh.



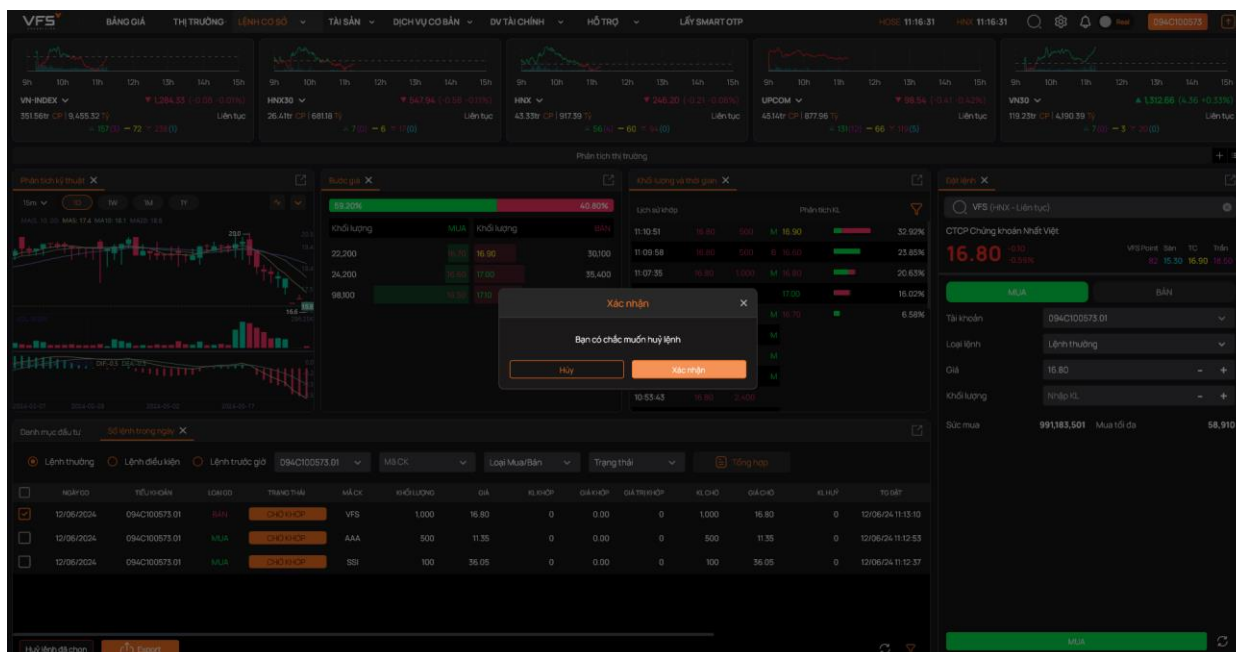
(1) Tích chọn lệnh cần Hủy/ tích chọn ô checkbox trên cùng để chọn all lệnh thỏa mãn điều kiện hủy

- Chỉ hủy được lệnh đang ở trạng thái: 9:Chờ khớp, 10:Chờ khớp (Khớp 1 phần). Đối với phiên trước giờ mở cửa cho phép hủy lệnh ở trạng thái Chờ gửi
- Lệnh khớp 1 phần bị hủy, sẽ hủy phần còn lại chưa khớp của lệnh.

Lệnh chưa khớp sẽ bị hủy hoàn toàn.

Sau khi hủy lệnh, sản trả về kết quả đồng thời chương trình sẽ giải tỏa tiền/CK của lệnh hủy này.

(2) Nhấn nút Hủy lệnh đã chọn → hệ thống hiển thị màn popup xác nhận:



- Nhấn Hủy → đóng màn xác nhận
- Nhấn Xác nhận → Hủy lệnh được chọn

1.4. Danh mục đầu tư

 **Mục đích:** chi tiết lỗ/lãi danh mục đầu tư của khách hàng

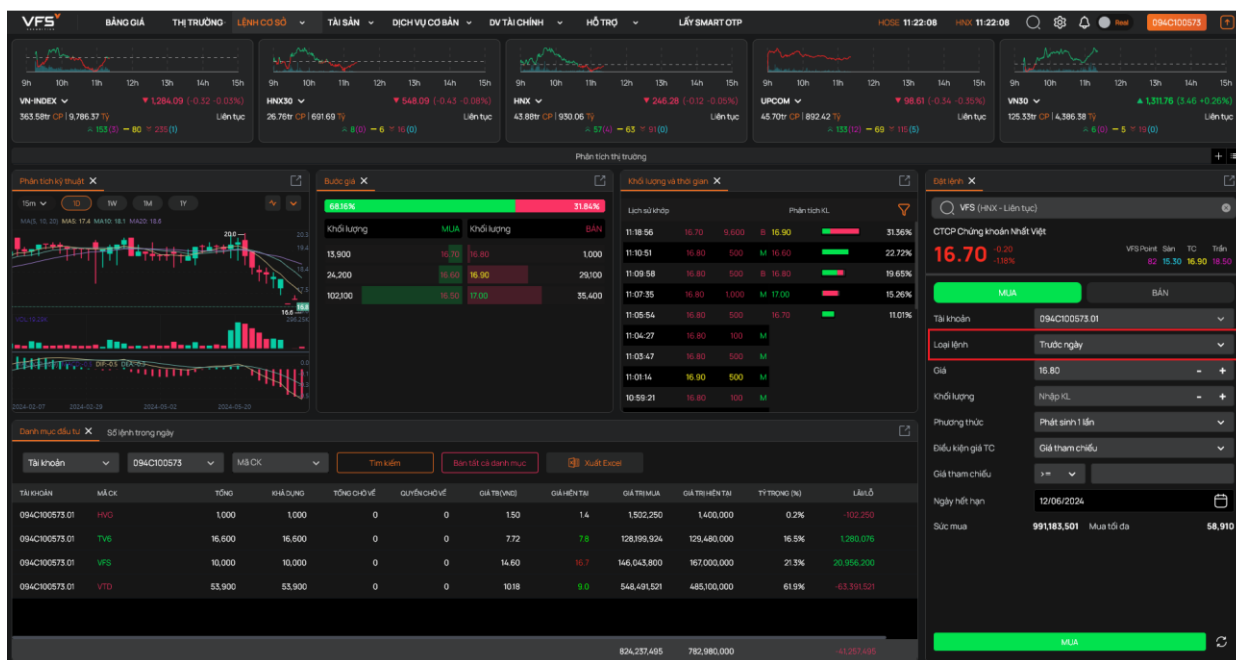
Các bước thực hiện:

- (1) Nhập thông tin tìm kiếm theo Tài khoản/Tiểu khoản/ Mã CK nhấn Tìm kiếm
- (2) Hiển thị danh mục đầu tư của tiểu khoản gồm các thông tin: Tài khoản, mã CK, Tổng, Khả dụng, Quyền chờ về, Giá TB(VND), Giá hiện tại, Giá trị mua, Giá trị hiện tại, Tỷ trọng (%), Lãi/lỗ, %Lãi/lỗ,
 - Tổng giá trị mua, Tổng giá trị hiện tại, Tổng Lãi/lỗ, %Lãi lỗ

- (4) Loại lệnh: gồm các lệnh điều kiện: Trước ngày, Xu hướng, Chốt lãi, Cắt lỗ, Tranh mua/bán
- (5) Nhập Giá: check giá trong khoảng Trần, Sàn
- (6) Nhập Khối lượng:
Check KL đặt tròn lô với từng sàn
Nếu KL lô lớn --> hệ thống tự động chia lệnh
- (7) Phương thức:
- ✓ Phát sinh 1 lần: Lệnh sẽ được gửi vào sàn giao dịch 1 lần duy nhất khi đã thỏa mãn các điều kiện về lệnh (giá, khối lượng, số dư ký quỹ, ngày hiệu lực...)
→ Áp dụng cho lệnh Trước ngày, Xu hướng, Chốt lãi, Cắt lỗ.
Ví dụ: KL đặt = 10.000 CP → Nếu thỏa mãn về KL/số dư, hoặc ngày hiệu lực → lệnh sẽ được đặt với KL = 10.000 CP (Chỉ đặt duy nhất 1 lần mặc dù khớp hay ko), sau khi lệnh được đặt thì lệnh này sẽ chuyển trạng thái Kết thúc
 - ✓ Khớp đủ KL: trong thời gian hiệu lực của lệnh, hệ thống sẽ tự động đặt lệnh khi thỏa mãn các điều kiện của lệnh (giá, khối lượng, số dư ký quỹ, ngày hiệu lực, ...) để đảm bảo khớp hết khối lượng đã đăng ký mua/bán.
→ Áp dụng cho lệnh Trước ngày, Xu hướng, Chốt lãi, Cắt lỗ, Tranh mua/bán.
Ví dụ: KL đặt = 10.000 → NĐT mong muốn khớp với KL = 10.000CP trong suốt quá trình thời gian hiệu lực.
 - Ngày 1: KL đặt 10.000 → Đến cuối ngày khớp 2.000 → KL mong muốn khớp của KH còn lại = $10.000 - 2.000 = 8.000$
 - Ngày 2: KL đặt mới = KL còn lại = 8.000
- (8) Điều kiện Giá TC: Gồm Không điều kiện/ Giá tham chiếu
- (9) Ngày hết hạn: Ngày hết hạn hiệu lực của lệnh
- (10) MUA/BÁN: đặt lệnh mua/bán (nếu nhập đầy đủ điều kiện lệnh)

2.1 Lệnh trước ngày

- Hình thức đặt lệnh trước phiên giao dịch từ 1 tới nhiều ngày với số lượng & giá đã được xác định
- Hệ thống sẽ tự động check khoảng ngày, điều kiện giá tham chiếu (nếu có) để xác định tính đúng đắn của lệnh
- Trước ngày thực hiện, lệnh được đưa vào hệ thống chờ của CTCK. Mở cửa thị trường → hệ thống kiểm tra lệnh → Hợp lệ thì gửi lệnh.



- Giá: Giá đặt của lệnh trước ngày
- Điều kiện giá TC:
 - ✓ Không có điều kiện: Không cần xét tới điều kiện giá tham chiếu
 - ✓ Điều kiện về giá tham chiếu:
 - o Giá tham chiếu $\geq$ giá a: Giá tham chiếu trong ngày phải thỏa mãn điều kiện $\geq$ giá a (nhập vào)
 - o Giá tham chiếu $\leq$ giá a: Giá tham chiếu trong ngày phải thỏa mãn điều kiện $\leq$ giá a (nhập vào)
- Đặt lệnh:
 - ✓ Check sức mua đối với lệnh mua

- ✓ Check chứng khoán đối với lệnh bán
- ✓ Check bước giá của mã CK

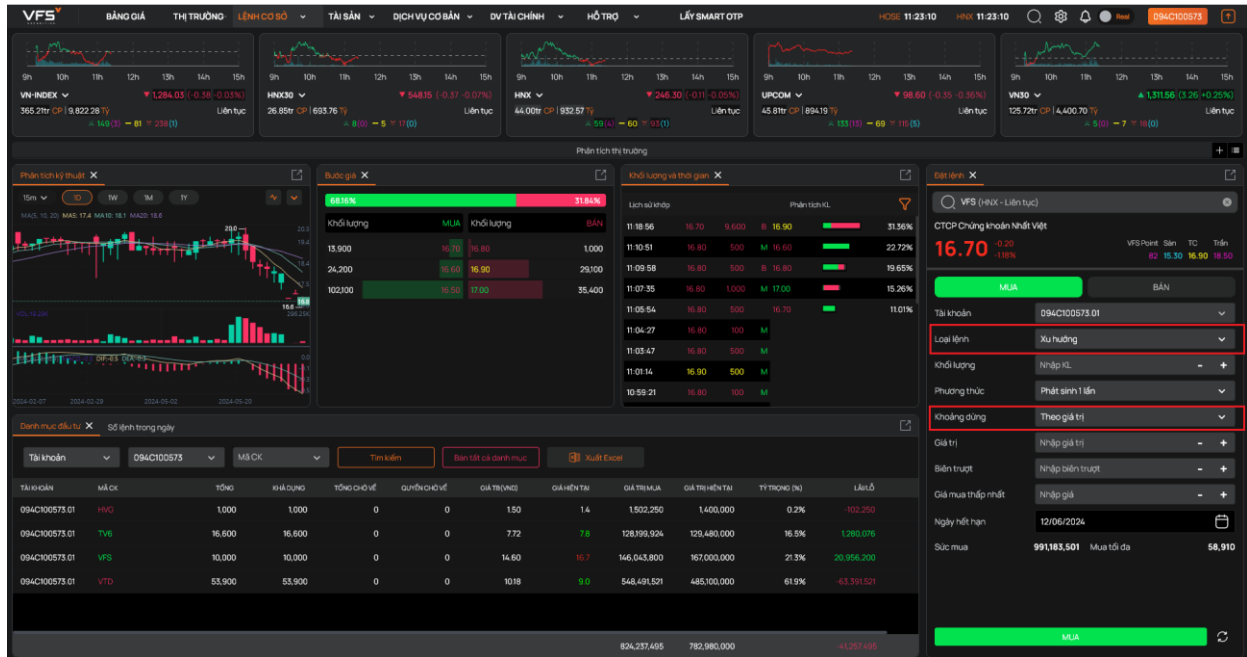
2.2 Lệnh xu hướng

- Xu hướng mua: Giúp Nhà đầu tư mua được cổ phiếu rẻ nhất có thể trong trường hợp dự đoán thị trường sẽ giảm nhằm giảm thiểu hóa chi phí cho khách hàng.
- Xu hướng bán: Lệnh này giúp Nhà đầu tư bảo vệ được lợi nhuận tiềm năng của mình khi xu hướng thị trường lên
- Các loại giá trong lệnh xu hướng:
 - ✓ Giá thị trường (MP_Market Price): là giá khớp cuối cùng của cổ phiếu hoặc chỉ số. Đầu ngày khi chưa có giá khớp gần nhất thì giá MP sẽ được xác định là giá tham chiếu
 - ✓ Giá kích hoạt: (Biên trượt): là giá được sử dụng để so sánh với giá thị trường của cổ phiếu để xác định điều kiện về giá của lệnh điều kiện có thỏa mãn hay không.
 - ✓ Giá đặt lệnh: (OP_Oder Price): là giá của lệnh thật được phát sinh vào sàn khi lệnh thỏa mãn điều kiện về lệnh đặt
- Để thực hiện được lệnh, cần thỏa mãn điều kiện:
 - ✓ Mua:
 - $\text{Biên trượt} = \text{MP} + \text{Khoảng dừng theo giá trị}$
 - Hoặc: $\text{Biên trượt (\%)} = \text{MP} + \text{MP} * \text{Khoảng dừng \%}$

→ Tại mỗi thời điểm, sẽ tính được Biên trượtmin (dựa vào thông tin MP của mã CK và theo công thức trên) → Phi lệnh vào sàn khi và chỉ khi **MP = Biên trượt min**
 - ✓ Bán:

- Biên trượt = MP - Khoảng dừng theo giá trị
- Hoặc: Biên trượt (%) = MP - MP* Khoảng dừng %

→ Tại mỗi thời điểm, sẽ tính được TPmax (dựa vào thông tin MP của mã CK và theo công thức trên) → Phi lệnh vào sàn khi và chỉ khi **MP = TPmax**

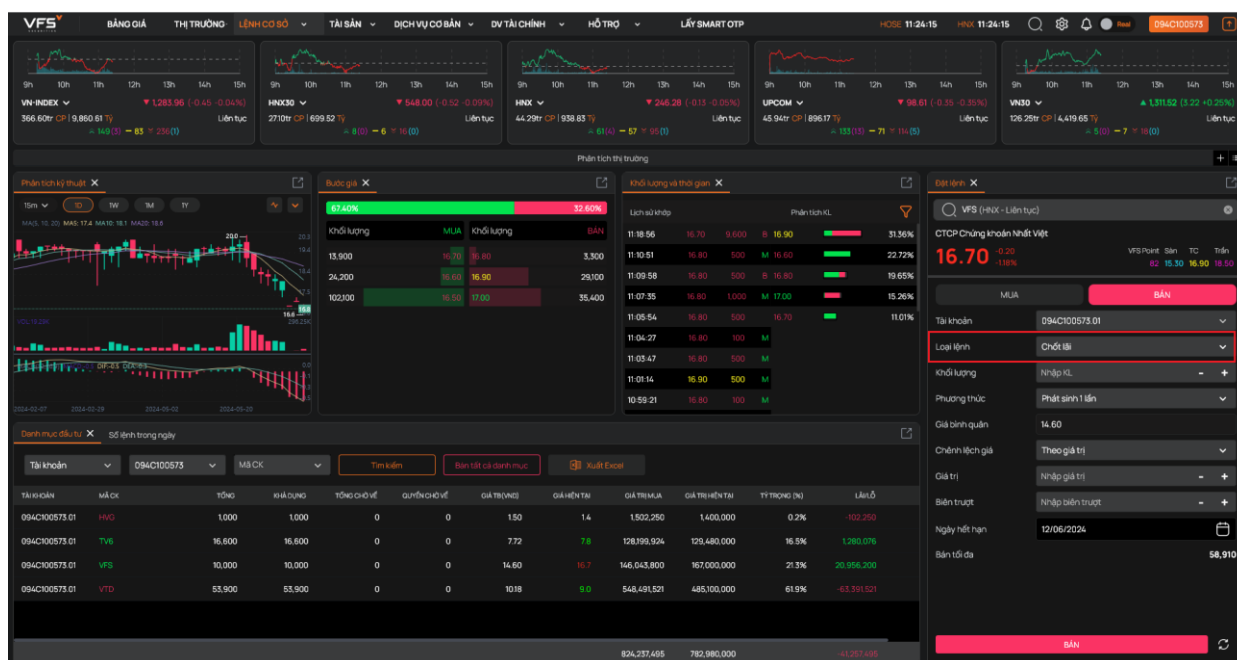


- Khoảng dừng theo giá trị: là việc KH thiết lập giá mua/bán điều kiện cao/thấp hơn giá thị trường 1 giá trị xác định do KH đặt ra.
- Khoảng dừng theo giá trị phần trăm: là việc KH thiết lập giá mua/bán điều kiện cao/thấp hơn giá thị trường 1 đơn vị phần trăm nào đó.
- Biên trượt: Sử dụng trong trường hợp, KH muốn chắc chắn đến giá MP được khớp → Biên trượt sẽ được sử dụng: Giá đặt mua = Giá MP + Biên trượt, Giá đặt bán = Giá MP – Biên trượt
- Giá mua thấp nhất/ Giá bán cao nhất:
 - ✓ Nhập giá mua thấp nhất: là giá mua mà khách hàng mong muốn đạt được. Khi giá kích hoạt được điều chỉnh theo giá thị trường giảm tới giá mua thấp nhất này thì lệnh sẽ được kích hoạt để đưa vào sàn

- ✓ Nhập giá bán cao nhất: là giá bán mà khách hàng mong muốn đạt được.
Khi giá kích hoạt được điều chỉnh theo giá thị trường tăng lên tới mức giá bán cao nhất này thì lệnh sẽ được kích hoạt để đưa vào sàn

2.3 Lệnh chốt lãi

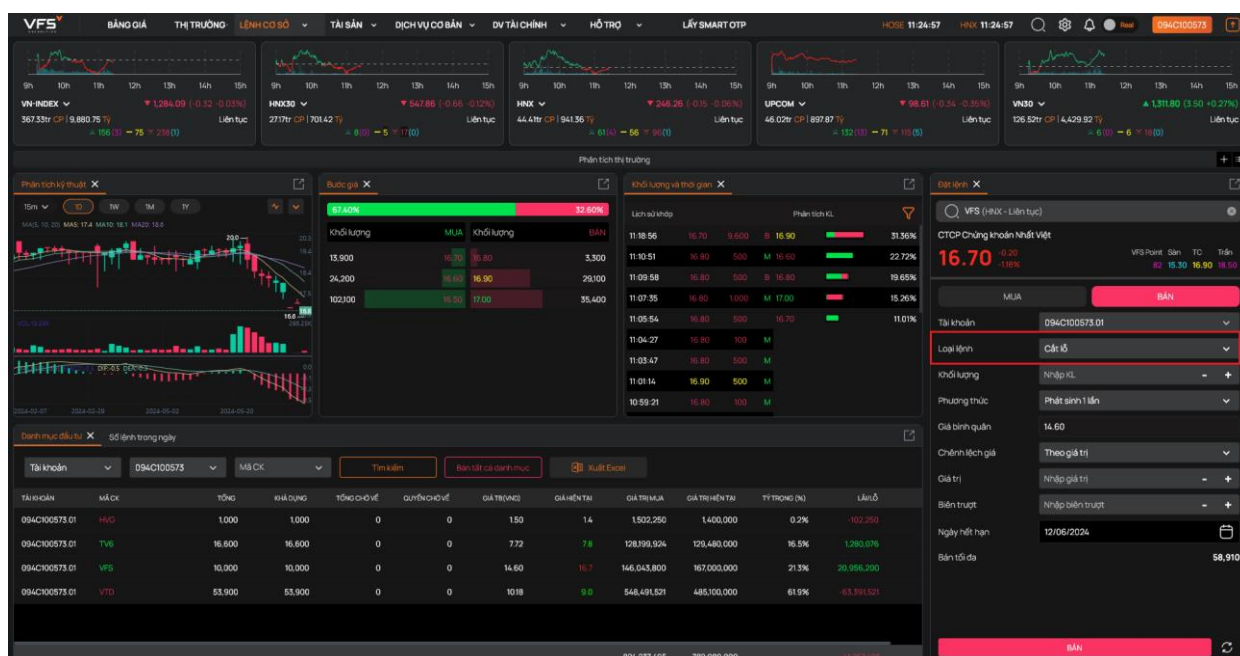
- Là mức giá bán được Khách hàng thiết lập cao hơn giá bình quân mua 1 khoảng giá trị tuyệt đối hoặc theo phần trăm nào đó
- Nếu nhập Giá trị chênh lệch b:
→ Kích hoạt nếu giá thị trường $\geq a + b$
- Nếu nhập Phần trăm chênh lệch c%:
→ Kích hoạt nếu giá thị trường $\geq a (1 + c\%)$
- *Lệnh chốt lãi chỉ áp dụng đối với lệnh BÁN*



- Giá trị chênh lệch: Mức giá mong muốn của NĐT khi đặt lệnh chốt lãi, khoảng giá so với giá bình quân mua
- Kick hoạt nếu giá thị trường $\geq$ **giá a**: Nếu giá khớp hiện tại của mã CK $\geq$ giá a → lệnh sẽ được kích hoạt
- Hệ thống tự động đẩy lệnh với giá đặt = Giá bình quân + chênh lệch giá (Hoặc Giá bình quân + Giá bình quân * Tỷ lệ chênh lệch) – Giá chênh lệch TP

2.4 Lệnh cắt lỗ

- Là mức giá bán được Khách hàng thiết lập thấp hơn giá bình quân mua 1 khoảng giá trị tuyệt đối hoặc theo phần trăm nào đó
- Nếu nhập Giá trị chênh lệch b:
→ Kích hoạt nếu giá thị trường $\geq a - b$
- Nếu nhập Phần trăm chênh lệch c%:
→ Kích hoạt nếu giá thị trường $\geq a (1 - c\%)$
- *Lệnh cắt lỗ chỉ áp dụng đối với lệnh BÁN*



- Giá trị chênh lệch: Mức giá mong muốn của NĐT khi đặt lệnh cắt lỗ, khoảng giá so với giá bình quân mua
- Kick hoạt nếu giá thị trường $\leq$ giá a: Nếu giá khớp hiện tại của mã CK $\leq$ giá a → lệnh sẽ được kích hoạt
- Hệ thống tự động đẩy lệnh với giá đặt = Giá bình quân - chênh lệch giá (Hoặc Giá bình quân - Giá bình quân * Tỷ lệ chênh lệch) – Biên trượt

Lưu ý:

- Đối với lệnh sàn HSX, bước giá của từng khoảng khác nhau → Giá đặt mua thực sẽ làm tròn lên so với giá đặt (tính toán), Giá đặt bán thực sẽ làm tròn xuống so với giá đặt (tính toán).

- Ví dụ:

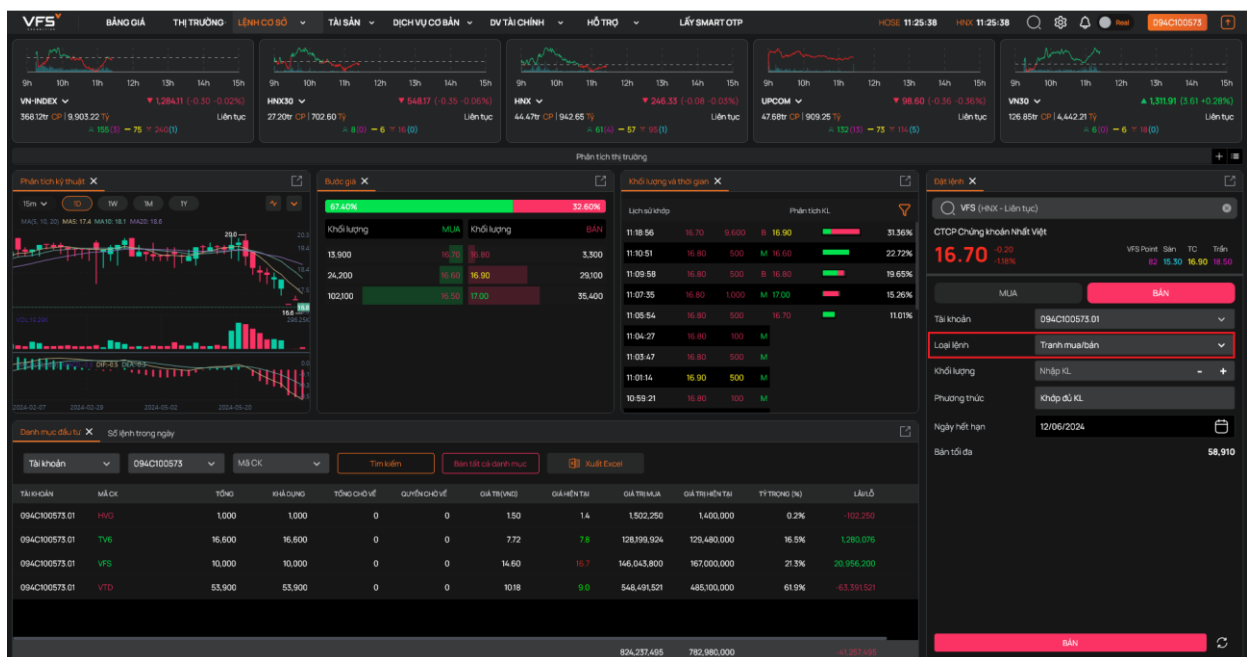
Đối với lệnh chốt lãi:

Sau khi tính toán, giá đặt = 55.1:

- ✓ MUA: Giá đặt thực sự = 55.5
- ✓ BÁN: Giá đặt thực sự = 55.0

2.5 Lệnh tranh mua tranh bán

- Là lệnh mua/bán tại bất kì mức giá nào, lệnh mua bán chứng khoán với khả năng khớp lệnh cao nhất.
- Nhà đầu tư phải nhập các thông tin: Mã chứng khoán, Khối lượng đặt mua và Ngày hiệu lực.
- Đến ngày hiệu lực, hệ thống sẽ tự động chuyển đổi giá của lệnh đặt giữa các phiên sao cho lệnh đặt luôn có mức giá ưu tiên khớp cao nhất. VD: sàn HOSE, phiên 1, hệ thống tự động cập nhật giá đặt



- Tùy Trạng thái thị trường đang ở phiên nào để phi lệnh LO, ATO, ATC...
- Khối lượng của lệnh vào sàn = KL lệnh điều kiện – KL khớp – KL chờ khớp
- Thỏa mãn điều kiện ngày hiệu lực: Từ ngày <= Ngày hiện tại <= Đến ngày
→ Lệnh sẽ tự động đặt vào sàn

3. Sổ lệnh trong ngày

📌 Đường dẫn: *Lệnh cơ sở/ Đặt lệnh cơ sở - Sổ lệnh trong ngày*

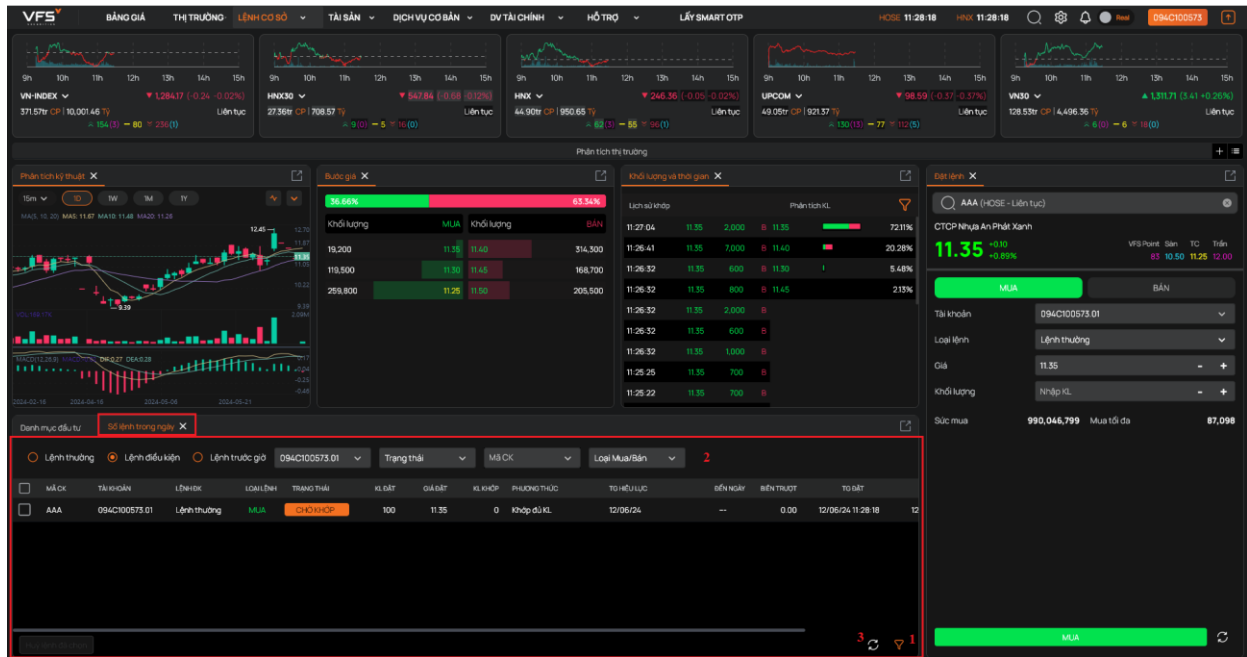
📌 Mục đích: *Tra cứu danh sách lệnh đặt vào hệ thống của tất cả các user, của cả user đăng nhập và các user khác. Nhưng trên màn hình có check quyền quản lý tài khoản của user. User có quyền xem và thực hiện mới thấy lệnh trên form.*

📌 Sổ lệnh gồm: *Sổ lệnh thường, Sổ lệnh điều kiện và Sổ lệnh trước giờ*

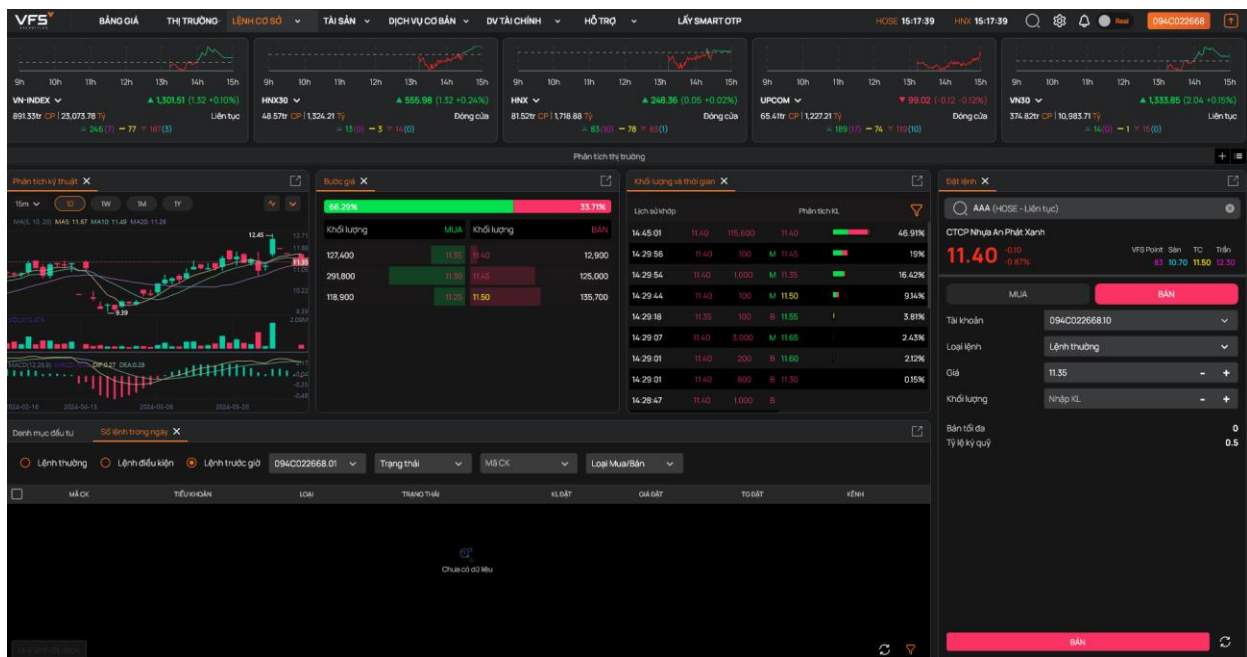
- Sổ lệnh thường:

NGÀY GỎI	TIẾP NHẬN	LOẠI GỎI	TRẠNG THÁI	MÃ CK	KHỐI LƯỢNG	GIÁ	KL KHỎP	GIÁ KHỎP	GIÁ TRUNG KHỎP	KL CHỜ	GIÁ CHỜ	KL HỢP	TỰ BẮT
12/06/2024	094C100573.01	BAI	CHỜ KHỎP	VFS	1,000	16.80	0	0.00	0	1,000	16.80	0	12/06/24 11:13:14
12/06/2024	094C100573.01	MUA	CHỜ KHỎP	AAA	500	11.35	0	0.00	0	500	11.35	0	12/06/24 11:12:55
12/06/2024	094C100573.01	MUA	CHỜ KHỎP	SSI	100	36.05	0	0.00	0	100	36.05	0	12/06/24 11:12:55

- Sổ lệnh điều kiện:

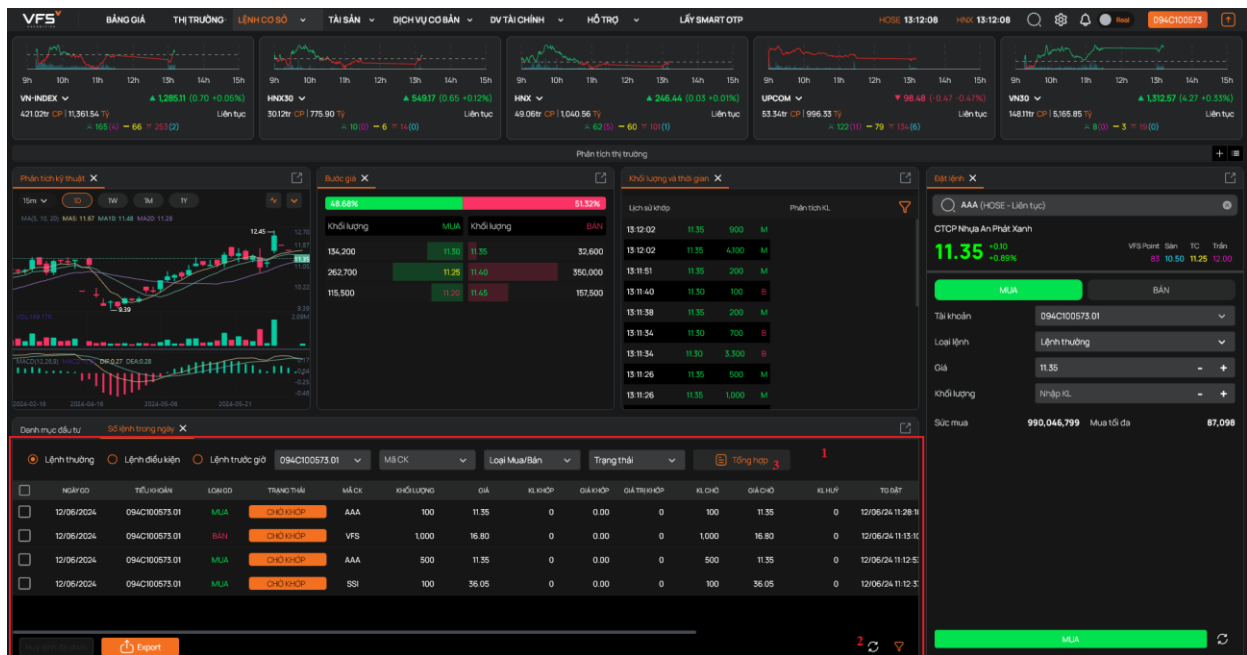


- Sổ lệnh trước giờ:

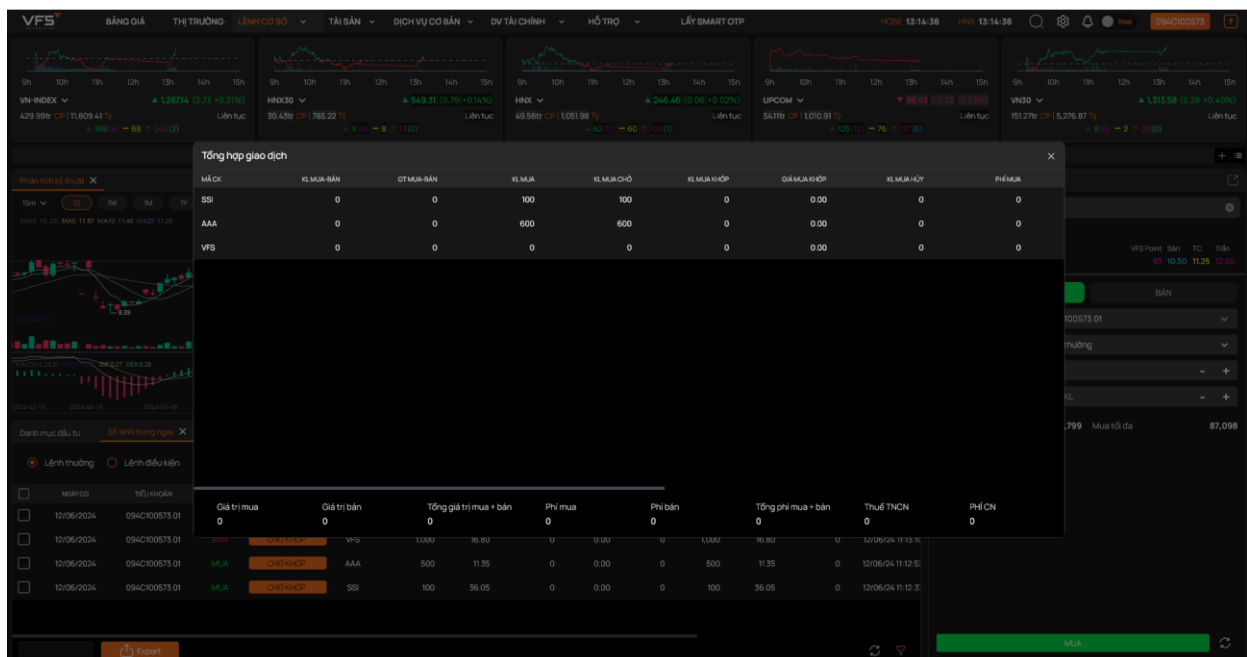


- (1) Nhấn icon Lọc để ẩn /Hiển thị các bộ lọc tìm kiếm
- (2) Nhập các điều kiện tìm kiếm
- (3) Nhấn icon Load để tìm kiếm sổ lệnh theo các điều kiện bộ lọc

 Tổng hợp giá trị giao dịch



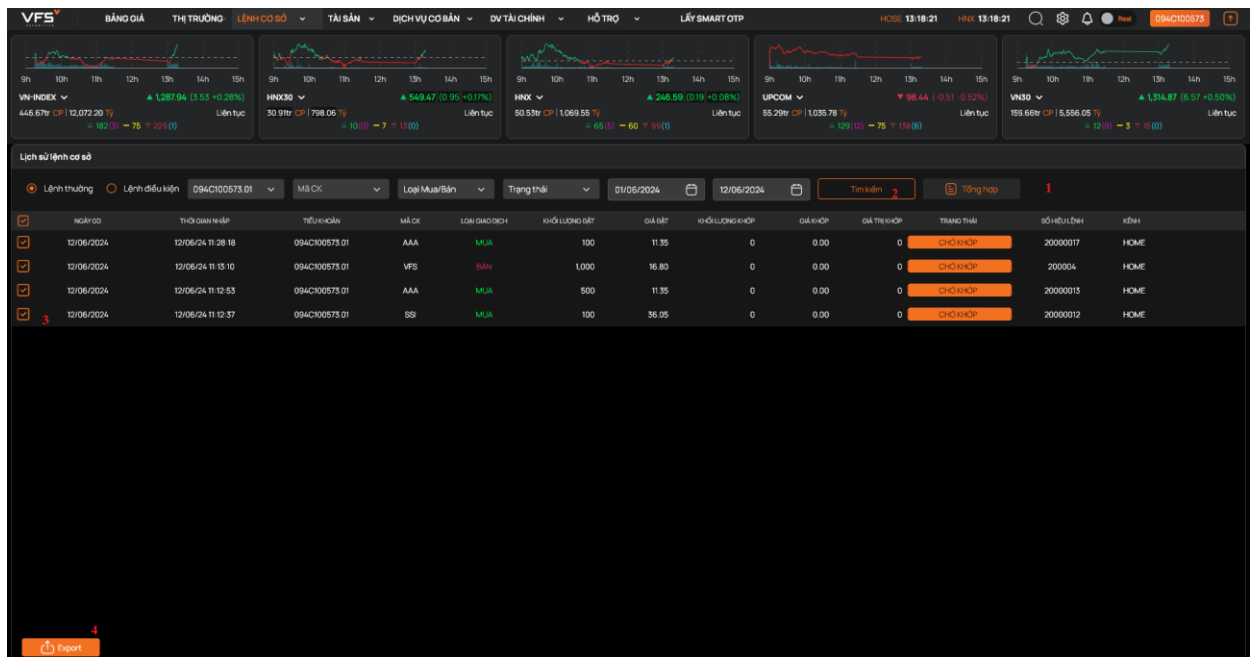
- (1) Nhập điều kiện lọc
- (2) Nhấn tìm: Grid hiển thị danh sách lệnh thỏa mãn điều kiện tìm kiếm
- (3) Nhấn nút **Tổng hợp** → hiển thị thông tin tổng hợp giao dịch



4. Lịch sử lệnh

📌 Đường dẫn: *Lệnh cơ sở/ Lịch sử lệnh*

📌 Mục đích: *Xem thông tin lịch sử lệnh, tổng hợp thông tin, export*



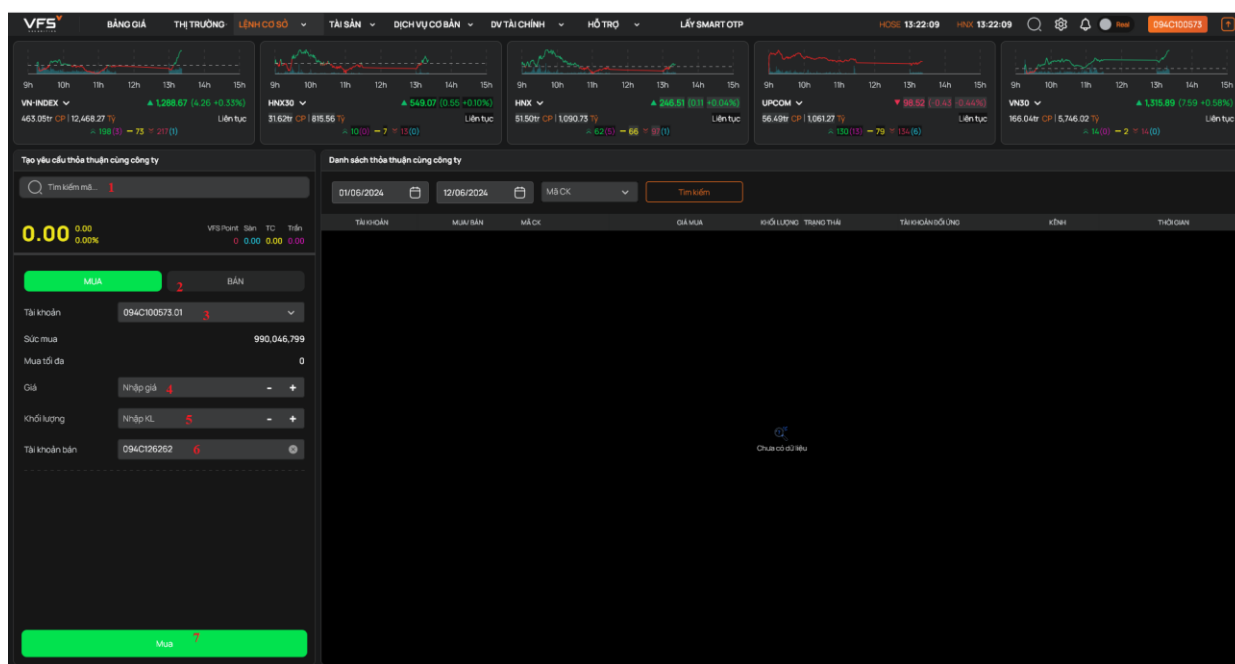
- (1) Nhập thông tin tìm kiếm trên các bộ lọc
- (2) Nhấn tìm kiếm → lịch sử lệnh hiển thị theo điều kiện bộ lọc tìm kiếm
- (3) Tích chọn 1 hoặc nhiều lệnh/ Tất cả
- (4) Export dữ liệu được chọn

5. Yêu cầu thỏa thuận cùng công ty (1Frim)

🚦 Đường dẫn: Lệnh cơ sở/ Yêu cầu thỏa thuận cùng công ty

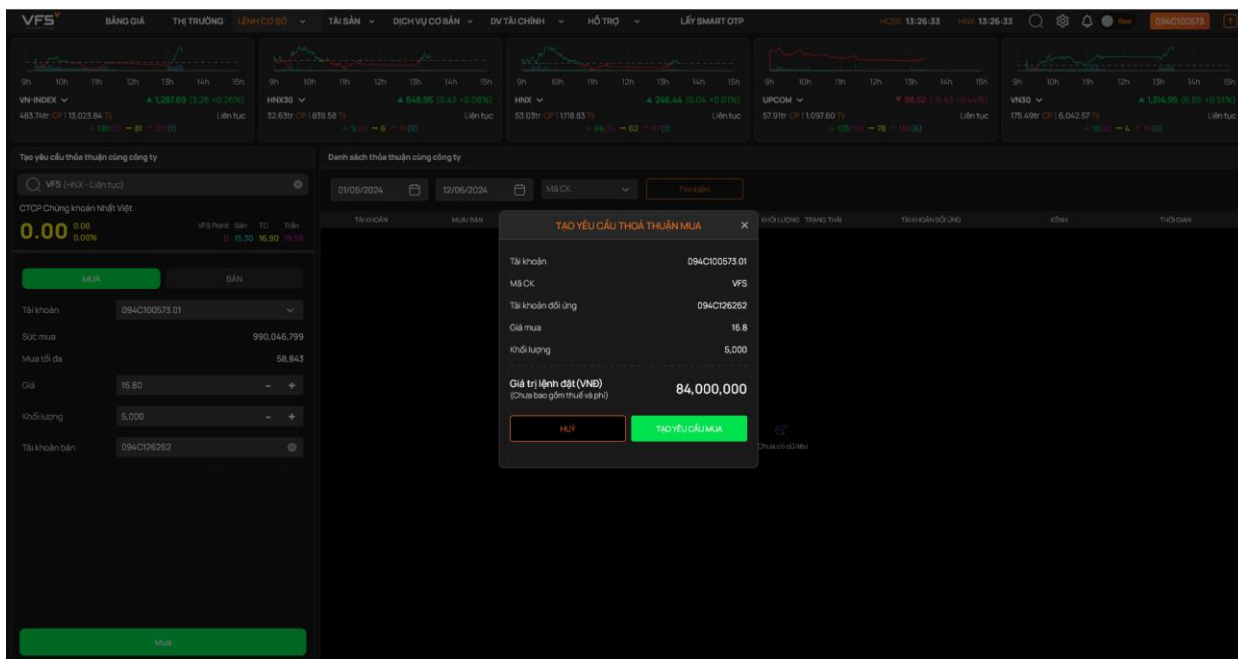
🚦 Mục đích: Đặt/ Hủy lệnh thỏa thuận của 2 tài khoản cùng công ty.

5.1 Đặt lệnh thỏa thuận 1-Firm



Các bước thực hiện và giải thích:

- (1) Nhập mã chứng khoán muốn thỏa thuận → Hiện thị thông tin giá trần/tham chiếu/sàn và tên mã CK.
- (2) Chọn Mua/ Bán
- (3) Nhập tiêu khoản mua/ bán: Thông tin tiêu khoản sẽ đồng thời hiện lên trên màn hình đặt lệnh.
- (4) Nhập giá
- (5) Nhập khối lượng
- (6) Nhập tiêu khoản đối ứng
- (7) Nhấn chọn xác nhận Mua/ Bán



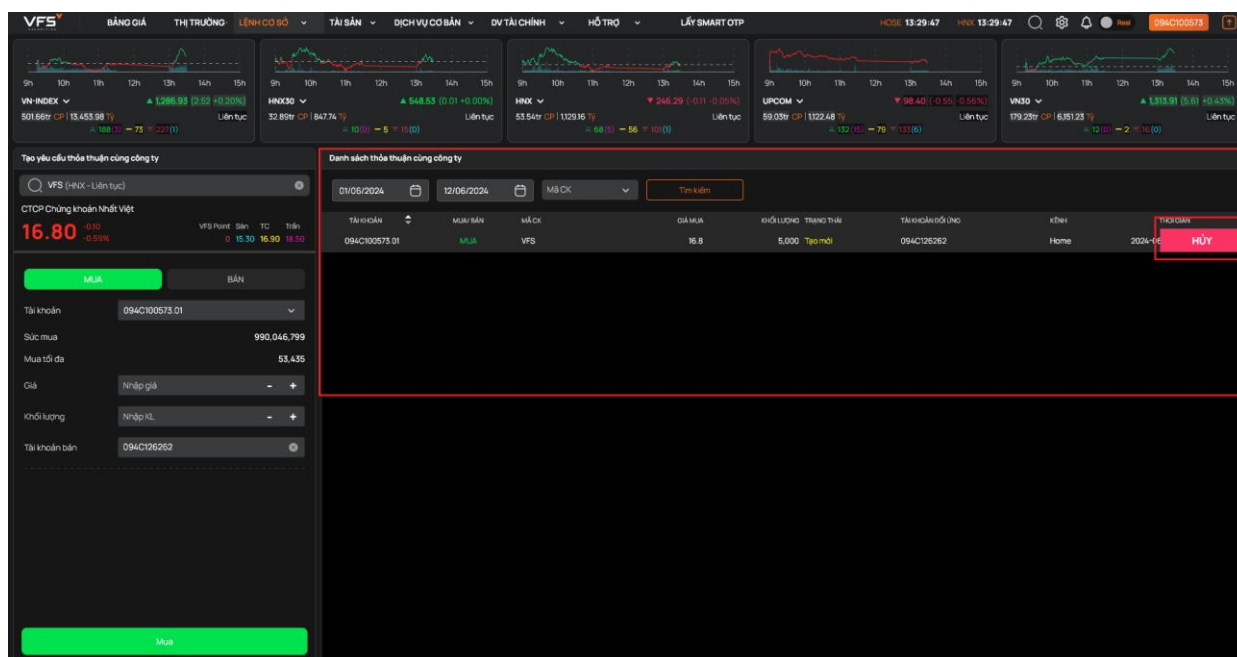
- Nhấn Hủy → đóng popup xác nhận
- Nhấn Tạo yêu cầu mua/ bán → Tạo yêu cầu thỏa thuận thành công

Danh sách thỏa thuận cùng công ty

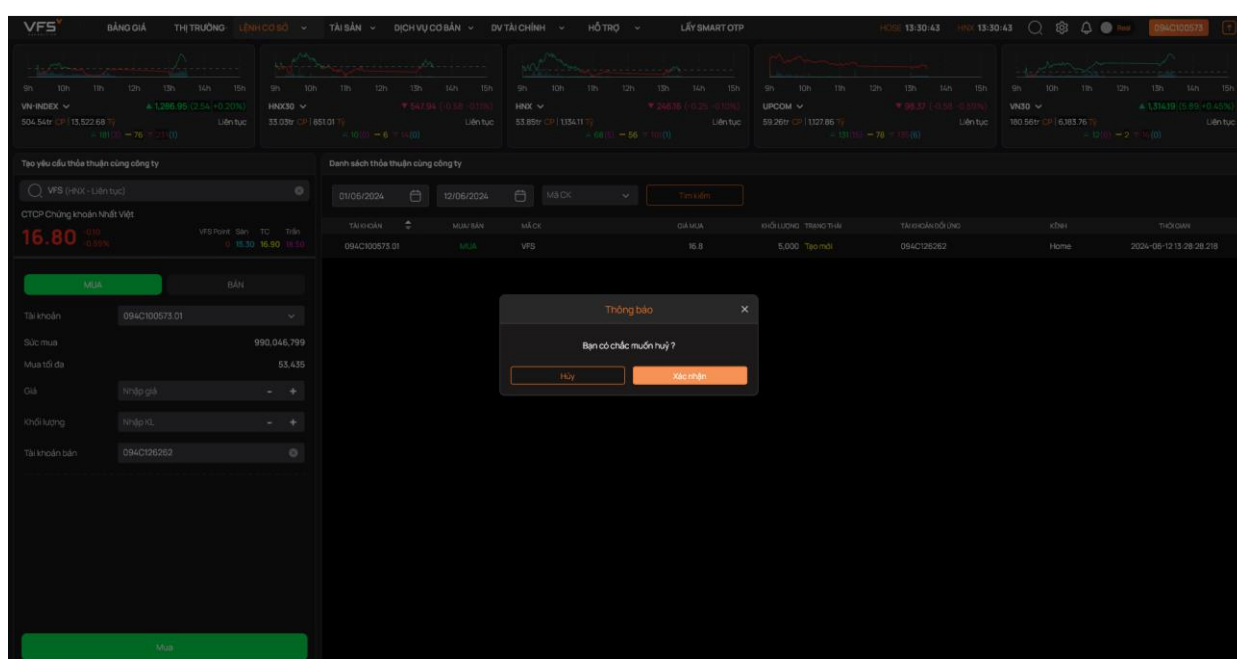
Danh sách thỏa thuận cùng công ty								
01/06/2024	12/06/2024	Mã CK	Tìm kiếm					
TÀI KHOẢN	MUA/ BÁN	MÃ CK	GIÁ MUA	KHỐI LƯỢNG	TRẠNG THÁI	TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG	KÊNH	THỜI GIAN
094C100573.01	MUA	VFS	16.8	5,000	Tạo mới	094C126262	Home	2024-06-12 13:28:28.218

Hiện thị lịch sử lệnh thỏa thuận 1 firm

5.3 Hủy lệnh thỏa thuận 1-Firm



(1) Chọn lệnh cần hủy, ấn Hủy → hiển thị màn hình xác nhận



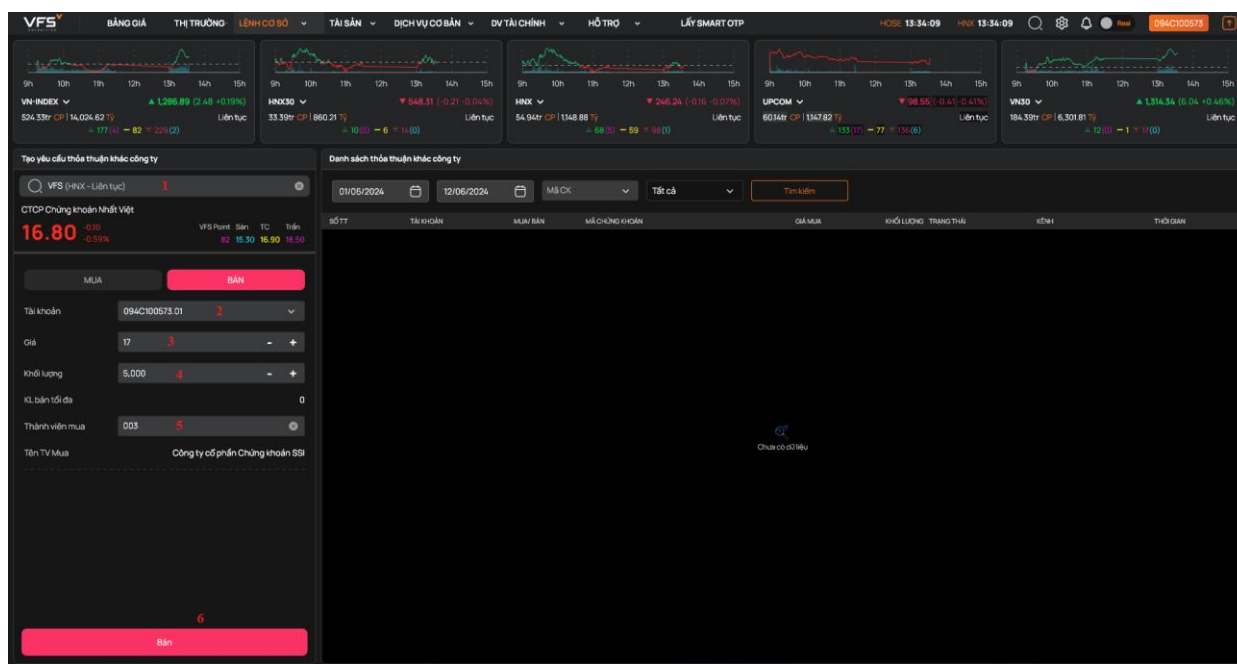
- Nhấn Hủy → đóng màn xác nhận
- Nhấn Xác nhận → thực hiện Hủy yêu cầu thành công

6. Yêu cầu thỏa thuận khác công ty (2Firm)

📌 Đường dẫn: Lệnh cơ sở/ Yêu cầu thỏa thuận khác công ty

📌 Mục đích: Đặt/ sửa/ hủy lệnh thỏa thuận khác thành viên

6.1 Đặt lệnh thỏa thuận 2-Firm



Các bước thực hiện và giải thích:

(1) Nhập mã chứng khoán bán thỏa thuận

Sau khi nhập mã chứng khoán → phần mềm hiển thị thông tin tên, sàn GD, giá trần/sàn/tham chiếu.

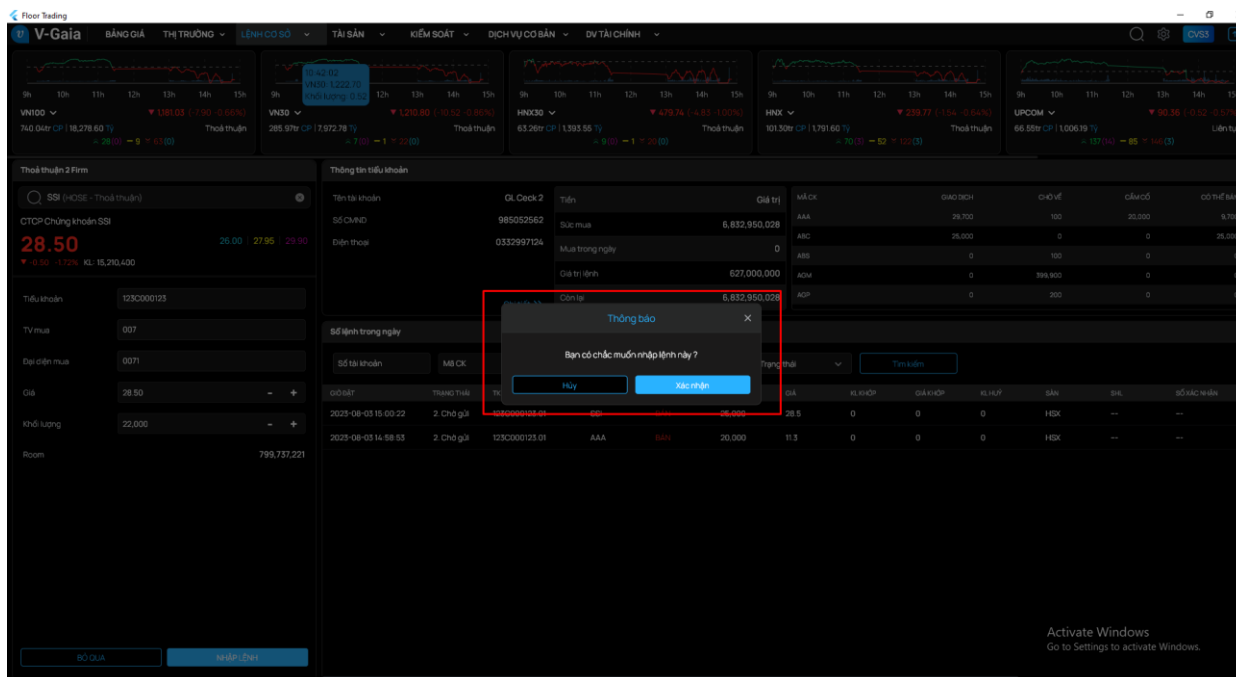
(2) Nhập tiêu khoản bán: Trên màn hình đặt lệnh hiện KL có thể bán tối đa

(3) Nhập giá

(4) Nhập khối lượng

(5) Nhập thành viên mua

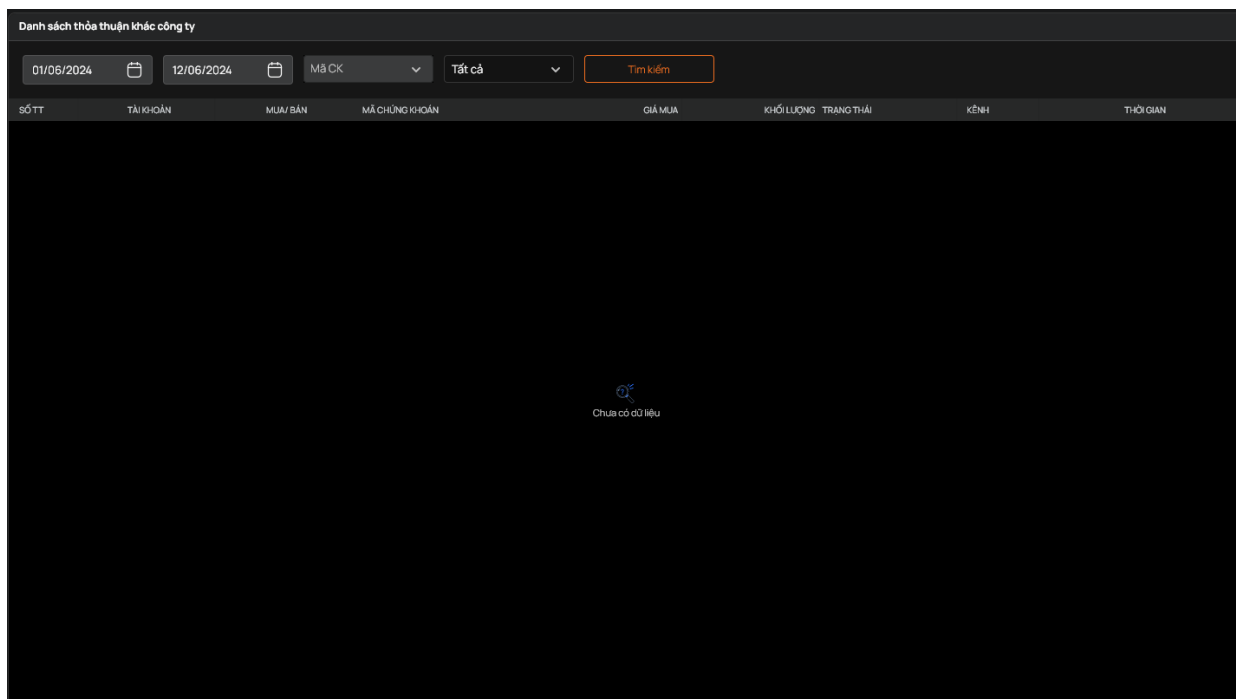
(6) Nhấn chọn bán



- Nhấn Hủy → đóng màn xác nhận
- Nhấn Xác nhận → tạo yêu cầu thỏa thuận

Danh sách thỏa thuận khác công ty

Sổ lệnh thỏa thuận 2Firm do KH đăng nhập đã đặt

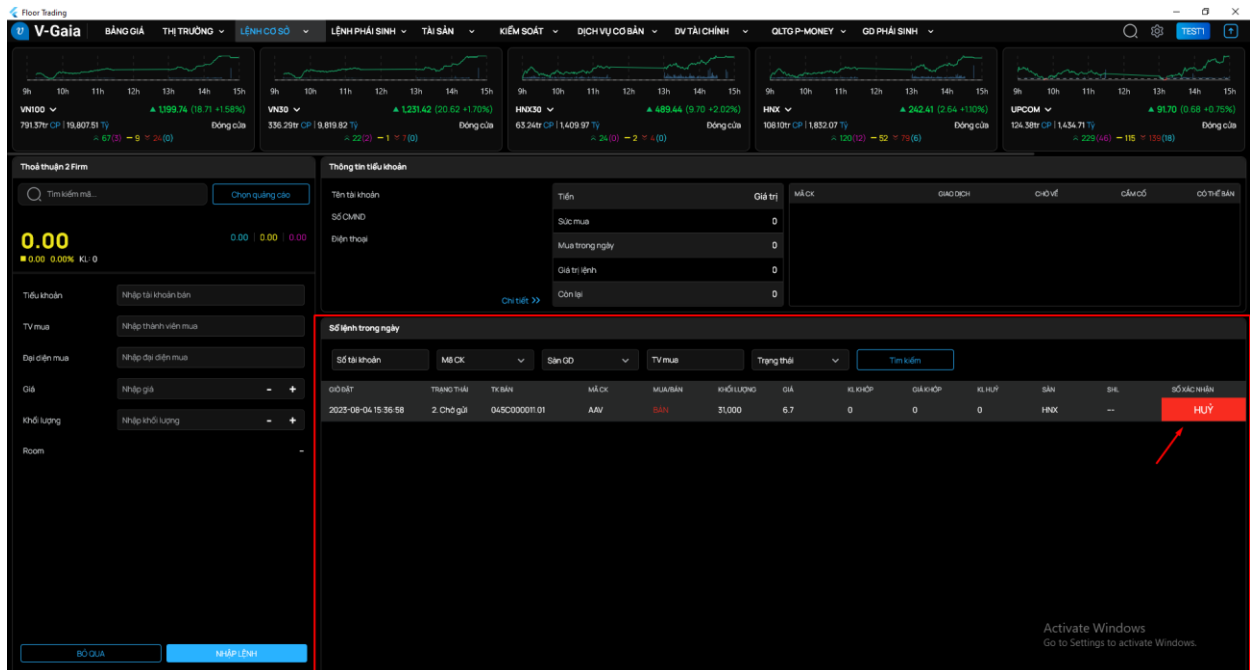


- Bộ lọc tìm kiếm gồm: ngày, mã CK
- Các điều kiện lọc và hiển thị kết quả theo điều kiện lọc

Trạng thái:

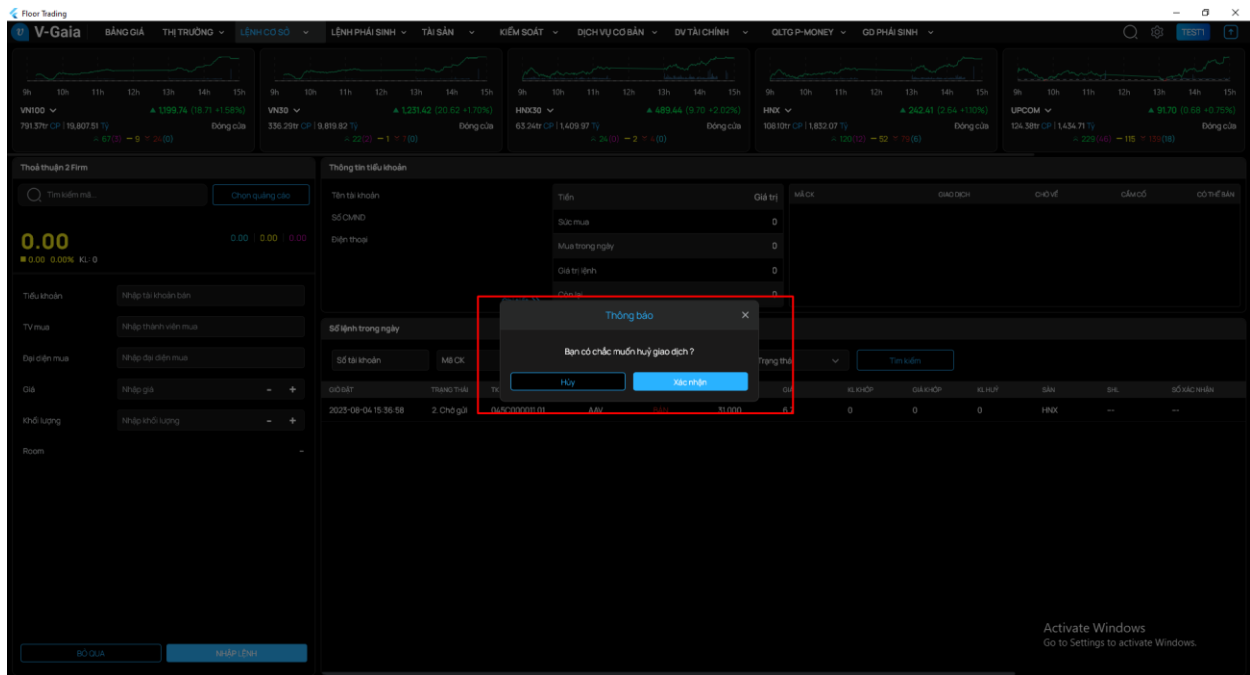
- Nếu bên mua xác nhận và có kết quả từ sàn trả về thì trạng thái lệnh sẽ chuyển từ E sang M (Khớp toàn bộ).
- Nếu đối tác không xác nhận thì lệnh sẽ bị hủy, trạng thái trở về D, giải tỏa chứng khoán cho khách hàng.

6.3 Hủy giao dịch 2 firm



Các bước thực hiện và giải thích:

- (1) Chọn bản ghi cần Hủy, ấn Hủy → hiển thị màn hình xác nhận



(2) Hiện thị màn hình xác nhận Hủy lệnh. Xác nhận: Đồng ý hủy. Hủy: Không đồng ý hủy.

Khi bên bán hủy và bên mua đồng ý hủy lệnh, có xác nhận từ sàn trở về → giải tỏa chứng khoán cho tài khoản bán.

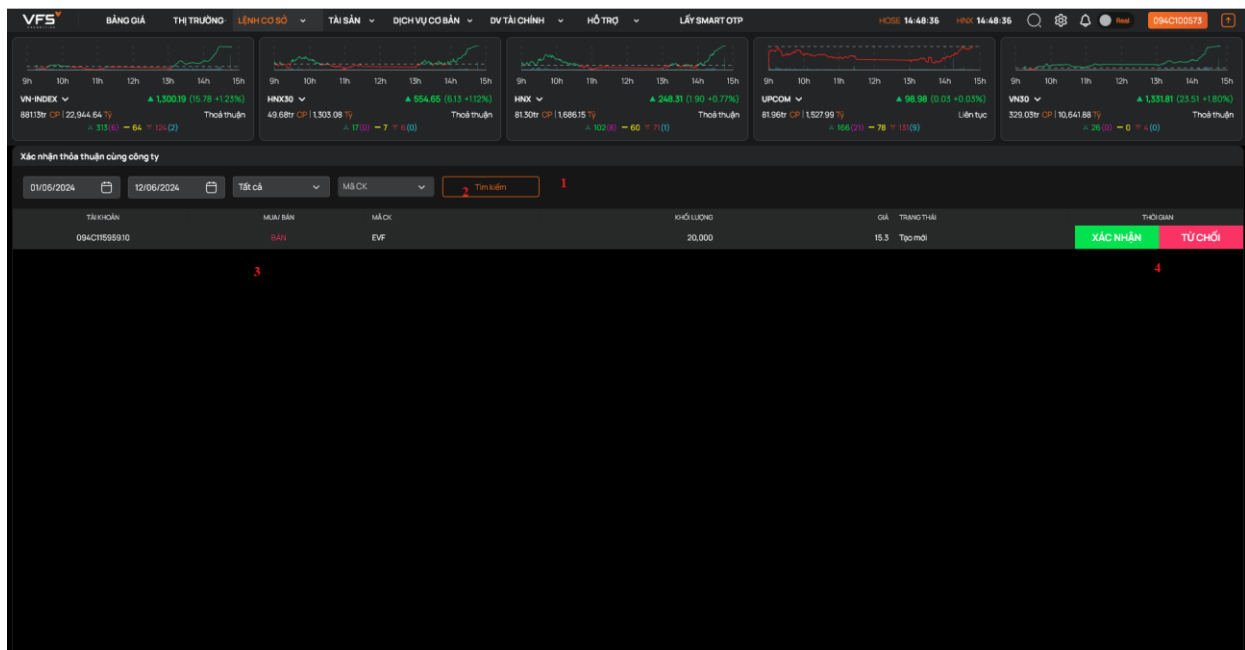
❖ Ghi chú:

- ❖ Lệnh vẫn ở trạng thái A (nghĩa là bên mua chưa xác nhận): ấn “hủy lệnh”, sau đó lệnh sẽ chuyển về trạng thái D **(chỉ áp dụng với HNX)**.

7. Trả lời yêu cầu thỏa thuận

🚦 Đường dẫn: Lệnh cơ sở/ Xác nhận thỏa thuận cùng công ty

🚦 Mục đích: Trả lời yêu cầu thỏa thuận cùng công ty

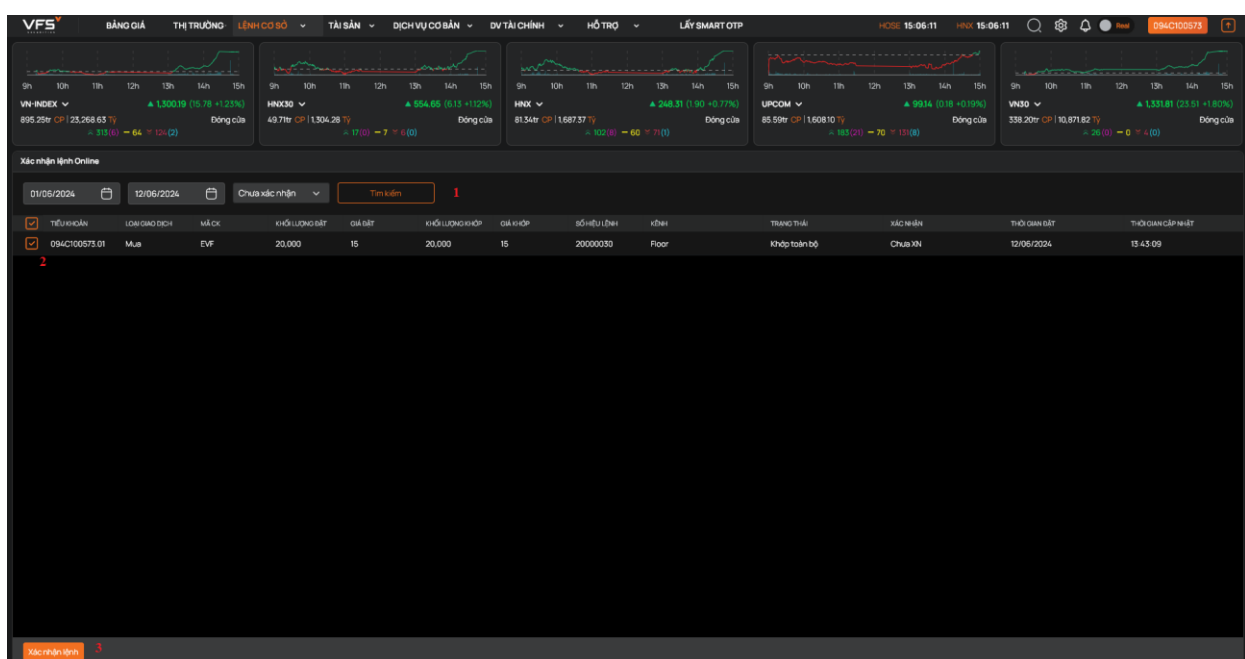


- (1) Nhập điều kiện tìm kiếm tại các bộ lọc: ngày, Mã CK
- (2) Nhấn tìm kiếm
- (3) Bộ lọc hiển thị thông tin: Tk đối ứng, mã CK, Khối lượng, giá, lệnh mua/bán
- (4) Thực hiện Xác nhận hoặc Từ chối

8. Xác nhận lệnh online

 Đường dẫn: Lệnh cơ sở/ Xác nhận lệnh online

 Mục đích: Xác nhận các lệnh đã khớp do nhân viên CTCK đặt thay KH



- (1) Nhập bộ lọc: ngày, trạng thái: chưa xác nhận
- (2) Chọn lệnh hoặc chọn tắt cả lệnh
- (3) Chọn xác nhận lệnh -> Trạng thái được chuyển thành Đã xác nhận

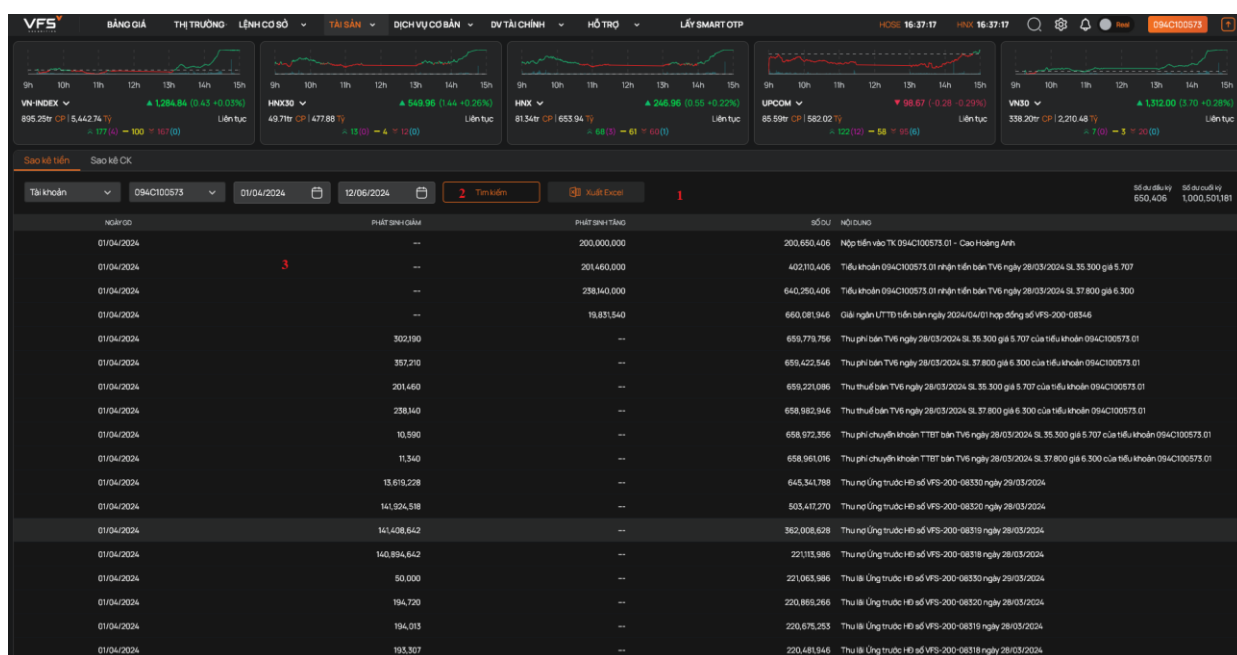
V. TÀI SẢN

1. Sao kê tài khoản

 Đường dẫn: Tài sản/ Sao kê tài khoản

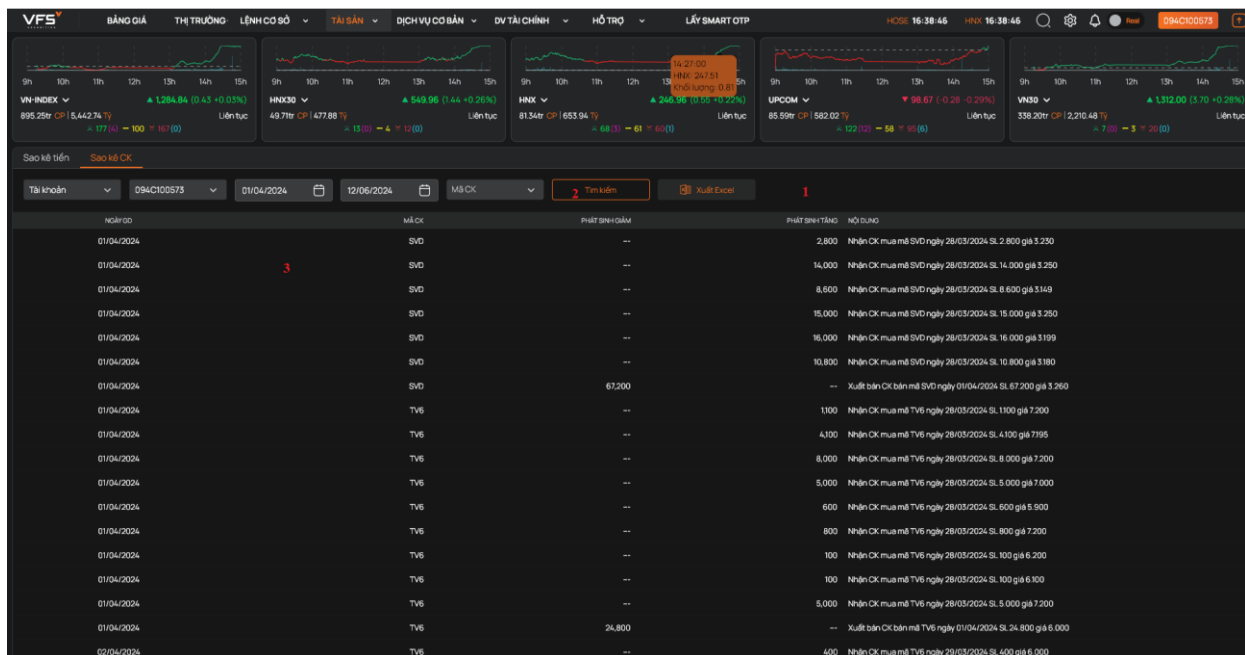
 Mục đích: Theo dõi thông tin tiền và chứng khoán của tài khoản

- Sao kê tiền:



Ngày GD	Phát sinh giảm	Phát sinh tăng	Số dư	Nội dung
01/04/2024	--	200,000,000	200,650,406	Nộp tiền vào TK 09AC100573.01 - Cao Hoàng Anh
01/04/2024	3	201,460,000	402,110,406	Tiểu khoản 09AC100573.01 nhận tiền bán TV6 ngày 28/03/2024 SL 35.300 giá 5.707
01/04/2024	--	238,140,000	640,250,406	Tiểu khoản 09AC100573.01 nhận tiền bán TV6 ngày 28/03/2024 SL 37.800 giá 6.300
01/04/2024	--	19,831,540	660,081,946	Giải ngân UTDD tiền bán ngày 20/04/01 hợp đồng số VFS-200-08346
01/04/2024	302,190	--	659,779,756	Thu phí bán TV6 ngày 28/03/2024 SL 35.300 giá 5.707 của tiểu khoản 09AC100573.01
01/04/2024	357,210	--	659,422,546	Thu phí bán TV6 ngày 28/03/2024 SL 37.800 giá 6.300 của tiểu khoản 09AC100573.01
01/04/2024	201,460	--	659,221,086	Thu thuế bán TV6 ngày 28/03/2024 SL 35.300 giá 5.707 của tiểu khoản 09AC100573.01
01/04/2024	238,140	--	658,982,946	Thu thuế bán TV6 ngày 28/03/2024 SL 37.800 giá 6.300 của tiểu khoản 09AC100573.01
01/04/2024	10,590	--	658,972,356	Thu phí chuyển khoản TTBT bán TV6 ngày 28/03/2024 SL 35.300 giá 5.707 của tiểu khoản 09AC100573.01
01/04/2024	11,340	--	658,961,016	Thu phí chuyển khoản TTBT bán TV6 ngày 28/03/2024 SL 37.800 giá 6.300 của tiểu khoản 09AC100573.01
01/04/2024	13,619,228	--	645,341,788	Thu nợ ứng trước HĐ số VFS-200-08330 ngày 29/03/2024
01/04/2024	141,924,518	--	503,417,270	Thu nợ ứng trước HĐ số VFS-200-08320 ngày 28/03/2024
01/04/2024	141,408,642	--	362,008,628	Thu nợ ứng trước HĐ số VFS-200-08319 ngày 28/03/2024
01/04/2024	140,894,642	--	221,113,986	Thu nợ ứng trước HĐ số VFS-200-08318 ngày 28/03/2024
01/04/2024	50,000	--	221,063,986	Thu nợ ứng trước HĐ số VFS-200-08330 ngày 29/03/2024
01/04/2024	194,720	--	220,869,266	Thu nợ ứng trước HĐ số VFS-200-08320 ngày 28/03/2024
01/04/2024	194,013	--	220,675,253	Thu nợ ứng trước HĐ số VFS-200-08319 ngày 28/03/2024
01/04/2024	193,307	--	220,481,946	Thu nợ ứng trước HĐ số VFS-200-08318 ngày 28/03/2024

- (1) Nhập thông tin bộ lọc Tiểu khoản, Từ ngày, Đến ngày
 - (2) Nhấn Tìm kiếm
 - (3) Bộ lọc hiển thị thông tin tiền của tài khoản: Ngày giao dịch, Phát sinh tăng, Phát sinh giảm, Số dư, Nội dung, Số dư đầu kỳ, Số dư cuối kỳ
- Sao kê CK:

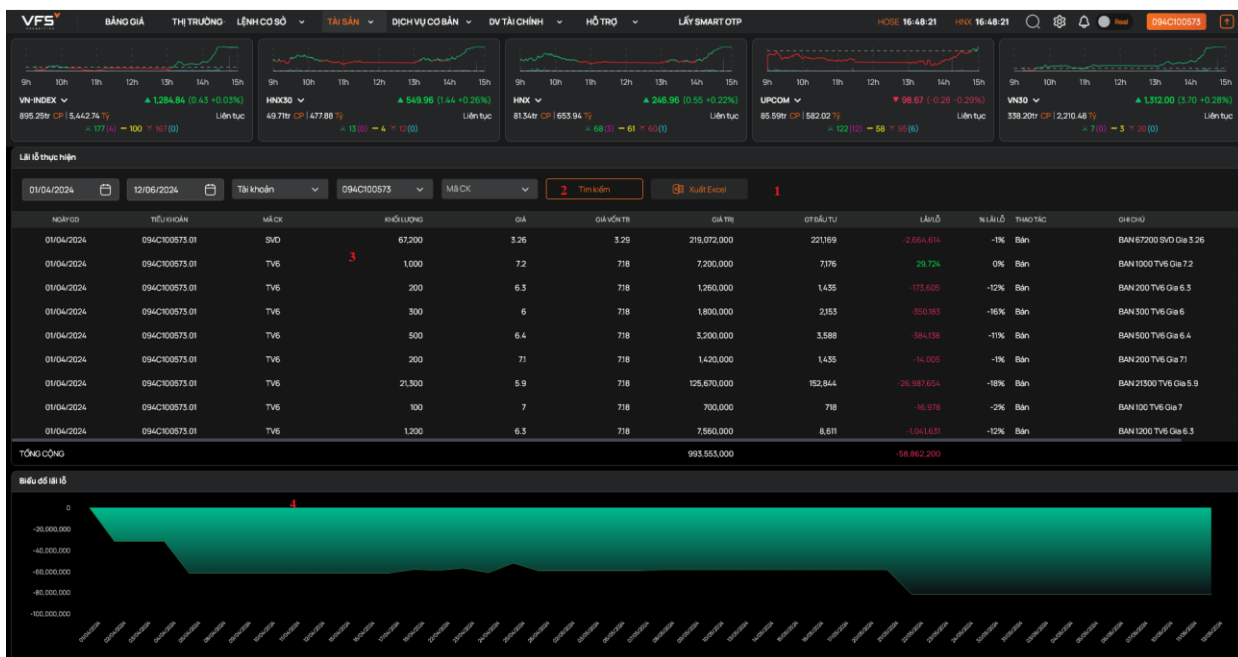


- (1) Nhập thông tin bộ lọc Tiêu khoản, Từ ngày, Đến ngày
- (2) Nhấn Tìm kiếm
- (3) Bộ lọc hiển thị thông tin tiền của tài khoản: Ngày giao dịch, Phát sinh tăng, Phát sinh giảm, Số dư, Nội dung.

2. Lỗi lỗi thực hiện

🚦 Đường dẫn: Tài sản/ Lỗi lỗi thực hiện

🚦 Mục đích: Theo dõi thông tin lỗi lỗi của tài khoản



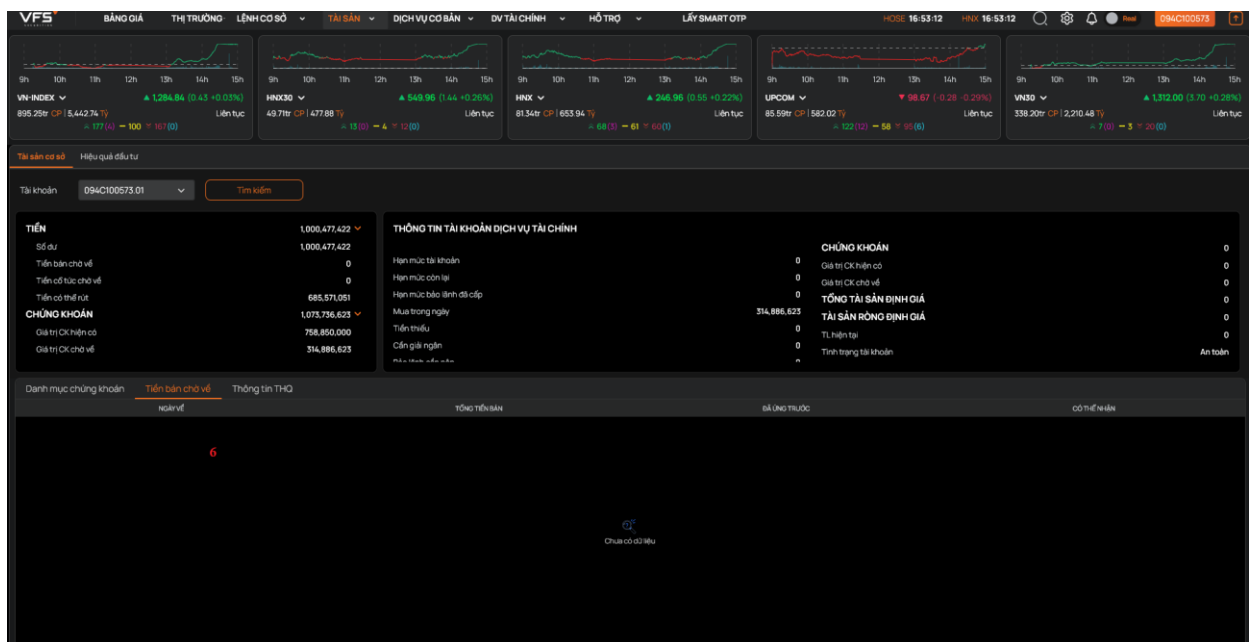
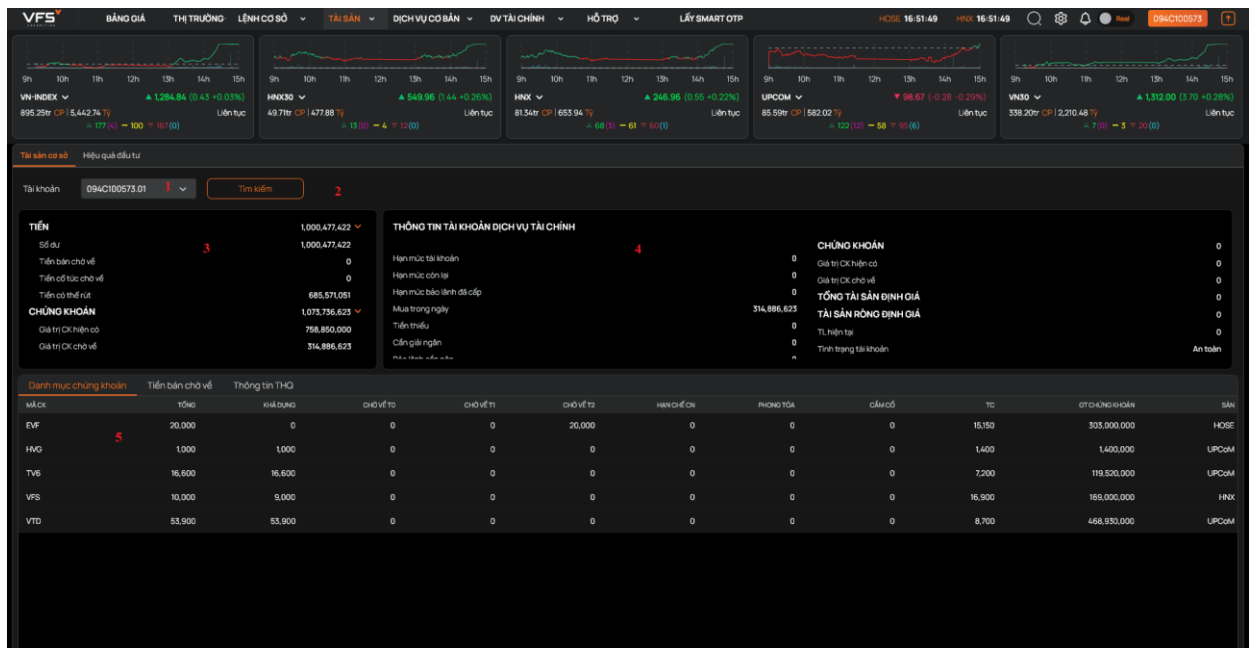
- (1) Nhập thông tin bộ lọc tìm kiếm: Từ ngày, Đến ngày, Tiêu khoản, Mã CK
- (2) Nhấn Tìm kiếm
- (3) Bộ lọc hiển thị thông tin: Ngày GD, Tiêu khoản, Mã CK, Khối lượng, Giá, Giá vốn trung bình, Giá trị, Giá trị đầu tư, Lãi/loss, %Lãi/loss, Thao tác, Ghi chú, Tổng Lãi loss
- (4) Biểu đồ lãi loss

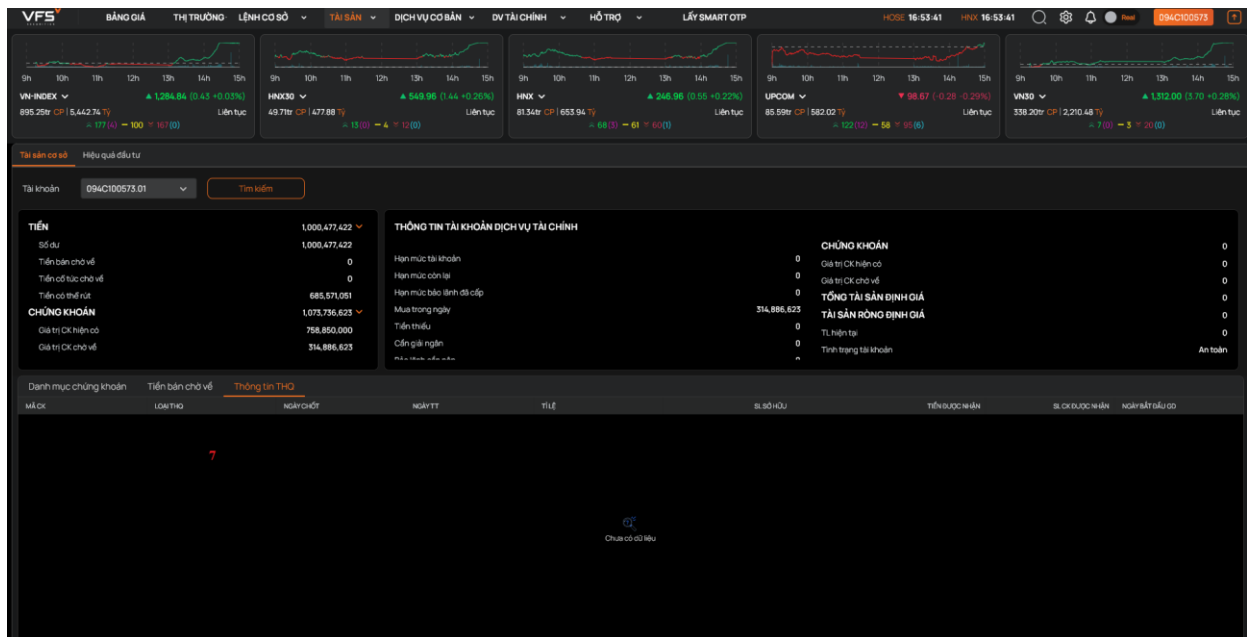
3. Báo cáo tài sản

📌 Đường dẫn: Tài sản/ Báo cáo tài sản

📌 Mục đích: Theo dõi thông tin tổng hợp của tài khoản

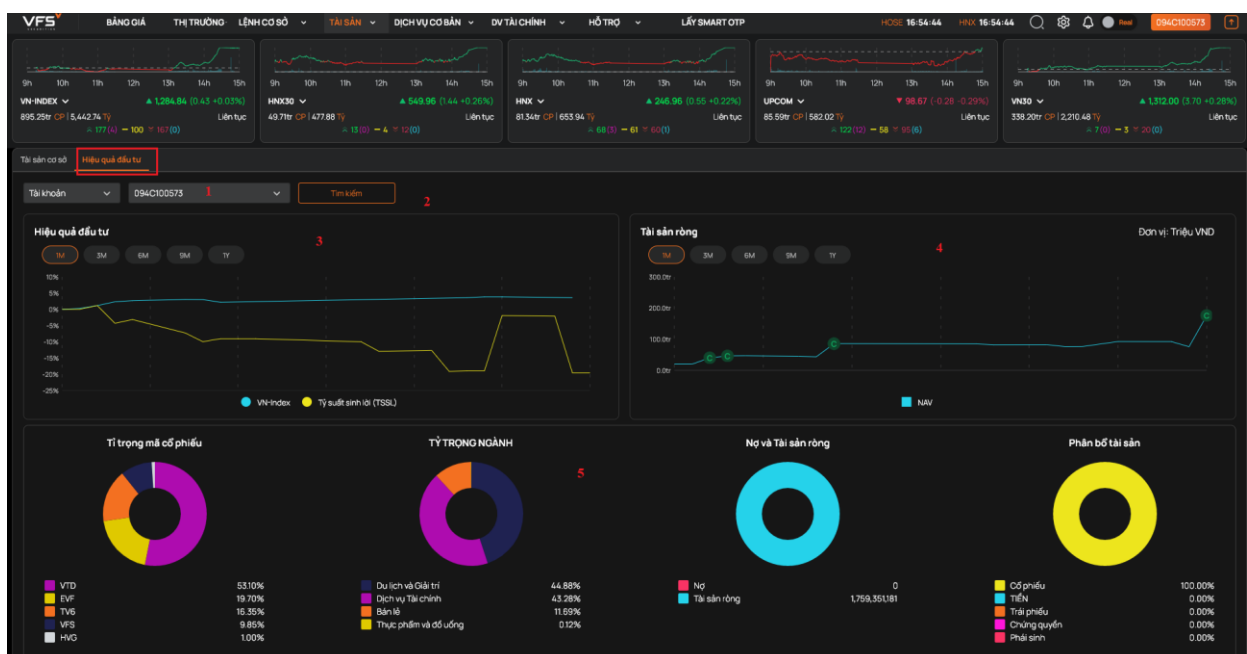
- Tài sản cơ sở





- (1) Nhập tiểu khoản
- (2) Nhấn Tìm kiếm
- (3) Thông tin Tiền, Chứng khoán, Nợ của tiểu khoản, Tổng tài sản, Tài sản ròng
- (4) Thông tin tài khoản dịch vụ tài chính
- (5) Danh mục chứng khoán
- (6) Tiền bán chờ về
- (7) Thông tin thực hiện quyền

- **Hiệu quả đầu tư**



- (1) Nhập thông tin lọc tìm kiếm (chọn xem thông tin hiệu quả đầu tư theo tài khoản hoặc tiểu khoản)
- (2) Nhấn Tìm kiếm
- (3) Đồ thị hiệu quả đầu tư của tài khoản/ tiểu khoản
- (4) Đồ thị tài sản ròng của tài khoản/ tiểu khoản
- (5) Đồ thị tỷ trọng mã CK, tỷ trọng ngành, tỷ trọng nợ và tài sản ròng, phân bổ tài sản

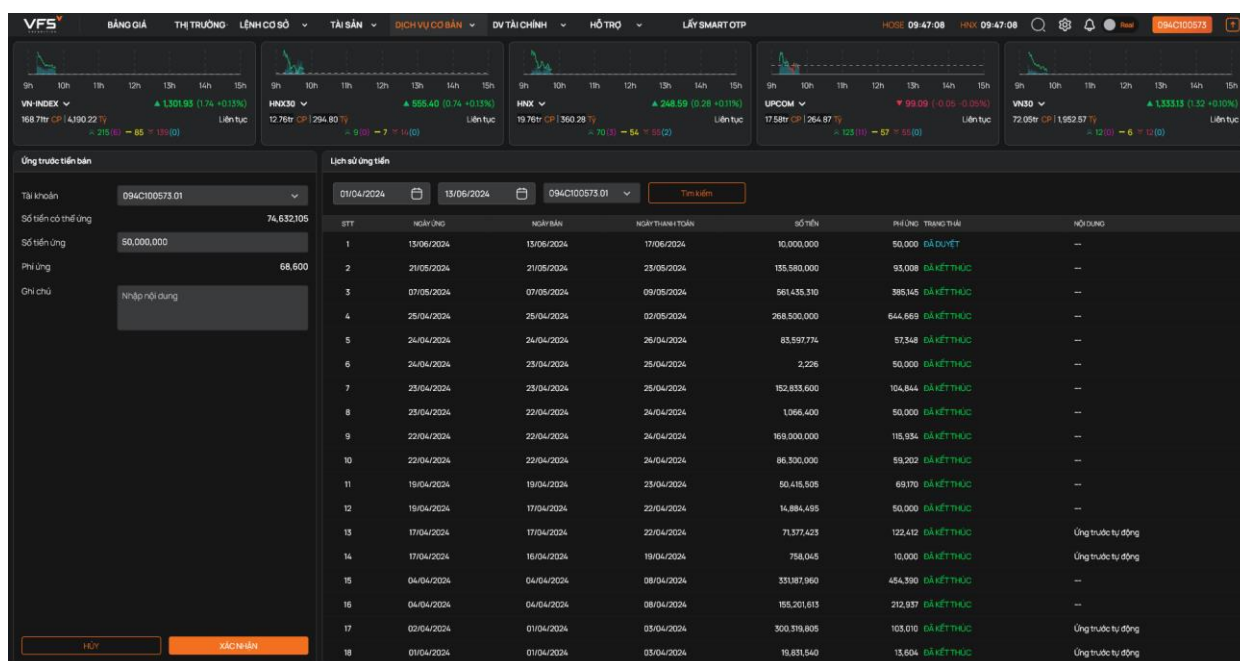
VI. DỊCH VỤ CƠ BẢN

1. Ứng trước

 Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản / Ứng trước

 Mục đích: Thêm, xóa hợp đồng ứng trước tiền bán. Không cần chọn ngày bán, người dùng chỉ cần nhập Số tiền thực nhận. Phần mềm tự động ứng trước khi nào đủ số tiền thực nhận. Theo quy tắc được thiết lập ứng theo ngày bán gần nhất hoặc ngày tiền về gần nhất.

• Tạo hợp đồng



STT	Ngày ứng	Ngày bán	Ngày thanh toán	Số tiền	Phí ứng	Trạng thái	Nội dung
1	13/06/2024	13/06/2024	17/06/2024	10,000,000	50,000	ĐÃ DUYẾT	—
2	21/05/2024	21/05/2024	23/05/2024	135,580,000	93,008	ĐÃ KẾT THÚC	—
3	07/05/2024	07/05/2024	09/05/2024	561,435,310	395,145	ĐÃ KẾT THÚC	—
4	25/04/2024	25/04/2024	02/05/2024	268,500,000	644,689	ĐÃ KẾT THÚC	—
5	24/04/2024	24/04/2024	26/04/2024	83,597,774	57,548	ĐÃ KẾT THÚC	—
6	24/04/2024	23/04/2024	25/04/2024	2,226	50,000	ĐÃ KẾT THÚC	—
7	23/04/2024	23/04/2024	25/04/2024	152,833,600	104,844	ĐÃ KẾT THÚC	—
8	23/04/2024	22/04/2024	24/04/2024	1,066,400	50,000	ĐÃ KẾT THÚC	—
9	22/04/2024	22/04/2024	24/04/2024	169,000,000	115,934	ĐÃ KẾT THÚC	—
10	22/04/2024	22/04/2024	24/04/2024	86,300,000	59,202	ĐÃ KẾT THÚC	—
11	19/04/2024	19/04/2024	23/04/2024	50,415,505	69,170	ĐÃ KẾT THÚC	—
12	19/04/2024	17/04/2024	22/04/2024	14,884,455	50,000	ĐÃ KẾT THÚC	—
13	17/04/2024	17/04/2024	22/04/2024	71,377,423	122,422	ĐÃ KẾT THÚC	Ứng trước tự động
14	17/04/2024	16/04/2024	19/04/2024	758,045	10,000	ĐÃ KẾT THÚC	Ứng trước tự động
15	04/04/2024	04/04/2024	08/04/2024	331,087,960	454,390	ĐÃ KẾT THÚC	—
16	04/04/2024	04/04/2024	08/04/2024	185,201,613	212,637	ĐÃ KẾT THÚC	—
17	02/04/2024	01/04/2024	03/04/2024	300,319,805	103,010	ĐÃ KẾT THÚC	Ứng trước tự động
18	01/04/2024	01/04/2024	03/04/2024	16,831,540	13,604	ĐÃ KẾT THÚC	Ứng trước tự động

- (1) Nhập vào các thông tin:

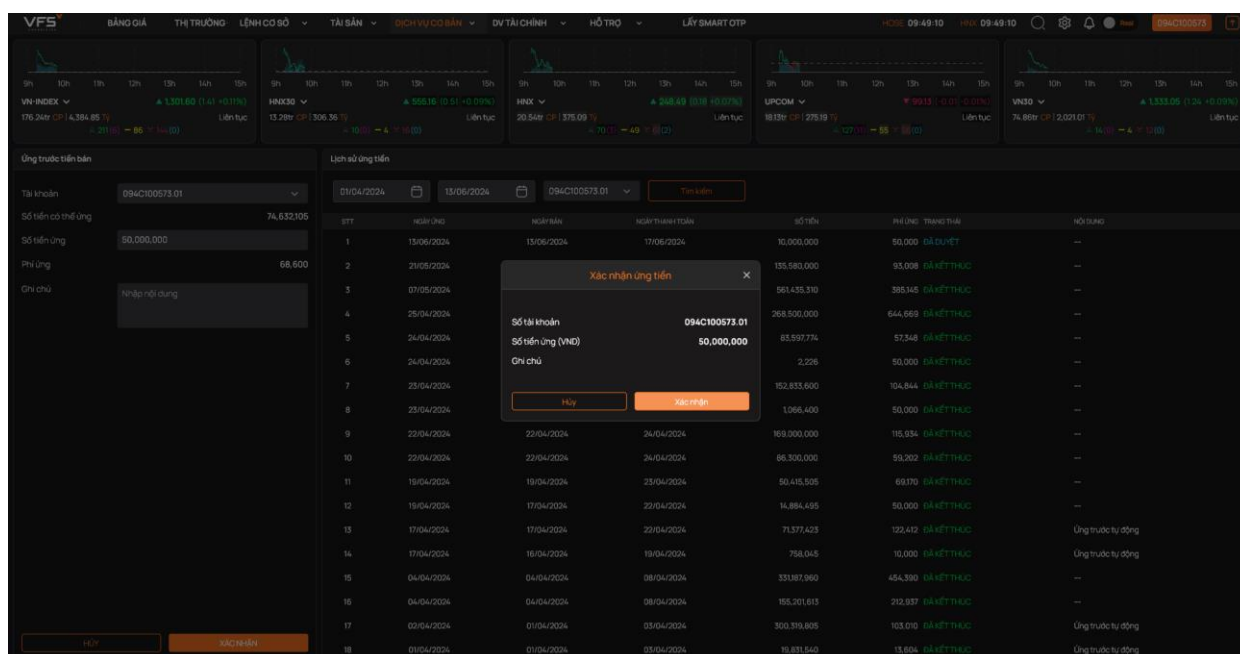
- Tài khoản: Nhập tiểu khoản => nhấn Enter => hệ thống hiển thị thông tin Số tiền có thể ứng theo tiểu khoản

(2) Nhập số tiền Ứng dựa trên Số tiền có thể ứng phần mềm hiển thị ở trên. Nhấn Enter => Hệ thống hiển thị thông tin phí ứng

- Nhập Ghi chú

(3) Nhấn nút Hủy: xóa dữ liệu nhập vừa nhập

- Nhấn Xác nhận => hệ thống hiển thị popup xác nhận thông tin gồm các thông tin: Số tài khoản, Số tiền ứng, Ghi chú



(4) Nhấn Hủy tại popup xác nhận: Đóng popup xác nhận thông tin

- Nhấn Xác nhận tại popup: Tạo yêu cầu ứng tiền thành công

• Lịch sử Ứng tiền

Thông tin các bộ lọc tìm kiếm tại Lịch sử ứng tiền gồm:

Từ ngày, Đến ngày, Nhập tiểu khoản, Button Tìm kiếm

Bộ lọc lịch sử ứng tiền hiển thị các thông tin:

Ngày ứng, ngày bán, ngày thanh toán, số tiền, phí ứng, trạng thái, nội dung.

2. Chuyển khoản tiền

2.1 Chuyển khoản nội bộ

🚦 *Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản/ Chuyển khoản tiền/ Chuyển khoản nội bộ*

🚦 *Mục đích: Thực hiện chuyển tiền qua lại giữa các tài khoản GDCK cùng công ty*

- *Tạo yêu cầu Chuyển khoản nội bộ*

The screenshot shows the VFS Home Trading application interface. At the top, there's a navigation bar with tabs like 'BẢNG GIÁ', 'THỊ TRƯỜNG', 'LỆNH CƠ SỞ', 'TÀI SẢN', 'DỊCH VỤ CƠ BẢN', 'DV TÀI CHÍNH', 'HỖ TRỢ', and 'LẤY SMART OTP'. Below the navigation bar, there are several market data widgets showing indices like VN-INDEX, HNX, and UPCOM with their current values and percentage changes. The main area is titled 'Tạo yêu cầu chuyển tiền' (Create transfer request). It has a sidebar on the left with fields for 'Thao tác' (Action), 'TK chuyển' (Transfer account), 'Số TK nhận' (Receiving account number), 'Tên TK nhận' (Receiving account name), 'Khả dụng chuyển' (Transferable amount), 'Số tiền chuyển' (Transfer amount), and 'Nội dung' (Content). The 'Số tiền chuyển' field is highlighted with a red border and contains the value '1,000,000'. The 'Nội dung' field contains the text 'TK 094C100573.01 chuyển khoản nội bộ cho TK 094C100573.10'. At the bottom, there are two buttons: 'HỦY' (Cancel) and 'XÁC NHẬN' (Confirm).

(1) Tạo yêu cầu chuyển khoản tiền

- ❖ Nhập tài khoản: Hệ thống hiển thị thông tin Khả dụng chuyển của tài khoản chuyển.
- ❖ Chọn Số TK nhận
- ❖ Nhập số tiền chuyển khoản
- ❖ Nhập Nội dung: hoặc chọn nội dung đã mặc định

(2) Nhấn XÁC NHẬN hoặc nhấn HỦY

- ❖ Nhấn XÁC NHẬN: điều kiện thực hiện:
 - Thời gian thực hiện tạo phiếu nằm trong khoản Thời gian bắt đầu ... Thời gian kết thúc

➤ Số tiền tối thiểu ≤ Số tiền chuyển ≤ Số tiền tối đa

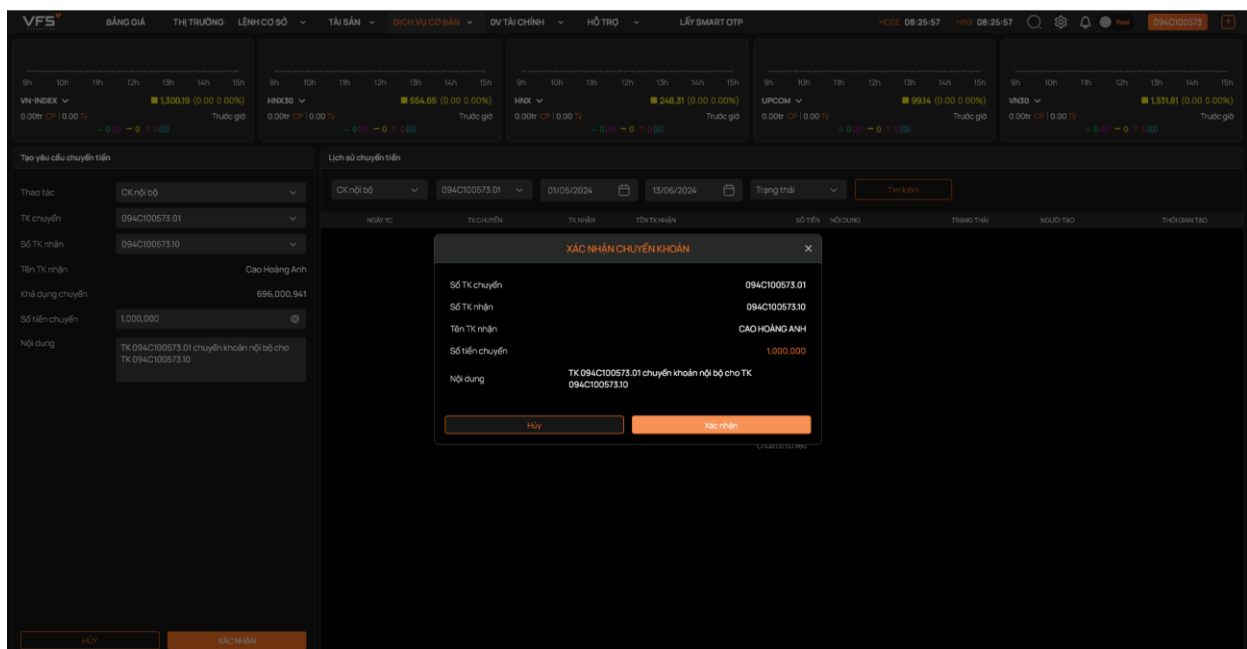
➤ $0 \leq \text{Số tiền chuyển} + \text{Phí} + \text{Phí SMS} \leq \text{Khả dụng}$

❖ Thỏa mãn các điều kiện trên tiếp tục thực hiện bước (3)

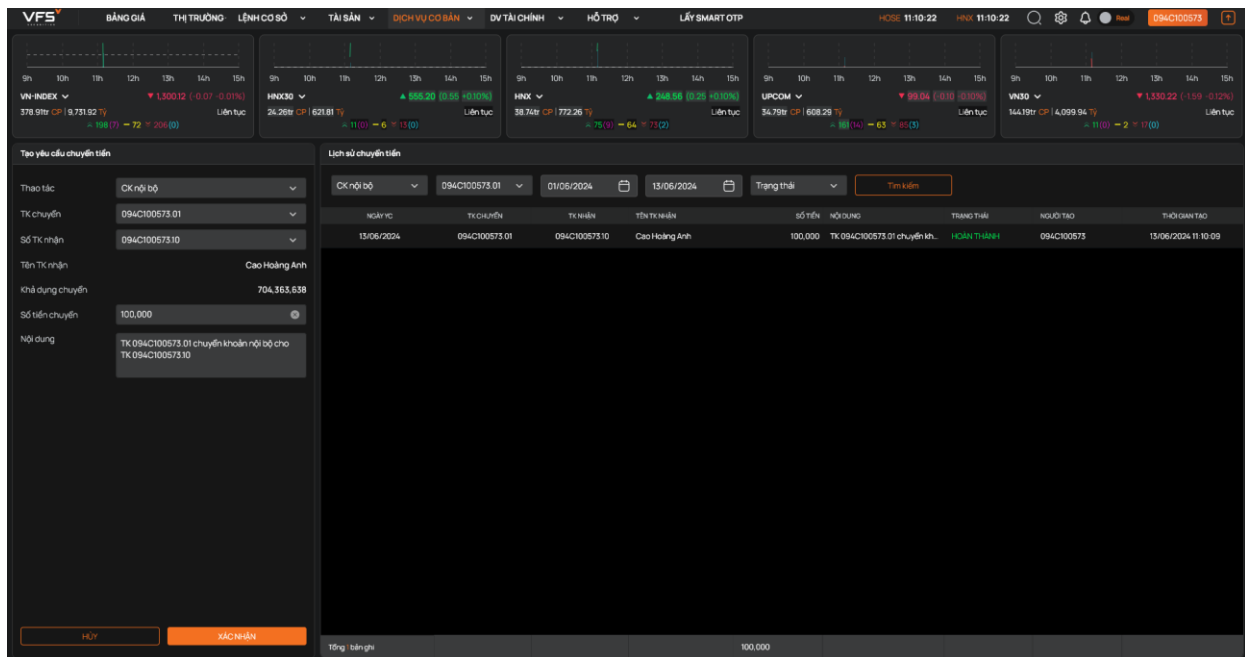
❖ Nhấn HỦY: xóa thông tin nhập đã nhập tạo yêu cầu chuyển khoản

(3) Nhấn XÁC NHẬN để thực hiện yêu cầu chuyển tiền: Hệ thống hiển thị popup xác nhận gồm các thông tin: Số TK chuyển, Số TK nhận, Tên TK nhận, Số tiền chuyển, Nội dung.

(4) Nhấn HỦY tại màn xác nhận => đóng popup. Nhấn XÁC NHẬN => Thực hiện tạo yêu cầu



- **Lịch sử Chuyển khoản nội bộ**



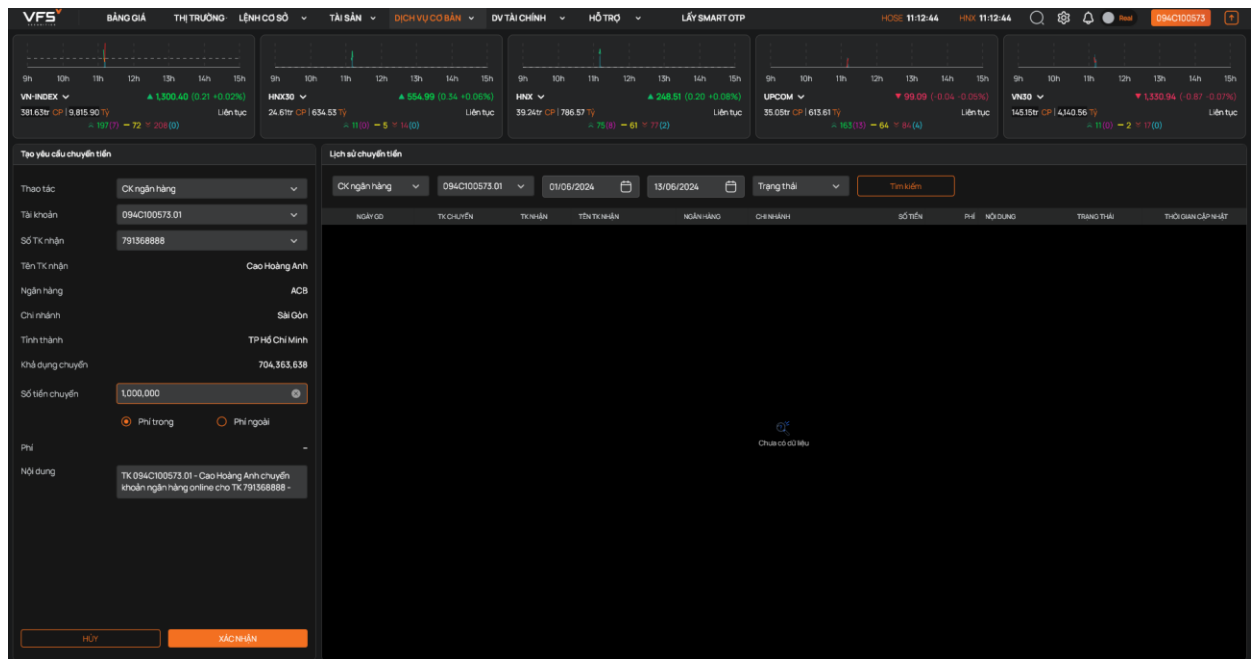
- Bộ lọc tìm kiếm tại màn hình Lịch sử chuyển khoản nội bộ: Tài khoản chuyển, Từ ngày, Đến ngày, Trạng thái
- Bộ lọc Lịch sử chuyển khoản nội bộ hiển thị các thông tin: Ngày YC, TK chuyển, TK nhận, Tên TK, Số tiền, Nội dung, Trạng thái, Người tạo, Thời gian tạo.
- Tổng số bản ghi, Tổng số tiền chuyển

2.2 Chuyển khoản ngân hàng

🚦 *Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản / Chuyển khoản tiền/ Chuyển khoản ngân hàng*

🚦 *Mục đích: Thực hiện chuyển tiền từ tài khoản GDCK đến tài khoản ngân hàng*

- *Tạo yêu cầu Chuyển khoản ngân hàng*

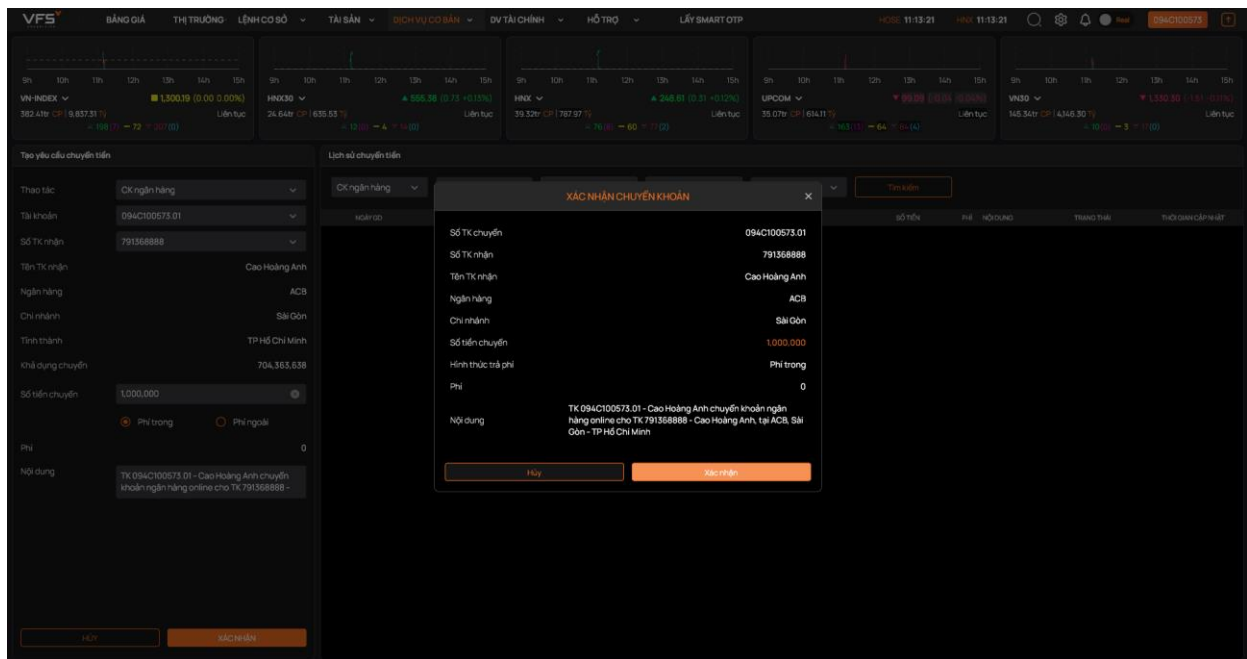


(1) Nhập thông tin phiếu chuyển khoản ngân hàng

- ❖ Nhập tài khoản chuyển: Hệ thống hiển thị thông tin Khả dụng chuyển theo tiêu khoản chuyển
- ❖ Nhập thông tin tài khoản nhận: Số tài khoản, tên tài khoản, Ngân hàng, chi nhánh, tỉnh thành
- ❖ Số tiền chuyển. Nhập số tiền → Tự động tính Phí

(2) Nhấn XÁC NHẬN hoặc nhấn HỦY

- ❖ Nhấn HỦY: xóa toàn bộ thông tin nhập tại màn tạo yêu cầu
- ❖ Nhấn XÁC NHẬN: hiển thị popup xác nhận gồm các thông tin: Số TK chuyển, Số TK nhận, Tên TK nhận, Ngân hàng, Chi nhánh, Số tiền chuyển, Hình thức trả phí, Phí, Nội dung



❖ Điều kiện thực hiện:

- $Số tiền tối thiểu \leq Số tiền chuyển \leq Số tiền tối đa$
- $0 \leq Số tiền chuyển + Phí + Phí SMS \leq Khả dụng$
- $Số tiền chuyển \leq Hạn mức khách hàng còn lại$
- $Số tiền chuyển \leq Hạn mức công ty còn lại$
- Số lần chuyển khoản không vượt quá số lần tối đa/ngày
- Thời gian thực hiện tạo phiếu nằm trong khoản Thời gian bắt đầu ...
Thời gian kết thúc cùng ngày → Thực hiện tạo yêu cầu chuyển tiền
- Thời gian thực hiện tạo phiếu khác ngày giao dịch của hệ thống →
Thông báo phiếu cho ngày giao dịch tiếp theo
 - Đồng ý thì thực hiện bước
 - Cancel thì kết thúc
- Ngoài các khoảng thời gian trên → Hệ thống thông báo thời gian thực hiện không hợp lệ → Kết thúc

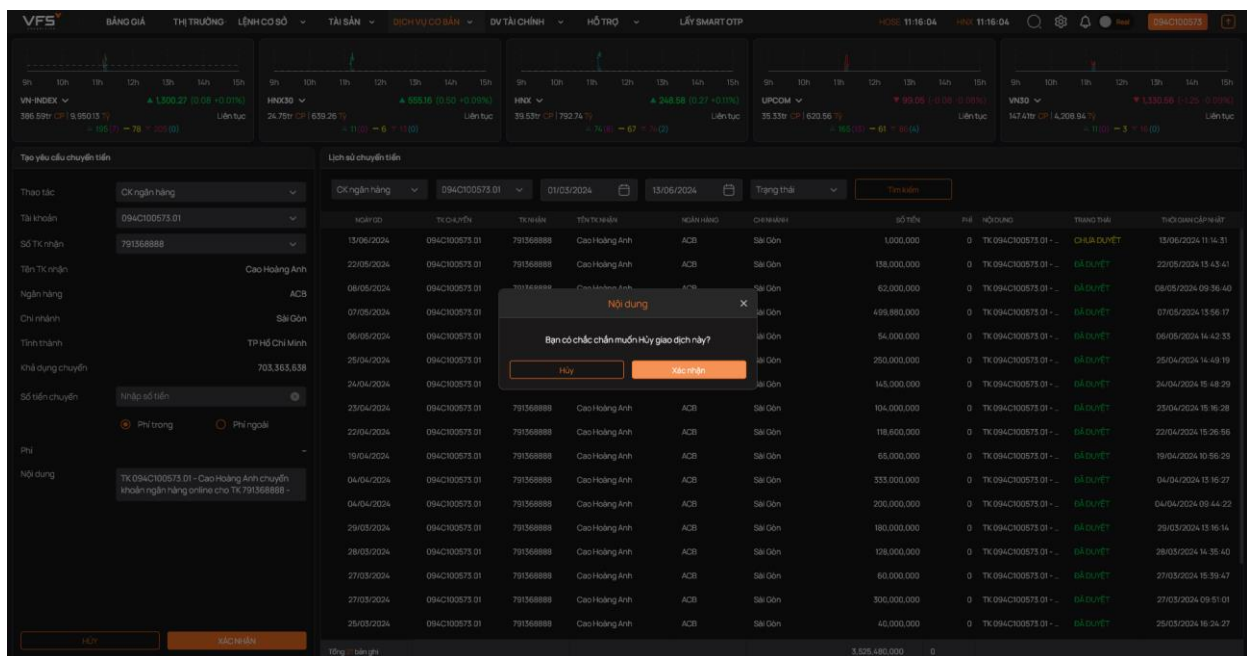
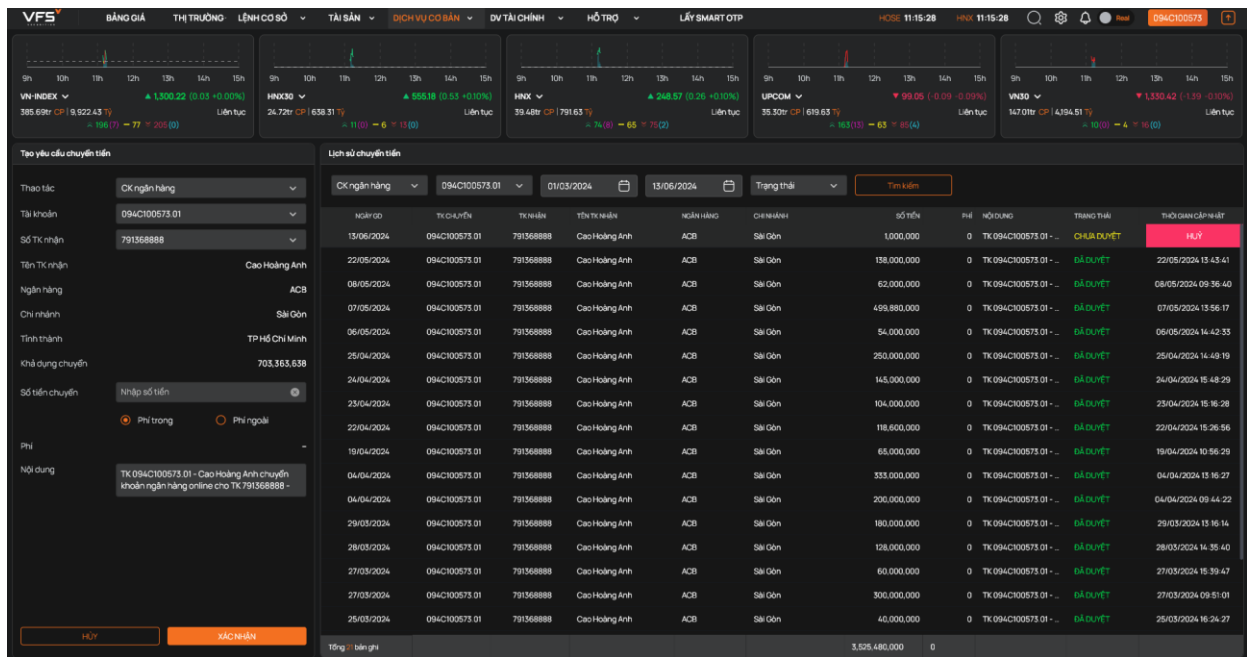
- ❖ Thỏa mãn các điều kiện trên => Khi nhấn Xác nhận tại popup xác nhận
=> tiếp tục thực hiện Tạo yêu cầu ck ngân hàng.
- ❖ Nhấn HỦY: đóng popup xác nhận

- **Lịch sử Chuyển khoản ngân hàng**

Ngày GD	TK chuyển	TK nhận	Tên TK nhận	Ngân hàng	Chi nhánh	Số tiền	Phí	Nội dung	Trạng thái	Thời gian cập nhật
13/06/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	1,000,000	0	TK 094C100573.01 - ...	CHƯA DUYỆT	13/06/2024 11:34:31
22/05/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	138,000,000	0	TK 094C100573.01 - ...	BÁO DUYỆT	22/05/2024 13:43:41
08/05/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	62,000,000	0	TK 094C100573.01 - ...	BÁO DUYỆT	08/05/2024 09:36:40
07/05/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	499,880,000	0	TK 094C100573.01 - ...	BÁO DUYỆT	07/05/2024 13:56:17
06/05/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	54,000,000	0	TK 094C100573.01 - ...	BÁO DUYỆT	06/05/2024 14:42:33
25/04/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	250,000,000	0	TK 094C100573.01 - ...	BÁO DUYỆT	25/04/2024 14:49:19
24/04/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	145,900,000	0	TK 094C100573.01 - ...	BÁO DUYỆT	24/04/2024 15:48:29
23/04/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	104,000,000	0	TK 094C100573.01 - ...	BÁO DUYỆT	23/04/2024 15:16:28
22/04/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	118,600,000	0	TK 094C100573.01 - ...	BÁO DUYỆT	22/04/2024 15:26:56
19/04/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	65,000,000	0	TK 094C100573.01 - ...	BÁO DUYỆT	19/04/2024 10:56:29
04/04/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	333,000,000	0	TK 094C100573.01 - ...	BÁO DUYỆT	04/04/2024 13:16:27
04/04/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	200,000,000	0	TK 094C100573.01 - ...	BÁO DUYỆT	04/04/2024 09:44:22
29/03/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	180,000,000	0	TK 094C100573.01 - ...	BÁO DUYỆT	29/03/2024 13:16:14
28/03/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	128,000,000	0	TK 094C100573.01 - ...	BÁO DUYỆT	28/03/2024 14:35:40
27/03/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	60,000,000	0	TK 094C100573.01 - ...	BÁO DUYỆT	27/03/2024 15:39:47
27/03/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	300,000,000	0	TK 094C100573.01 - ...	BÁO DUYỆT	27/03/2024 09:51:01
25/03/2024	094C100573.01	791368888	Cao Hoàng Anh	ACB	Sài Gòn	40,000,000	0	TK 094C100573.01 - ...	BÁO DUYỆT	25/03/2024 16:24:27

- Bộ lọc tại lịch sử chuyển khoản ngân hàng: Tk chuyển, TK nhận, Ngân hàng nhận, Từ ngày, Đến ngày, Trạng thái
- Bộ lọc lịch sử chuyển tiền: Hiển thị các thông tin gồm: Ngày GD, TK chuyển, TK nhận, Tên TK nhận, Ngân hàng, Chi nhánh, Số tiền, Phí, Nội dung, Trạng thái, Thời gian cập nhật
- Tổng số bản ghi, Tổng số tiền chuyển, Tổng phí

- **Hủy yêu cầu Chuyển khoản ngân hàng**



(1) Chọn dòng cần hủy & nhấn nút HỦY → Bật form xác nhận HỦY

❖ Chỉ được hủy khi có trạng thái = Chưa duyệt

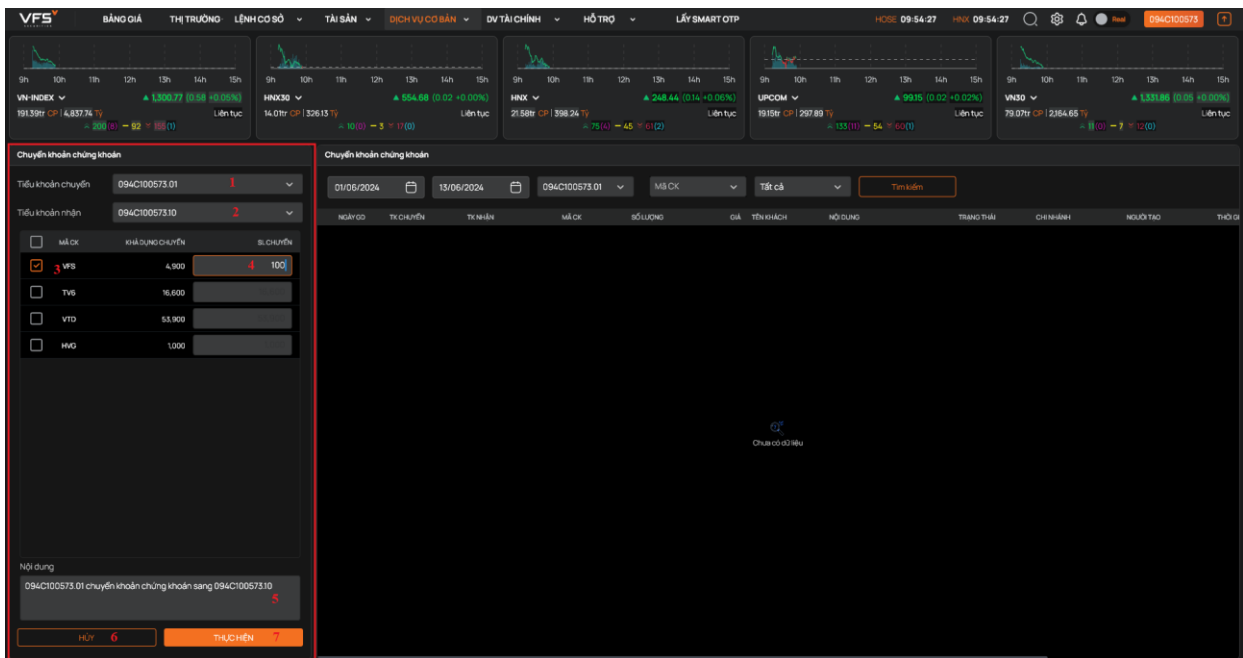
(2) Nhấn Xác nhận đồng ý hủy hoặc nhấn Hủy hủy bỏ yêu cầu hủy

3. Chuyển khoản chứng khoán

🌈 Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản / Chuyển khoản chứng khoán

🌈 Mục đích: Thực hiện chuyển chứng khoán giữa các tiểu khoản thuộc cùng 1 tài khoản GDCK

- **Tạo yêu cầu chuyển khoản CK**



- (1) Chọn tiêu khoản chuyển
- (2) Chọn Tiểu khoản nhận
- (3) Tích vào mã chứng khoán muốn chuyển nhượng. Ô SL chuyển hiển thị KL tối đa có thể chuyển của mã
- (4) Sửa giá trị SL chuyển
- (5) Nhập nội dung hoặc chọn nội dung đã được mặc định
- (6) Nhấn Hủy → hệ thống xóa toàn bộ dữ liệu màn hình tạo
 - Nhân Thực hiện:
 - **Lịch sử chuyển khoản chứng khoán**

- Bộ lọc tìm kiếm gồm: Từ ngày, Đến ngày, Nhập TK chuyển, Mã CK, Trạng thái
- Thông tin Bộ lọc lịch sử chuyển khoản chứng khoán: Ngày GD, TK chuyển, TK nhận, Mã CK, Số lượng, Giá, Tên khách, Nội dung, Trạng thái, Chi nhánh, Người tạo, Thời gian tạo, Người cập nhật, Thời gian cập nhật
- *Sửa yêu cầu chuyển khoản CK*

(1) Chọn dòng cần sửa & nhấn nút Sửa → sửa lại thông tin phiếu chuyển khoản, chỉ hiện Số lượng & Ghi chú để sửa

❖ Chỉ được sửa khi có trạng thái = Chưa duyệt

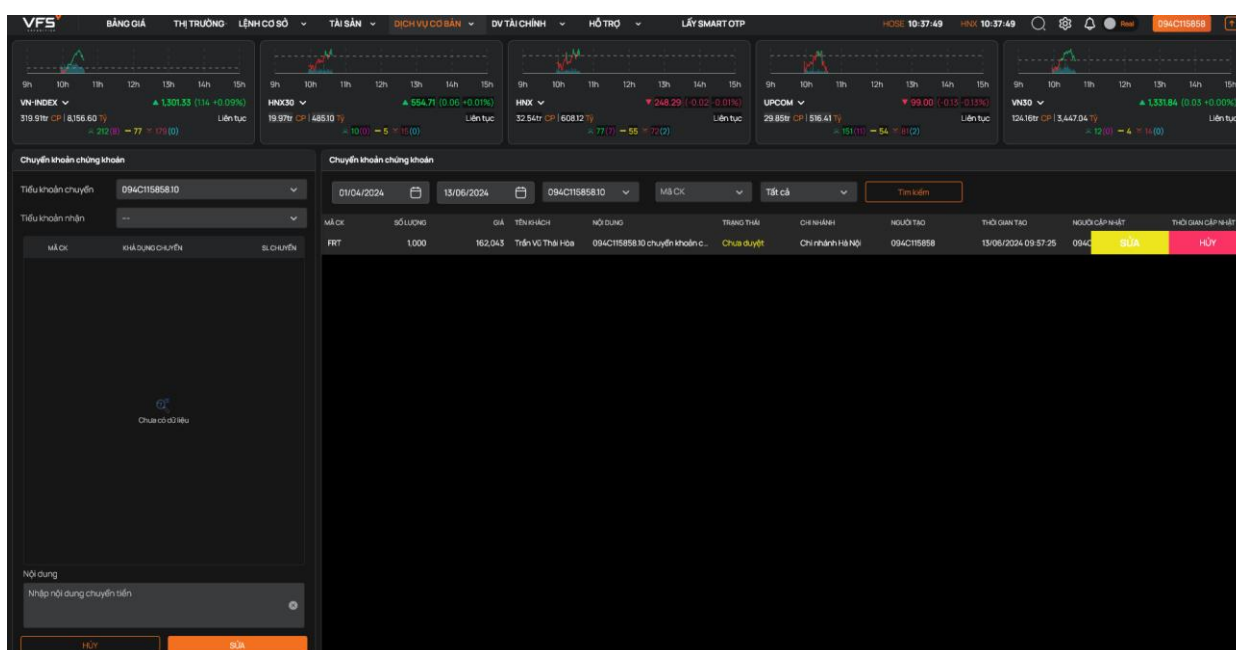
(2) Thực hiện sửa Số lượng chuyển khoản

(3) Sửa ghi chú

(4) Nhấn SỬA: Cập nhật thông tin phiếu chuyển khoản

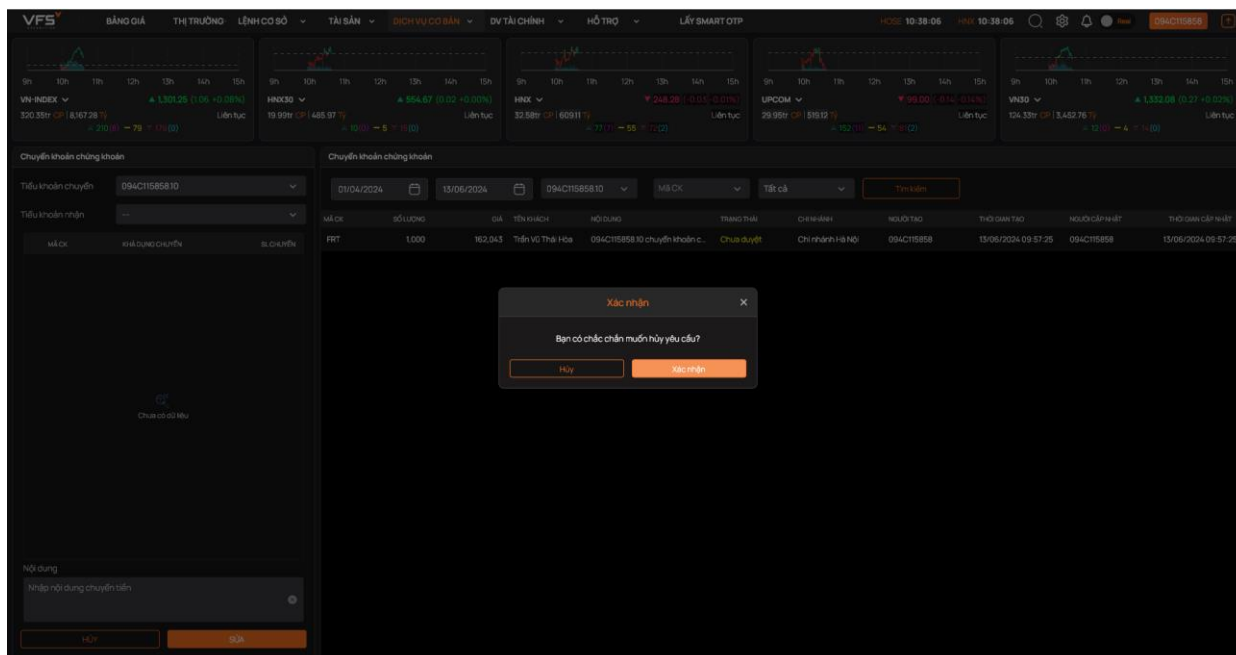
(5) Nhấn HỦY: Huỷ bỏ thông tin sửa đổi, giữ nguyên giá trị cũ

- **Hủy yêu cầu chuyển khoản CK**



(1) Chọn dòng cần huỷ & nhấn nút HỦY → Xác nhận Hủy

❖ Chỉ được huỷ khi có trạng thái = Chưa duyệt



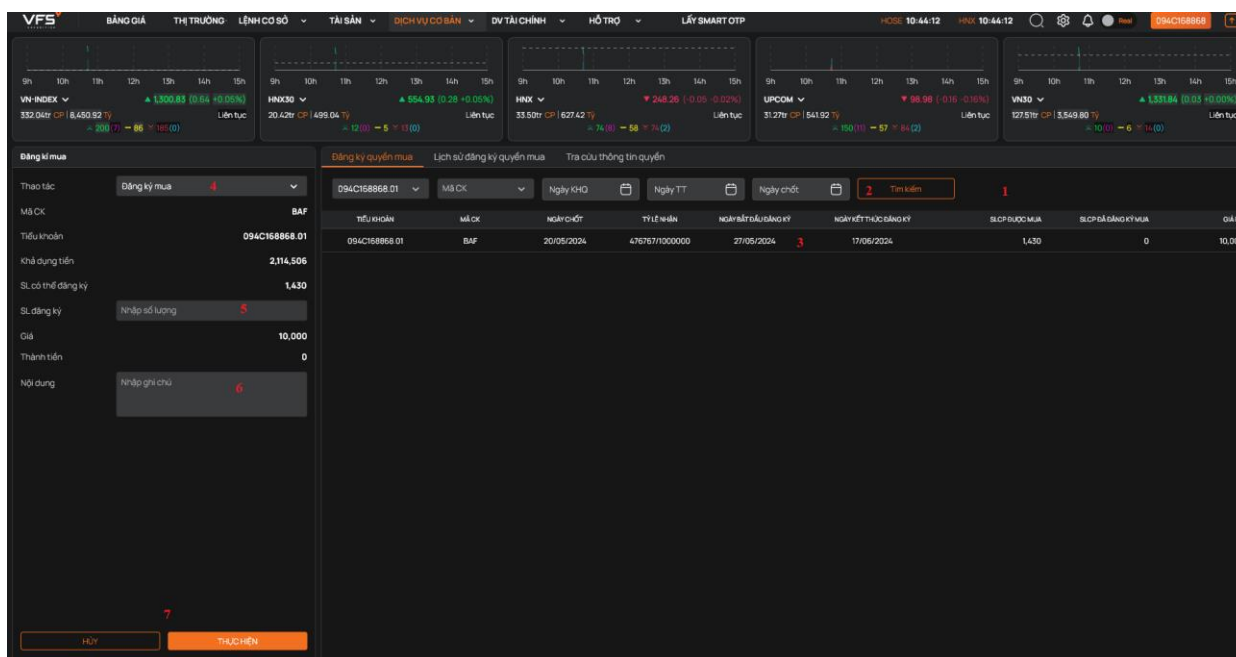
(2) Nhấn Xác nhận đồng ý hủy hoặc nhấn HỦY hủy bỏ yêu cầu hủy

4. Đăng ký mua phát hành thêm

 Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản / Đăng ký mua phát hành thêm

 Mục đích: Cho phép đăng ký mua phát hành thêm, sửa và hủy thông tin đăng ký mua phát hành thêm

- Đăng ký mua phát hành thêm



(1) Chọn thông tin phát hành để đăng ký: Nhập thông tin bộ lọc tìm kiếm

(2) Nhấn Tìm kiếm

(3) Tại Bộ lọc thông tin quyền → Nhấn chọn dòng thông tin mã CK đăng ký mua
→ thông tin mã CK, Số lượng có thể đăng ký, Giá được mặc định

(4) Chọn thao tác: Đăng ký / Hủy đăng ký

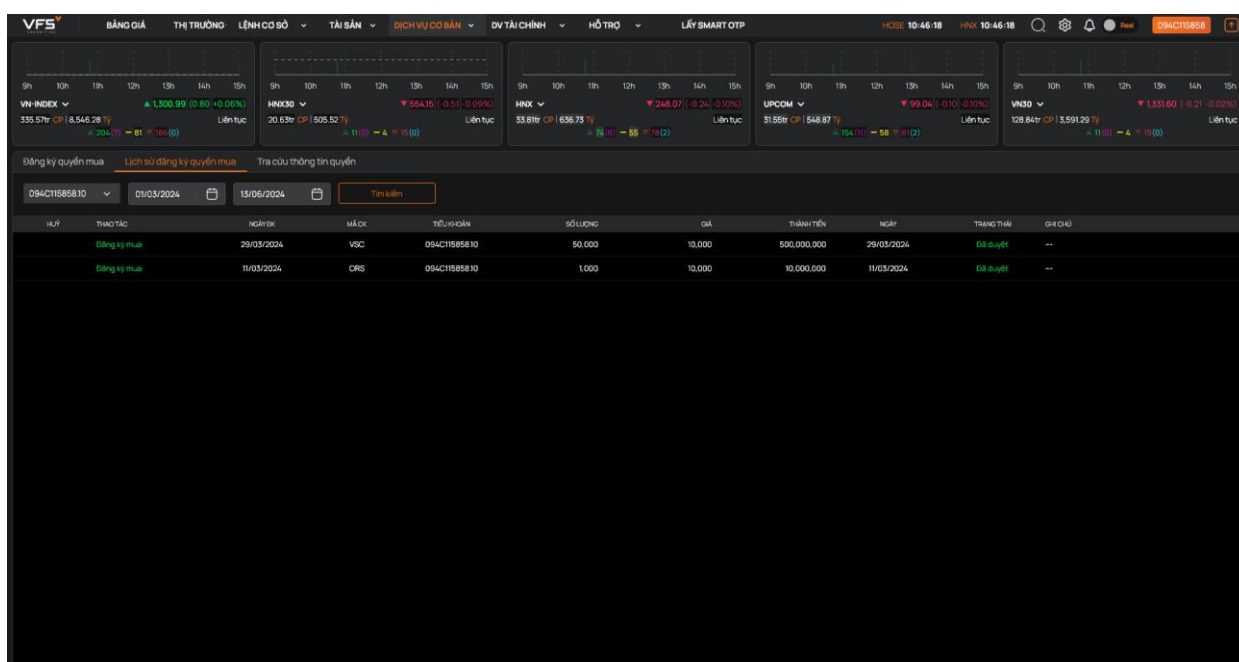
(5) Nhập SL đăng ký → hệ thống tính và hiển thị Thành tiền = SL đăng ký * Giá

(6) Nhập Nội dung

(7) Nhấn Hủy → xóa thông tin nhập ở màn tạo yêu cầu

Nhấn Thực hiện → thực hiện tạo yêu cầu đăng ký

- Lịch sử đăng ký quyền mua**

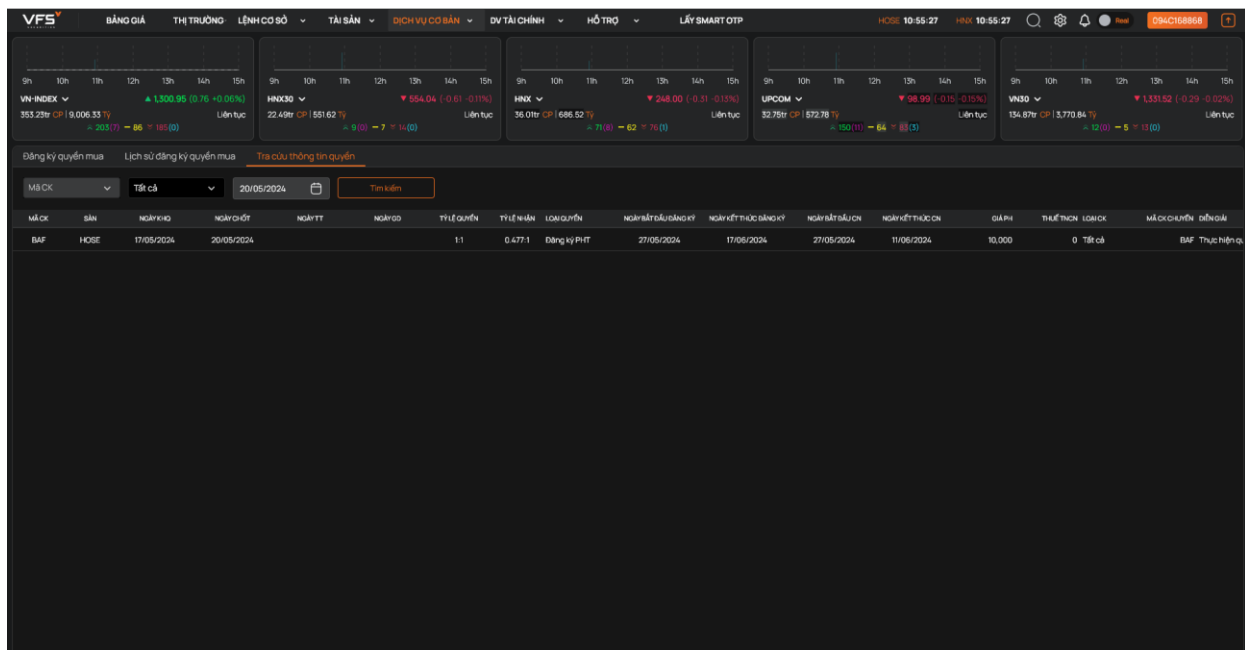


(1) Nhập thông tin bộ lọc tìm kiếm: bộ lọc gồm Tiểu khoản, Từ ngày, Đến ngày

(2) Nhấn Tìm kiếm

(3) Bộ lọc hiển thị các thông tin: Hủy, Thao tác, Ngày ĐK, Mã CK, Tiểu khoản, Số lượng, Giá, Thành tiền, Ngày, Trạng thái, Ghi chú

- Tra cứu thông tin quyền**

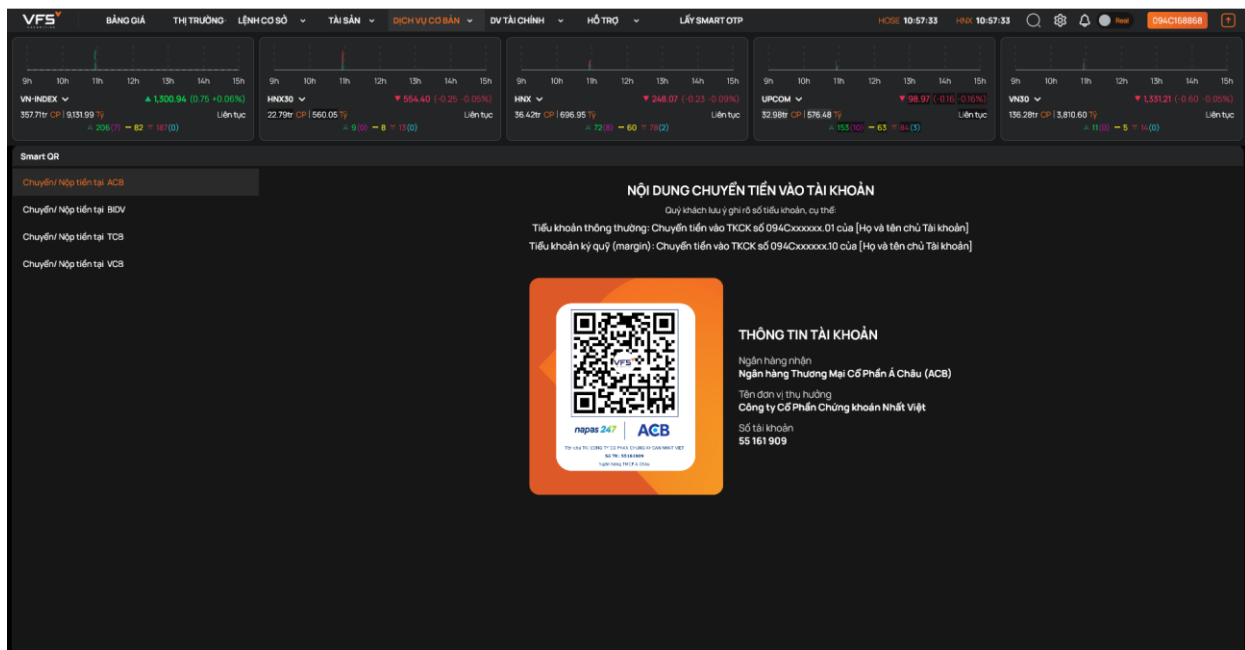


- (1) Nhập thông tin vào bộ lọc tìm kiếm: Mã CK, Loại quyền, Ngày chốt
- (2) Nhấn Tìm kiếm
- (3) Bộ lọc hiển thị các thông tin: Mã CK, Sàn, Ngày KHQ, Ngày chốt, Ngày TT, Ngày GD, Tỷ lệ quyền, Tỷ lệ nhận, Loại quyền, Ngày bắt đầu đăng ký, Ngày kết thúc đăng ký, Ngày bắt đầu CN, Ngày kết thúc CN, Giá PH, Thuế TNCN, Loại CK, Mã CK chuyển, Diễn giải

5. Smart QR

 Đường dẫn: Dịch vụ cơ bản / Smart QR

 Mục đích: Thông tin nhận nộp tiền vào TKCK tại ACB, BIDV, TCB, VCB



Khách hàng lựa chọn ngân hàng chuyển tiền vào, quét mã QR và nhập nội dung chuyển tiền như hướng dẫn.

VII. DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

7.1. Danh mục chứng khoán ký quỹ

 **Đường dẫn:** Dịch vụ tài chính / Danh mục chứng khoán ký quỹ

 **Mục đích:** Tra cứu thông tin chứng khoán ký quỹ

- **Tra cứu chứng khoán ký quỹ**

STT	MÃ CHỨNG KHOÁN	TÊN CHỨNG KHOÁN	TỶ CHO VAY	TỶ LỆ BÌNH GIÁ	GIÁ TỐI THIỂU	GIÁ TỐI ĐA	SÀN
1	AAA	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	0,5	1	0	15,000	HOSE
2	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	0,5	1	0	22,000	HOSE
3	ACC	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	0,2	1	0	19,000	HOSE
4	ACL	CTCP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang	0,2	1	0	18,000	HOSE
5	ADS	Công ty cổ phần Damson	0,2	1	0	21,000	HOSE
6	AGG	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	0,3	1	0	40,000	HOSE
7	AGR	CTCP OK Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	0,4	1	0	18,000	HOSE
8	ANV	Công ty cổ phần Nam Việt	0,5	1	0	47,000	HOSE
9	ASM	CTCP Tập đoàn Sao Mai	0,3	1	0	15,000	HOSE
10	BAF	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	0,3	1	0	32,000	HOSE
11	BCD	Công ty cổ phần Bamboo Capital	0,3	1	0	14,000	HOSE
12	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	0,3	1	0	81,000	HOSE
13	BFC	CTCP Phân bón Bình Điền	0,4	1	0	23,000	HOSE
14	BIC	Tổng CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0,3	1	0	34,000	HOSE
15	BID	NHTM CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0,5	1	0	44,000	HOSE

(1) Thực hiện nhập dữ liệu cho bộ lọc, mặc định là tìm kiếm tất cả

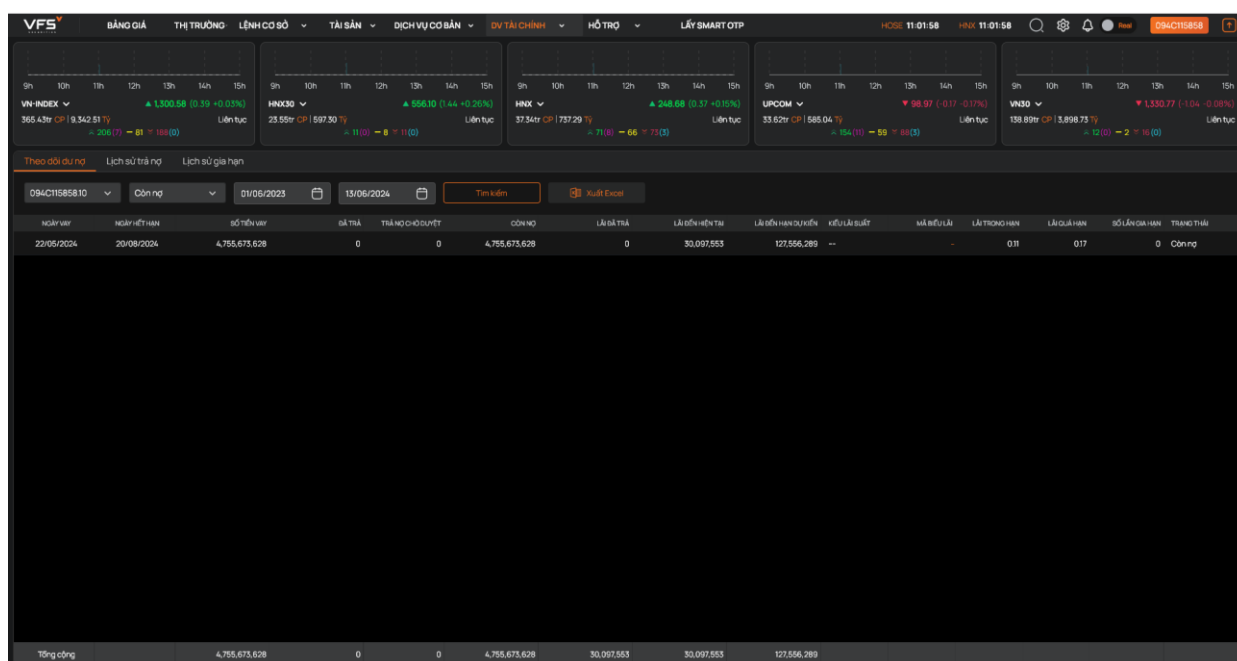
- (2) Nhấn vào nút Tìm kiếm để thực hiện tìm kiếm dữ liệu: chi tiết các chứng khoán trong danh mục margin sẽ hiển thị theo điều kiện tìm kiếm: STT, Mã CK, Tên CK, TL cho vay, Tỷ lệ định giá, Giá tối thiểu, Giá tối đa, Sàn

7.2. Công nợ Margin

 Đường dẫn: Dịch vụ tài chính/ Công nợ margin

 Mục đích: Theo dõi dư nợ Margin

- Xem thông tin hợp đồng Margin



Ngày vay	Ngày hết hạn	Số tiền vay	Đã trả	Trả nợ chờ duyệt	Còn nợ	Lãi đã trả	Lãi đến ngày hiện tại	Lãi đến hạn dự kiến	Kiểu lãi suất	Mã biểu lãi	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Số lần gia hạn	Trạng thái
22/05/2024	20/08/2024	4,755,675,628	0	0	4,755,675,628	0	30,097,553	127,556,289	--	-	011	017	0	Còn nợ
Tổng cộng		4,755,675,628	0	0	4,755,675,628	0	30,097,553	127,556,289						

- (1) Thực hiện nhấn vào hợp đồng tương ứng ở bộ lọc.

- (2) Nhấn Tìm kiếm

- (3) Thông tin của hợp đồng được hiển thị lên bộ lọc: Ngày vay, Ngày hết hạn, Số tiền vay, Đã trả, Trả nợ chờ duyệt, Còn nợ, Lãi đã trả, Lãi đến ngày hiện tại, Lãi đến hạn dự kiến, Kiểu lãi suất, Mã biểu lãi, Lãi trong hạn, Lãi quá hạn, Số lần gia hạn, Trạng thái.

7.3. Lịch sử trả nợ

 Đường dẫn: Dịch vụ tài chính / Công nợ margin – Lịch sử trả nợ

 Mục đích: Theo dõi lịch sử trả nợ

TİÊU KHOẢN	NGÀY GIẢI NGÂN	NỢ GỐC	NGÀY TRẢ	TRẢ NỢ	TRẢ LÃI	TRẢ NH	SỐ NGÀY TÍNH LÃI	Kiểu lãi suất	MÃ BIỂU LÃI	LÃI TRONG HẠN	LÃI QUÁ HẠN	TRẠNG THÁI
094C1585810	21/05/2024	4,046,152,413	22/05/2024	2,980,152,413	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	21/05/2024	4,046,152,413	22/05/2024	1,085,000,000	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	16/05/2024	663,501,646	16/05/2024	663,501,646	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	13/05/2024	6,260,902,494	14/05/2024	6,260,902,494	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	10/05/2024	1,973,724,800	13/05/2024	1,973,724,800	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	09/05/2024	1,290,852,675	10/05/2024	749,267,550	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	09/05/2024	1,290,852,675	10/05/2024	541,585,125	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	03/05/2024	201,263,388	06/05/2024	201,263,388	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	02/05/2024	5,890,736,908	03/05/2024	1,810,861,638	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	02/05/2024	5,890,736,908	03/05/2024	4,039,875,270	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	26/04/2024	1,885,673,908	02/05/2024	1,885,673,908	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	25/04/2024	1,562,591,520	26/04/2024	1,562,591,520	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	24/04/2024	1,568,150,773	25/04/2024	1,568,150,773	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	19/04/2024	10,084,541,944	22/04/2024	5,933,922,778	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	19/04/2024	10,084,541,944	22/04/2024	4,930,419,966	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	15/04/2024	8,344,937,323	16/04/2024	4,908,808,058	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	15/04/2024	8,344,937,323	16/04/2024	3,436,329,265	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt
094C1585810	12/04/2024	924,664,920	15/04/2024	924,664,920	0	0	0	---	---	---	---	Đã duyệt

(1) Nhập thông tin bộ lọc: Tiêu khoản, Từ ngày, Đến ngày, Trạng thái

(2) Nhấn tìm kiếm

(3) Thông tin gồm: Tiêu khoản, Ngày giải ngân, Nợ gốc, Ngày trả, Trả nợ, Trả lãi, Trả phí, Số ngày tính lãi, Kiểu lãi suất, Mã biểu lãi, Lãi trong hạn, Lãi quá hạn, Trạng thái

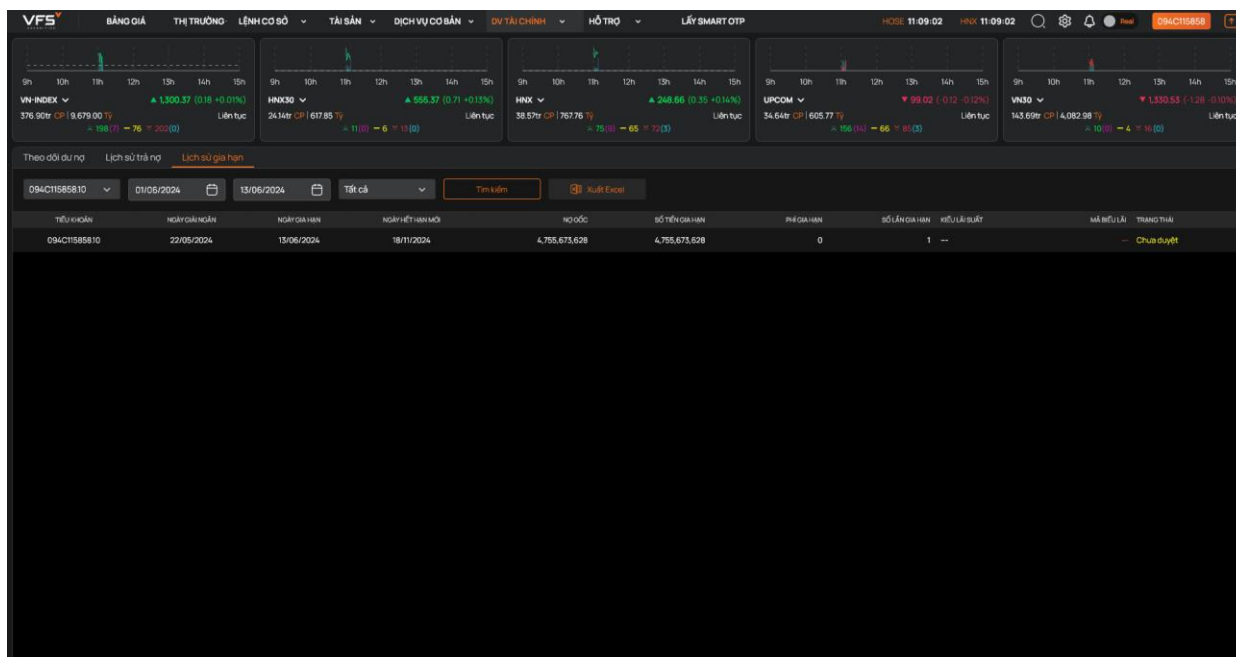
7.4. Lịch sử gia hạn

Đường dẫn: Dịch vụ tài chính / Công nợ margin – Lịch sử gia hạn

Mục đích: Theo dõi thông tin lịch sử gia hạn

(1) Nhập vào dữ liệu cho bộ lọc, mặc định sẽ tìm kiếm tất cả

(2) Nhấn nút Tìm để thực hiện tìm kiếm



- (1) Nhập thông tin điều kiện tìm kiếm: Tiểu khoản, Từ ngày, đến ngày, Trạng thái
- (2) Nhấn Tìm kiếm
- (3) Hiện thị các thông tin: Tiểu khoản, Ngày giải ngân, Ngày gia hạn, Ngày hết hạn mới, nợ gốc, Số tiền gia hạn, Phí gia hạn, Số lần gia hạn, Kiểu lãi suất, Mã biểu lãi, Trạng thái